

Số 304

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

**Thế tánh
của Tâm**

Tr. 18

**Bài ca
Chiêu hồn**

Tr. 7

*Nơi địa đầu
đất nước*

Tr. 58

a shining home

Citrine
Apartment



nơi trái tim là tổ ấm

Ngôi nhà là kết quả từ những nỗ lực của các thành viên để có thể sở hữu nó. Nhà không chỉ là nơi để ở mà còn là nơi để mọi thành viên sum vầy, cùng ghi nhớ những khoảnh khắc kỷ niệm trong đời.

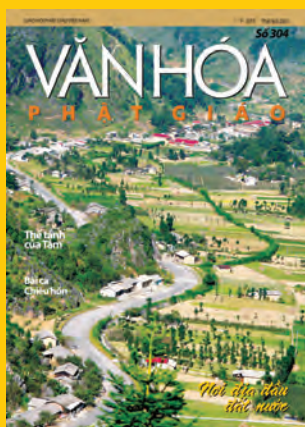
Citrine Apartment là dự án có vị trí đẹp, tọa lạc ngay mặt tiền đường Tăng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Q.9, TP.HCM với khu dân cư sầm uất, đối diện là Khu phức hợp Phước Long Spring Town 3,7ha (được Thuduc House đầu tư phát triển và bàn giao cho cư dân từ năm 2014), ngay cạnh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, chỉ cách ga Bình Thái của tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên khoảng 500m.

Bàn giao căn hộ dự kiến
12/2019



Chủ đầu tư

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC
Hotline: **0917 39 81 89 - 0933 05 45 68**
www.thuduchouse.com



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, Dương Đạt

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569

Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:

0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Cánh thư cuối hạ (Nguyễn Cần)	4
Bài ca Chiêu hồn mùa Vu-lan xá tội vong nhân (Nguyễn)	7
Công đức mở mang, ổn định bờ cõi phương Nam: Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (Thích Thiện Nhơn)	8
Oan cho Tiến sĩ giấy ngày xưa (Cao Văn Thức)	10
Việc chấn chỉnh phong hóa đầu triều Nguyễn (Tôn Thất Thọ)	12
Thế giới chung, thế giới riêng (Hoa Tâm)	14
Thế tánh của Tâm (Nguyễn Thế Đăng)	18
Chín phép thiên quán về cái chết (Ni trưởng Sangye Khadro; Lệ Nghiêm dịch)	20
Thai giáo - ươm mầm hạt giống Phật (Huỳnh Thị Cẩm Nhung)	24
Ứng dụng lời Phật dạy trong đạo đức kinh doanh (Hoa Tâm Thủy)	28
Phát huy sự nhận định (Upasika Kee Nanayon; Hoang Phong dịch)	32
Sự độc đáo ẩn sau cái chết (Lê Hải Đăng)	35
Tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt với đạo Phật (Gia Phong)	36
Người Phật tử Israel trước xung đột hận thù (Cao Huy Hóa)	38
Văn hóa tình người (Minh Mẫn)	41
Hội thể thần Đồng Cổ qua một bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới (Thơm Quang - Thanh Biên)	42
Tại sao con người đắm chìm trong ảo giác ảo tưởng? (Nguyễn Hữu Đức)	44
Cơm Âm phủ (Nguyễn Văn Toàn)	46
Người thầy giáo đăng trí (Chris Bartholomew; Vũ Kỳ Xương dịch)	48
Thơ (Phan Thành Minh, Nguyễn Công Khanh, Trần Thái Học, Lê Kim Phượng, Văn Nguyễn An Khê, Nguyễn Từ, Phạm Ánh)	50
Niềm tin (Lê Hứa Huyền Trân)	52
Chùa Phật ở xứ đạo Hồi (Hồ Anh Thái)	55
Nơi địa đầu đất nước (Trần Vọng Đức)	58
Những mảng trời xanh (Hải Trình)	60

Bìa 1: Hà Giang, nơi địa đầu... Ảnh: Trần Vọng Đức

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Mùa Vu-lan Phật lịch 2562 vừa khép lại. Dĩ nhiên, tinh thần biết ơn và đền ơn của Phật tử Việt Nam lại một lần nữa được hun đúc. Mùa An cư cũng đã chấm dứt, tất nhiên công hạnh và năng lượng tu tập của chư tôn đức Tăng Ni chắc chắn cũng đã được tăng trưởng đáng kể. Đó là niềm vui lớn của toàn thể hàng Phật tử tại gia chúng ta.

Trở lại với công việc thực tế của Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Mặc dù chúng tôi đã hơn một lần trình bày những khó khăn trong việc cùng một lúc nhận được quá nhiều bài thơ của cùng một tác giả, hiện nay vẫn khá nhiều cộng tác viên của trang thơ gửi đến tòa soạn mỗi lần bảy tám bài thơ; cá biệt có những vị gửi cho chúng tôi cả một tập bản thảo thơ với hàng chục bài. Quả thực, chúng tôi không thể nào đọc hết tất cả những bài thơ ấy trong khoảng thời gian chuẩn bị cho một số báo. Vì vậy, đề nghị quý vị cộng tác viên chỉ gửi về mỗi lần tối đa là hai bài thơ cho mỗi số báo.

Chúng tôi được biết hiện nay Trung ương Giáo hội đang thực hiện những thủ tục trong việc đề cử chức vụ Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo thay cho cố Hòa thượng Thích Trung Hậu đã viên tịch ngày 4/6/2018 vừa qua. Mong sao quyết định của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam về việc đề cử này sớm được chính thức công bố.

Kính chúc quý độc giả luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Thắng trận sanh thù oán
Bại trận nếm khổ đau,
Ai bỏ thắng, bỏ bại
Tịch tịnh, hưởng an lạc.

*(Kính Tăng chi bộ,
chương Ba pháp)*



Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Cánh thư cuối hạ

NGUYỄN CẦN

Ngân Quỳnh thân mến,
 Nhận thư em mới thấy ra Nha Trang họp lớp sau 40 năm nhân dịp có vài bạn từ hải ngoại về, thấy rất vui vì chúng ta lại có dịp hàn huyên, ôn lại nhiều kỷ niệm buồn vui thuở trước. Nhưng thấy vội gửi lá thư này cho em khi mùa hạ cũng sắp qua đi, chóng vánh và vội vã như thể bọn trẻ hôm nay hình như không có một mùa hè đích thực vì chúng phải đi học thêm hai hoặc ba buổi chiều trong tuần, vẫn oằn mình trên các trang sách, rảnh phút nào lại ‘dán’ mắt vào iPad với thế giới ảo. Những em học sinh thời nay ấy “sống thực” ít quá! Thầy nhớ mình có một thời mệt phờ với bắn bi, đá dế, chọi đáo, chơi u... Thế mà vui!

Lỗi hổng con người

Qua thư em tỏ ra ngán ngẫm trước những sự cố “thi cử” gần đây mà báo chí cả nước đang dành rất nhiều trang giấy để viết, để bàn, để truy cứu trách nhiệm... Em hỏi thầy “lỗi hổng” nằm ở đâu ư?

Thư trước thầy có nhận xét về đề thi và bày tỏ quan điểm là không cần một kỳ thi cuối cấp tốn kém và để các em học sinh thi thẳng vào đại học. Nhưng thầy chưa nói đến việc có nên thi tập trung rồi lại giao cho địa phương tự chấm bài thi của con em mình trong địa phương đó. Thi việc gì đến đã đến, ở Hà Giang, chúng ta có những “thí sinh sáu giầy” khi 330 bài thi của 114 thí sinh chỉ cần qua “bàn tay công nghệ” phù phép sáu giầy của một (hay vài?) vị chức sắc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang, có điểm từ cực thấp được nâng lên cao chót vót, có bài chênh lệch đến hơn 20 điểm!

Thế nhưng lúc này, chúng ta chưa thể rõ những “thí sinh sáu giầy” ấy, trong đó có cả con cháu của nhiều lãnh đạo địa phương, là nạn nhân hay thủ phạm. Bình thường, khi các em mang tài liệu vào phòng thi, hay dùng đủ cách mở tài liệu, là đã vi phạm qui định thi cử, là thủ phạm. Nhưng trong trường hợp sửa điểm thi nhằm gian lận ở Hà Giang, đến lúc này chưa có một thông tin nào cho thấy rằng chính các em đi mua điểm trực tiếp từ ông Phó Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng. Chính vì thế, dư luận mới đặt vấn đề, rằng không thể chỉ mình ông phó trưởng phòng thao túng trò gian trá này, mà có thể còn đồng phạm cùng thực hiện, cũng như đối tượng mua điểm đến từ phía phụ huynh các thí sinh.

Nay thì không chỉ Hà Giang mà hiệu ứng “vết dấu

loang” ấy đã lan đến Sơn La, Hòa Bình, Lạng Sơn, Bạc Liêu, Bến Tre... Ở Sơn La tình hình mới phát hiện có vẻ ít hơn về số lượng nhưng lại nghiêm trọng hơn vì dữ liệu bài thi gốc bị “mất tích” nên chưa thể trả điểm thực về cho các thí sinh. Bước đầu cho thấy có dấu hiệu vi phạm quy chế thi, nhất là ở khâu chấm thi. Các cơ quan chuyên môn đã phân tích và nhận thấy ảnh bài thi trắc nghiệm gốc đã bị xóa. Một công đoạn bắt buộc các ban chấm thi phải thực hiện là chụp ảnh dữ liệu (phiếu trả lời trắc nghiệm của thí sinh), sau đó mới cho máy chấm thi. Hình ảnh được quét này được sao ra đĩa CD để gửi về Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, trước khi tiến hành quét, phiếu trả lời trắc nghiệm của thí sinh đã bị thay thế. Đây là lý do khiến việc chấm thẩm định bài thi trắc nghiệm của tỉnh Sơn La là vô nghĩa. Một quan chức cho biết: “Tổ công tác đã phát hiện có việc sao dữ liệu ảnh bài thi trắc nghiệm đã quét ra đĩa CD không đúng thẩm quyền và tự ý đem ra khỏi khu vực bảo quản bài thi. Đĩa CD này hiện chưa biết là đã được đem đi đâu và ai cho phép đem đi”.

Về nghi vấn điểm thi bất thường của một số địa phương trong kỳ thi trung học phổ thông quốc gia 2018, Tiến sĩ Quách Tuấn Ngọc, nguyên Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin Bộ GDĐT, cho rằng ngay từ năm 2007, cá nhân ông đã nhiều lần nhấn mạnh trong các cuộc họp rằng, đừng bao giờ tin tuyệt đối vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp được tổ chức tại địa phương để làm kết quả xét vào đại học. Ông dẫn chứng rằng 13 năm thi ba chung. Về điểm thi, tốp 10 chủ yếu là các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Đúng vị trí nhất thường xuyên là Hà Nội (thời chưa mở rộng ra cả Hà Tây), Nam Định, Hải Dương, Vĩnh Phúc. Và thành phố Hồ Chí Minh sau mấy năm ba chung mới vào được tốp 10. Tuy nhiên, từ ngày thi “hai trong một”, thứ hạng sắp xếp của các tỉnh bị xáo trộn. Ông Ngọc nói, “Nhiều tỉnh trước xếp thứ hạng báo động được sơn màu đỏ, nay nhảy lên tốp 10, tức là màu xanh trên bản đồ. Điều này khiến tôi không thể tin nổi!”. Vậy là đã rõ, lỗi hổng có thể do quy trình, do phần mềm, do nguyên tắc bảo mật chưa chặt chẽ, nhưng xét cho cùng có làm kỹ đến đâu thì khi con người tác động vào thì không phần mềm nào có thể “bảo vệ” được khi người ta cố ý làm sai!

Vậy thì Quỳnh ạ, theo thầy, lỗi hổng nằm ở chính con người. Một con người lương tri không trong sáng, sống và làm việc trong một hệ thống bị lỗi khi cho phép địa phương tự chấm, thì ắt có điều kiện làm vậy. Suy rộng

ra, như thầy đã viết trong thư trước, hệ thống giáo dục chúng ta vốn “trọng thi cử, trọng bằng cấp, trọng hư danh”; nghĩa là phải vào trường trọng điểm, vào đại học danh giá, và xem nó là con đường duy nhất vào đời, bất chấp thực tài và năng khiếu cụ thể. Có người nặng lời hơn, là “bệnh giả dối” đã ăn ruồng trong tim trong óc chúng ta, cả trong xã hội lẫn ở học đường... đến mức đi căn lên não.

Vì sao giả dối?

Có nhà xã hội học cho rằng vì căn bệnh thích hư danh và sự gian dối có tính “di truyền”, khởi đi từ cha mẹ những em học sinh “chạy” điểm cho con để vào học tại những nơi mà các em sẽ không theo nổi với năng lực thực. Rồi có lẽ các em sẽ tiếp tục con đường “nhờ vả”, gian dối để ra trường. Và với năng lực yếu kém, các em sẽ lại phải “chạy chọt” để có được công ăn việc làm. Như thế, cả cuộc đời các em sống trong gian dối. Đó là một thất bại của giáo dục.

Một vị tiến sĩ cho rằng: “... sự dối trá đã phổ biến tới mức nhiều người không còn nhận ra là mình đang nói dối, thậm chí một cách vô thức, người ta còn vô tình cổ xúy cho sự giả dối. Nói năng giả dối thì được khen là khéo léo”...

(TS.Trần Ngọc Thêm, trả lời phỏng vấn báo *Thanh Niên* ngày 23/7)

Nhưng thầy không đồng ý khi ông cho rằng: “... sở dĩ giả dối được là vì bản thân người Việt bẩm sinh rất khôn ngoan, linh hoạt. Tính linh hoạt cũng là một sản phẩm của văn hóa nông nghiệp” (?), hay... “xã hội chúng ta chuyển sang cơ chế thị trường, đồng tiền lên ngôi, len vào mọi ngõ ngách, người ta dùng tiền để chạy chọt, trong khi pháp luật thì chưa đủ nghiêm minh, sự giả dối càng có nhiều cơ hội để phát triển”.

Chúng ta thấy cha ông ngày xưa dù luôn trọng thể diện, hay gìn giữ tình làng nghĩa xóm nhưng họ không đến nỗi phải dối trá khi “mua quan bán chức”, “mua thầy bán điểm”, trừ phi ở những triều đại suy tàn.

Còn nếu vì “kinh tế thị trường” thì thử xem Thái Lan hay Singapore gần chúng ta hay phát triển như Tây Âu và Bắc Mỹ, họ có phải mua điểm không? Không kể đến chế độ thi cử hà khắc như Nam Hàn hay Nhật Bản, nơi học sinh có nhiều em bị trầm cảm vì thi rớt hay thậm chí tự sát.

Tuy nhiên thầy cũng đồng ý với ông TS ấy rằng: “... nếu nhìn vấn đề một cách tổng thể thì ta phải bắt đầu từ văn hóa, từ việc xây dựng con người, xây dựng hệ giá trị, tập trung để cao những giá trị quan trọng nhất để làm thay đổi con người. Đối với cá nhân thì hai giá trị quan trọng nhất là trung thực và bản lĩnh”.

(Bđd)

Nghĩa là chúng ta lại trở về vấn đề văn hóa nền hay giáo dục căn bản “học làm người” mà hiện nay chúng ta đã bỏ quên hay làm một cách hời hợt, không cố gắng.

Chúng ta mất những gì?

Trước hết là mất niềm tin vào tính công bằng của kỳ thi THPT năm nay, niềm tin vào sự chính xác, khách quan trong việc sàng lọc những sinh viên xứng đáng vào những trường mà các em đang ấp ủ ước mơ vào học để phục vụ cho xã hội trong tương lai. Gần đây các trường Đại học Y Dược Hà Nội và TP.HCM tỏ ra lo ngại khi thấy điểm thí sinh đầu vào có vấn đề, họ lo rằng sẽ có những em “ngồi nhầm trường”, học không được và nếu lún lách ra trường thì bác sĩ ấy, dược sĩ ấy là mối tai họa tiềm tàng cho xã hội.

Thứ đến, cả xã hội mất niềm tin vào hệ thống tuyển sinh, phương pháp tuyển sinh, vào những con người đang điều hành và quản lý guồng máy ấy. Với cách làm như hiện nay, người ta có cảm giác Bộ đang đối phó với dư luận nhiều hơn là quyết tâm triệt để “làm sạch” hệ thống.

Người dân hoàn toàn có quyền đặt câu hỏi: không rõ chuyện này xảy ra từ năm nào khi - như đã đề cập ở trên - ông Quách Tuấn Ngọc cho rằng đã phát hiện nghịch lý từ vài năm trước; và hiện nay còn bao nhiêu nơi “chưa bị lộ” khi mà danh sách “nghỉ vấn” ngày một dài?

Sau cùng là mất quá nhiều thời gian, công sức của hàng vạn thầy cô giáo và hàng chục vạn thí sinh, cùng một núi tiền cho một kỳ thi thiếu hiệu quả.

Đi tìm chân dung nền giáo dục

Bức tranh giáo dục chỉ sau một mùa tuyển sinh đã hiện lên nhiều nét “bi quan”, thiếu tin tưởng, trong khi



nguyên lý “học để lấy điểm, lấy bằng, lấy danh hiệu, địa vị...” vẫn hết sức nặng nề trong toàn bộ hệ thống và tư duy của người làm công tác giáo dục.

Trong phạm vi lá thư này, thấy chỉ phác thảo sơ qua về những nét chính mà chúng ta cần phải gởi lên trước khi khắc vào nền giáo dục hiện nay: tính thực chứng, khai phóng và khế cơ. Cổ Hòa thượng Thích Minh Châu khi sáng lập Đại học Vạn Hạnh có nhấn mạnh đến sứ mệnh giáo dục là triết lý nhân bản, tức là triết lý chủ trương lấy con người làm căn bản, đối tượng và mục tiêu để hoàn thành sự nghiệp giáo dục. Thừa kế tinh thần và triết lý nhân bản của Đức Phật, giáo dục Phật giáo để cập và khẳng định con người có địa vị quan trọng trong thế gian này; lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản; xem con người như một cứu cánh chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ cho mục tiêu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào khác. Mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục. Viện lúc ấy chủ trương “Duy Tuệ Thị Nghiệp”, hướng tất cả mọi hoạt động nhằm tạo cho người sinh viên một trí tuệ ứng dụng được vào các vấn đề cụ thể do xã hội thực tế đặt ra. Sứ mệnh của Viện là truyền đạt cho sinh viên ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ.

Tính thực chứng trong giáo dục có nghĩa là chúng ta không chỉ giảng những lý thuyết “chết”, những kiến thức khô khan, những điều mà học sinh có thể tra cứu trên “Google” suốt ngày mà không cần đến một ông thầy. Người thu nhận giáo dục phải được trao truyền những kiến thức sống, hay đúng hơn, nhận nơi người thầy và hệ thống giáo dục những nhân cách sống. Anh không thể là một ông thầy “ngụy tín” sống giả dối với những lý thuyết mình rao giảng về đạo đức. Tính trung thực vì thế là phẩm chất hàng đầu cần tôn trọng ở đây. Phật dạy các đệ tử thế nào thì Phật sống và hành động theo đúng triết lý ấy. Bản thân người thầy phải được lấy làm “thân giáo” trước khi nói về những kiến thức cao vời khác. Phẩm chất đầu tiên là trung thực.

Chúng ta nhớ bức thư Tổng thống Abraham Lincoln viết cho thầy giáo của con mình với những lời như sau:

“... Xin thầy hãy dạy cho cháu biết rằng 10 xu kiếm được có giá trị nhiều lần hơn một dollar nhặt được. Trong trường học, hãy chấp nhận thi rớt còn danh giá hơn nhiều nếu gian lận trong khi thi. Hãy dạy cháu biết thua một cách đàng hoàng và biết hưởng niềm vui khi thật sự chiến thắng... Hãy dạy cháu nếu thầy có thể, rằng hãy biết cười khi cảm thấy buồn và hiểu rằng không có sự xấu hổ ẩn sau dòng nước mắt. Dạy cháu trong thất bại vẫn có vinh quang và vẫn có nỗi thất vọng dẫn thành công... Xin hãy dạy cho cháu biết rằng có thể cố gắng tài năng và trí tuệ cho người nào trả mình cao nhất, nhưng không bao giờ cho phép ai ra giá mua trái tim và linh hồn mình.

Xin hãy cho cháu biết rằng cháu phải luôn có niềm tin tuyệt đối vào bản thân bởi vì khi đó cháu sẽ có niềm tin tuyệt đối vào nhân loại. ...

... Tôi cho rằng đây quả là một yêu cầu quá lớn, nhưng xin thầy hãy cố gắng hết mình. Nếu được như vậy thật là điều tuyệt vời đối với con trai tôi”.

(trích “A Letter from Abraham Lincoln to His Son’s Teacher”)

Thiền sư Nhất Hạnh giải thích rõ hơn “Nhà giáo phải sống những gì mình dạy và dạy những gì mình sống... Tính cách nhân bản được nhận thấy rõ ràng trong một nền giáo dục như thế, bởi vì chỉ có con người và kiến thức thực chứng của con người trong địa hạt tâm linh, vật lý và xã hội mới là nguồn gốc và cứu cánh cho sự sống của con người”.

(Thích Nhất Hạnh, *Đạo Phật hiện đại hóa*, 1965, Nxb Lá Bối)

Điều này giải thích vì sao giáo dục Phật giáo đã từng tích cực tham gia vào việc định hướng và phát triển giáo dục của đất nước, bảo tồn và phát triển tính độc lập trong giáo dục, góp phần định hướng và phát triển tính truyền thống nhân văn, nhân bản của dân tộc. Ngoài ra, giáo dục phải mang tính khai phóng, qua đó những kiến thức mới và kinh nghiệm thường xuyên được đón nhận, chỉnh lý hoặc bổ túc. Đó là điều kiện của phát triển bền vững và thịnh vượng. Tính cách cuối cùng là khế cơ, nghĩa là phải phù hợp với điều kiện về môi trường và tình trạng con người. Nghĩa là tính dân tộc trong một nền giáo dục. Giáo dục phải đem lại những thành quả tốt đẹp: đó là những con người trung thực, có hệ giá trị vững vàng về phẩm cách chứ không thể sản sinh ra những kẻ cơ hội gian dối. Giáo dục còn có chức năng cải tạo xã hội. Nếu chỉ lấy mảnh bằng hay địa vị xã hội thì nền giáo dục ấy quá hẹp hòi và nông cạn, khó đi xa.

Giáo dục là khơi mở, ươm trồng những hạt giống cho mai sau. Trở lại bức thư của Abraham Lincoln, ông cũng hiểu khi yêu cầu:

“Xin thầy hãy giúp cháu nhìn thấy thế giới tuyệt vời của những cuốn sách, nhưng xin cũng cho cháu có đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn của đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượn trong ánh nắng và những bông hoa nở bên ngọn đồi xanh ngắt. Xin hãy giúp cháu có niềm tin vào ý kiến riêng của bản thân, mặc cho tất cả mọi người đều cho rằng ý kiến đó hoàn toàn sai lầm”.

Đào tạo một học sinh hay sinh viên biết tư duy độc lập như vậy, mang tâm hồn khai phóng và tràn đầy tính Người, chẳng phải cứu cánh của mọi nền giáo dục đầy sao?

Hẹn gặp em trong buổi họp lớp sắp tới. Hãy vững lòng tin, em ạ! ■

Bài ca Chiêu hồn mùa Vu-lan Xá tội Vong nhân

NGUYỄN

Tiết tháng Bảy mây phong khói tỏa
Giọt mưa thu rỉ rả lung đèo
Hơi thu buồn lạnh hắt heo
Hồn ai qua đó dậm bèo nổi trôi.
Kiếp hoạn tử bồi hồi tắc đạ
Mệnh yếu vong thân lá bay vèo
Tiền oan nghiệp chướng bóng đeo
Nén hương giải thoát xin theo chuông về.
Mùa đại lễ Bồ-đề sám hối
Hội Vu-lan xá tội vong nhân
Cam lồ rưới khắp xa gần
Sạch bao thâm não đọa thân cô hồn:
Hoặc quốc độ gặp cơn đổi chủ,
Hoặc sa cơ chinh thú phương xa,
Hoặc lâm tù tội khảo tra,
Hoặc do huyết sảo tảo sa bất kỳ;
Hoặc gặp cảnh sầu bi oan khuất,
Hoặc ác tai bệnh tật lâu ngày,
Hoặc vì đạn lạc tên bay,
Hoặc ghiền ma túy hoặc say rượu nồng;
Hoặc kiệt sức giữa dòng dâm ái,
Hoặc ruộng nương dầu dãi nắng sương,
Hoặc ham buôn bán tha phương,
Hoặc lâm tai nạn trên đường ngược xuôi;
Hoặc gặp họa cao-bồi du đãng,
Hoặc mượn dòng nước bạc gieo thân,
Hoặc lâm túng quẫn nợ nần,
Hoặc cơn uất ức tử thân tội đời;
Hoặc chà cá biển khơi sóng lớn,
Hoặc sài lang rừng rợn phanh thây,
Hoặc tàng lửa đỏ bủa vây,
Hoặc treo cổ giữa vòng dây xà nhà;
Hoặc sản nạn khai hoa nở nhụy,
Hoặc lỡ làng đánh đĩ chữa hoang,
Hoặc do sụp đất đào vàng,
Hoặc mùi độc dược sớm toan lánh đời;
Hoặc rắn rít thây phơi diều quạ,
Hoặc bắt thân lân đá dè cay,
Hoặc do hại bạn phản thầy,
Hoặc thân hành khát lắt lây chợ đời;

Hoặc cờ bạc hết thời vận đỏ,
Hoặc mệnh chung trái gió trở trời,
Hoặc trong hồ tắm bể bơi,
Hoặc leo cây quả trật rơi thân mình;
Hoặc vương trọng pháp gia hình,
Hoặc mắc ôn dịch bỏ mình xứ xa;
Hoặc nước lũ bùng òa cuốn xác,
Hoặc sét trời đánh chát mạng vong,
Hoặc ghen tương cảnh đèo bông,
Hoặc xăng, át-xít cháy xom một đời...
Muôn ngàn nỗi hồn ơi có thấu,
Cõi trần hoàn nung nấu tâm can,
Thân chìm bể khổ mê man,
Oán dâm ngập đất, sầu lan tận trời.
Hồn u uất tơi bời giọt lệ,
Tự nền hoang kể lẽ khốc than,
Chênh vênh miếu cổ canh tàn,
Cô liêu bóng núi, lan man giấc hổ.
Hồn rên rỉ sóng xô bãi vắng,
Kiếp phù sinh bọt trắng xót xa,
Cồn lau xào xạc canh gà,
Gò sương giậu trúc bóng ma đi về.
Nào ai biết hồn quê đầu tá,
Hồn là ai, khách lạ hay quen,
Dữ lành nào rõ trắng đen,
Trẻ già trai gái chưa phen tỏ tường.
Lễ sinh hóa âm dương là một,
Kiếp hồng trần não ruột như nhau,
Sụt sùi tháng Bảy mưa ngâu,
Điếu hồn thiên cổ mấy câu chúc rằng:
Chúc hồn sớm siêu thăng cõi Phật
Chúc hồn về ngọc thất Chúa Cha
Chúc hồn gặp đấng Allah
Chúc hồn an hưởng muôn tòa Thánh Tiên
Chúc hồn chuyển nghiệp hiền bỏ ác
Chúc hồn mau thắng bặt tham sân
Chúc hồn đổi oán thay ân
Nén hương Bất Nhị khai tâm Đại Từ.

Gác Khuê Văn, mùa Vu-lan năm Mậu Tuất, 2018



Công đức mở mang, ổn định bờ cõi phương Nam

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

THÍCH THIÊN NHƠN

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm Canh Dần (1650) tại xã Vĩnh An, tổng Phúc Lộc, huyện Khang Lộc, phủ Quảng Bình, về sau gọi là Chiêu Tín, huyện Phong Lộc (nay thuộc xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh), tỉnh Quảng Bình. Ông là con thứ ba của Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật, anh là Nguyễn Hữu Hào, em là Nguyễn Hữu Trung. Ông là con thứ hai trong gia đình binh nghiệp.

Ông lớn lên trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh (1600-1801) trong đó có bảy lần Trịnh-Nguyễn đánh nhau rơi vào những năm 1627-1672, nên đã chuyên lo học võ nghiệp để nối tiếp theo cha đi chinh chiến.

Năm 1670, ông được chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) phong chức Cai cơ khi tròn 20 tuổi.

Năm 1672, Trịnh Căn đem đại quân đánh phá Trấn Ninh (tỉnh Quảng Bình), cha là Nguyễn Hữu Dật cùng ông trấn giữ hai mặt đường bộ và đường thủy. Quân Trịnh không phá vỡ được đường bộ lũy Trấn Ninh, đường thủy cửa sông Nhật Lệ, nên đành rút quân về Bắc.

Năm 1681, thân phụ qua đời, ông cùng anh là Nguyễn Hữu Hào kế nghiệp thân phụ phò chúa Nguyễn.

Năm 1692, tình hình biên giới Việt - Chiêm căng thẳng, vua Chiêm là Bà Tranh làm phản, đem quân đánh phá Diên Ninh (Diên Khánh - Khánh Hòa), chúa Nguyễn Phúc Chu sai ông đem đạo quân Chính Dinh

(Ái Tử - Quảng Trị), Quảng Nam (Bình Khang - Khánh Hòa) đi đánh dẹp, vua Chiêm bỏ thành chạy trốn nhưng không thoát, đã bị bắt và an trí tại điện Ngọc Trấn Thuận Hóa (Huế). Sau khi bình định xong, ông lập ra trấn Thuận Thành (gồm cả vùng đất Ninh Thuận, Bình Thuận) sau đó đổi thành phủ Bình Thuận và được chúa Nguyễn cử làm Trấn thủ. Các thân nhân vua Chiêm đều được công cử các chức vụ tại địa phương để làm an lòng dân chúng.

Năm 1694 (Giáp Tuất), phủ Bình Thuận loạn lạc, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) sai ông đem quân đi bình định. Muốn trấn an dân chúng và bình định vùng đất mới, ông được thăng chức Chưởng cơ và lưu lại đây một thời gian, được cử làm Trấn thủ Bình Khang. Tháng 11 năm 1694, chúa Nguyễn phong cho Kế Bà Tử - bộ hạ của vua Chiêm - làm Khám lý (Tuần phủ), sau đó cử làm Tả Đô đốc, cuối cùng là Phiên vương trấn Thuận Thành để vỗ về dân chúng địa phương.

Năm 1698, vùng đất phương Nam đã mở rộng đến Lộc Dã (Nông Nại, Sài Gòn), dân cư từ Thuận Quảng cả người Việt, người Hoa... đến lập nghiệp đông đúc. Chúa Nguyễn Phúc Chu cử ông làm Thống suất kinh lý vùng đất mới này. Ông đi đường biển, ghé sông Tân Bình (sông Sài Gòn - Đồng Nai) đến Cù lao Phố và đóng quân. Sau đó, ông thị sát vùng đất Sài Gòn

(Bến Nghé), ông đặt ra hai đơn vị hành chánh đầu tiên là huyện Phước Long với dinh Trấn Biên - Biên Hòa; huyện Tân Bình, dinh Phiên Trấn (Sài Gòn) thuộc phủ Gia Định, thành lập hai làng dành cho người Hoa, một là làng Thanh Hà (Trấn Biên - Biên Hòa), hai là làng Minh Hương (Gia Định). Từ đó hình thành cơ chế quản lý hành chánh đầu tiên của vùng đất Đồng Nai - Gia Định - Sài Gòn và mở rộng về phương Nam đến Rạch Giá - Hà Tiên. (Có thể nói từ năm 1779 phủ Gia Định bao gồm: dinh Trấn Biên (Đồng Nai - Miền Đông), dinh Phiên Trấn (Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn), dinh Trường Đồn (Định Tường - Mỹ Tho), dinh Long Hồ (Vĩnh Long, An Giang, trấn Hà Tiên).

Tháng 7 năm 1699, vua Thủy Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, xây lũy Bích Đồi, Nam Vang, Cầu Nam... đem quân đánh phá nhiều nơi, tướng Long môn Trần Thượng Xuyên trấn giữ Doanh Châu (Vĩnh Long) báo về triều đình. Tháng 10 năm ấy, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Cảnh lãnh đạo các đạo binh của Bình Khang (Khánh Hòa) Quảng Nam, Trấn Biên (Đồng Nai) và Doanh Châu (Vĩnh Long) đi đánh dẹp. Trên đường hành quân, ông cho nạo vét kinh mương, khơi rộng nhánh sông Tiền rẽ sang sông Hậu, vừa thông luồng cho quân đi, vừa lấy nước cho dân khai khẩn ruộng đồng và khuyến khích dân chúng phát triển nông nghiệp để đủ lương thực nuôi sống... Ông được dân chúng Việt - Hoa - Khmer dọc theo sông Hậu vô cùng kính quý, mến yêu.

Tháng 2 năm Canh Thìn (1700), ông tiến quân vào tới kinh đô Chân Lạp là Nam Vang (Phnompênh), vua Nặc Thu bỏ chạy, Nặc Yên xin hàng, sau đó Nặc Thu cũng ra đầu thú. Chúa Nguyễn tha tội và cho Nặc Thu tiếp tục làm vua Chân Lạp nhưng phải thần phục chúa Nguyễn.

Khi bình định xong, ông đưa quân về đóng ở bãi Cây Sao, Cù lao Vôi (nay là Cù lao Ông Chưởng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), chiêu mộ quân dân, giữ nguyên bờ cõi biên giới Chân Lạp Việt Nam, lấy đồn Tây Hoa làm ranh giới tự nhiên giữa hai nước.

Một hôm, ông bị cảm thời khí, mặc dù đã điều trị nhưng không thuyên giảm. Theo đề nghị của các tướng sĩ, nên về Phiên Trấn (Gia Định) để chữa trị.

Trên đường về tới Sầm Giang (Rạch Gầm - Mỹ Tho), ông mất, nhằm ngày 9 tháng 5 năm Canh Thìn (1700), thọ 50 tuổi.

Chúa Nguyễn vô cùng thương tiếc, truy tặng ông: Hiệp Tán công thần, đặc tiến Chưởng dinh, thụ Trung Cẩn.

Để tỏ lòng tôn kính và tri ân người đã có công mở nước về phương Nam, bình định xứ sở, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc cho muôn dân trong các vùng đất mới lập nghiệp từ Quảng Bình đến Rạch Giá, Hà Tiên, dân chúng địa phương đã lập các đền thờ:

1. Đền Lễ công phía nam Cù lao phổ - Đồng Nai.
2. Đền Lễ Thành hầu - bãi Cây Sao giữa cồn sông Hậu - Long Xuyên.

3. Đền thờ Ông Chưởng lớn nhất tại huyện Chợ Mới - An Giang, vùng đất mà ông đóng quân ngày xưa, gọi là Cù lao Ông Chưởng - Kinh băng qua Cù lao là Kinh Ông Chưởng.

4. Tại xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, tại quê nhà, có lăng mộ ông thật trang trọng và uy nghiêm.

5. Đối với người Hoa, ông được tôn thờ tại phủ Minh Hương, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

6. Năm Gia Long thứ 5 (1807), ông được tôn thờ tại Thái Miếu - Kinh đô Huế - triều Nguyễn.

7. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), ông được sắc phong Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thượng đẳng thần và tôn thờ tại miếu Hội đồng thành Gia Định.

8. Năm Minh Mạng thứ 12 (1832), Ông được vua sắc phong là Vĩnh An hầu.

9. Để tỏ lòng tôn kính và tri ân người đã đặt nền móng cho vùng đất Sài Gòn Gia Định và Nam kỳ Lục tỉnh, chính quyền miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm tên ông đã được đặt cho một con đường mang tên **Nguyễn Hữu Cảnh**, phường Tân Định, Đa Kao, quận 1 (Sài Gòn - Gia Định) nay là TP.Hồ Chí Minh.

Vì thế, trên từng tấc đất của đất phương Nam đã in đậm công trạng của Chưởng cơ Lễ Thành hầu Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh. Quả thực:

*Từ ngày vâng lệnh Trấn Bình Khương,
Bờ cõi mở thêm mấy dặm trường,
Vun bón cột nền nơi tổ phụ
Dãi dẫu tên đạn giúp quân vương
Giặc ngoài vừa nép bên màn hổ
Sao tướng liễn sa giữa giọt sương!*

(Trích Bài thơ tại đền Lễ công ở Châu Đốc, An Giang)

Tóm lại, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đối với Tổ quốc Việt Nam được xem như vị khai quốc công thần trong lịch sử Việt Nam cận đại, Ông đã nối liền bờ cõi thành một thể thống nhất trong dòng chảy lịch sử Thăng Long - Hà Nội - Sài Gòn - Lục tỉnh, nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quang vinh. Nhất là tinh thần đoàn kết, hòa hợp các dân tộc anh em, đã tạo được một sức mạnh tổng hợp dân tộc, giao lưu hữu hảo với các nước lân bang nhằm bảo vệ hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam thân yêu trong khu vực và thế giới. Quả thực, như nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ đã nói: *"Từ độ mang gươm đi mở cõi, Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"*. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Địa chí TP.Hồ Chí Minh (Phần lịch sử): Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nxb TP.HCM 1987
2. Nguyễn Hữu Cảnh - Quê hương - Thân thế Sự nghiệp - Phan Viết Dũng, Sở VH-TDL - Quảng Bình 2010.
3. Bia ký tại đền thờ Lễ công ở Châu Đốc - An Giang.



Nguồn: tamhoc.com

Đan cho Tiến sĩ quý ngày xưa

CAO VĂN THỨC

Người Việt Nam chúng ta ngày nay, ai từng trải qua thời học sinh phổ thông, đều đã được học bài thơ “Ông Nghè tháng Tám” của nhà thơ Nguyễn Khuyến:

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai,

Cũng gọi ông nghè có kém ai,

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,

Nét son điểm rõ mặt văn khôi.

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ,

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

Ghế treo lọng xanh ngồi bành chọe,

Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

Ở các đô thị miền Bắc ngày trước, hàng năm vào dịp rằm tháng Tám âm lịch - tức Tết Trung thu - trong các cửa hàng bán đồ chơi cho trẻ em, có bày bán một món hàng đặc sắc là hình ông tiến sĩ bằng giấy. Ông tiến sĩ mặc áo thụng, mang hia, đội mũ cánh chuồn nạm bạc, ngồi bành chọe trên ghế treo, che lọng xanh, trông thật danh giá. Người ta làm ra món đồ chơi này nhằm để cao sự thành đạt khoa bảng, kích thích tinh thần học tập cho các em thiếu nhi. Nhà thơ Nguyễn Khuyến mượn hình ảnh ông tiến sĩ là một món hàng đồ chơi

cho trẻ em vào dịp Tết Trung thu để viết bài thơ trào phúng “Ông Nghè tháng Tám” mang một nội dung, ý nghĩa về xã hội, thời cuộc lúc bấy giờ.

Bài thơ này được người đời sau bình luận nhiều. Tựu trung, từ trước đến nay có hai cách cảm nhận về nội dung bài thơ:

Cách hiểu thứ nhất, rất phổ biến, là bài thơ đả kích hạng người học hành dốt nát, bất tài nhưng chạy chọt, đút lót để đỗ đạt, mục đích có mảnh bằng ra làm quan nhằm “vinh thân phì gia”. Có người còn tán rộng thêm là vào cuối thời đại Nguyễn Khuyến, thực dân Pháp xâm lược và thống trị nước ta; Nho học bắt đầu bước vào buổi chợ chiều, nên thi cử bát nháo, xuất hiện ngày càng nhiều những “ông Nghè tháng Tám”.

Cách hiểu thứ hai là Nguyễn Khuyến tự cười mình và các ông nghè cùng thời đại với mình. Tiếng là những ông tiến sĩ, thuộc hàng ngũ tinh hoa của dân tộc, chữ nghĩa đầy người, mà không giúp ích gì được cho đất nước trong giai đoạn lịch sử nguy biến, kẻ thù từng bước xâm lấn Việt Nam. Nguyễn Khuyến dùng tiếng cười để phê phán nền giáo dục Nho học cũ kỹ, lỗi thời, không thể đào tạo ra được những con người có *tri thức mới* (khoa học, kinh tế, kỹ thuật, quân sự...) đáp ứng

nhu cầu của thời đại, mà chỉ “cho ra lò” những ông nghè, ông bầy thạp văn chương thi phú để rồi bó tay bất lực trước tàu đồng, súng sắt của thực dân Pháp xâm lược.

Vậy tiến sĩ ngày trước có dốt thật không? Tại sao Nguyễn Khuyến mĩa mai họ là tiến sĩ giấy? Bài viết này không bàn rộng về khoa cử thời phong kiến nói chung qua các triều đại trong lịch sử, mà chỉ nói riêng về khoa cử thời Nguyễn, kể từ khi vua Gia Long mở khoa thi Hương đầu tiên vào năm 1807, đến khoa thi Hội cuối cùng vào năm 1919 dưới triều Khải Định. Danh từ cử nhân, tiến sĩ có nguồn gốc từ Trung Quốc, theo chữ Nho thì *Cử nhân là chọn người có năng lực, Tiến sĩ là tiến cử kẻ sĩ tài giỏi lên cho vua sử dụng*. Việc tiến cử người tài ra giúp nước này - bắt đầu từ thời nhà Hán, nhà Đường - được tiến hành thông qua khoa cử. Nước ta áp dụng nền giáo dục khoa cử theo Nho học của Trung Quốc khởi điểm từ thời nhà Lý. Đến thời nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX, nền giáo dục khoa cử rất chặt chẽ và quy mô. Triều đình quy định ba năm mở một khoa thi, năm trước thi Hương ở các địa phương để chọn Cử nhân, Tú tài; năm sau thi Hội ở kinh đô Huế để chọn Tiến sĩ, Phó bảng.

Thi Hương, thí sinh hàng nghìn, nhưng đỗ cử nhân chỉ hàng chục. Ví dụ: Khoa thi Hương tổ chức tại trường Nghệ (chung cho hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh) năm Tân Mão 1891, có 1.600 thí sinh dự thi, nhưng triều đình chỉ quy định lấy đỗ 20 cử nhân và 60 tú tài (nhất cử tam tú - một cử nhân thi ba tú tài). Ngày trước, muốn đỗ cử nhân phải học thật sự giỏi. Năng lực, tư chất bẩm sinh Cử nhân thời trước tương đương học sinh giỏi nhất, nhì hàng tỉnh hiện nay.

Thi Hội, có hàng trăm cử nhân dự thi, nhưng số người đỗ tiến sĩ chỉ đếm được trên đầu ngón tay (tính luôn cả phó bảng là những tiến sĩ lấy thêm). Ví dụ: Khoa thi Hội năm Tân Mùi (1871) là khoa Nguyễn Khuyến đỗ đầu thi Hội và thi Đình, có gần 200 cử nhân dự thi, nhưng chỉ đỗ ba tiến sĩ và năm phó bảng. Đỗ thi Hội, sau đó vào thi Đình để sắp xếp thứ bậc tiến sĩ, do nhà vua trực tiếp ra đề. Những người thi đỗ tiến sĩ, phó bảng phải có học lực xuất sắc. Năng lực, tư chất bẩm sinh của tiến sĩ, phó bảng thời trước tương đương học sinh giỏi nhất, nhì quốc gia hiện nay.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Pháp xâm lược và thống trị nước ta, từng bước áp dụng giáo dục mới của phương Tây, nền giáo dục Nho giáo bắt đầu suy tàn dần và chấm dứt vào năm 1919. Ở buổi chợ chiều của Nho học, yếu tố tiêu cực xuất hiện trong khoa cử; nạn thi hộ, mua điểm... thịnh hành xảy ra. Tuy vậy, những tệ nạn ấy cũng chỉ xảy ra lác đác ở cấp thi Hương; chứ ở cấp thi Hội thì khó có thể có sự gian lận. Bởi vì đỗ thi Hội thường là những người học giỏi nổi tiếng ở các địa phương, người thi đỗ cực hiếm, vì vậy những kẻ học dốt không bao giờ dám chọt chọt đỗ đạt ở cấp này vì sẽ bị phát hiện ra ngay.

Như vậy, tiến sĩ thời Nguyễn là những người học hành xuất sắc, trải qua những kỳ thi cam go, khắc nghiệt mới có thể giật được những mảnh bằng danh giá; tại sao họ lại bị Nguyễn Khuyến mĩa mai họ là tiến sĩ giấy? Thực ra, Nguyễn Khuyến chế giễu các ông nghè đương thời, trong đó có bản thân mình; nói rộng ra cụ Nguyễn chế giễu cả một nền giáo dục Nho học thời bấy giờ. Vì nền giáo dục Nho giáo với chương trình học chỉ gồm kinh sử của Trung Quốc, ngoài ra người học phải tập làm thơ, phú, câu đối. Học để thi đỗ ra làm quan - đó là con đường tiến thân duy nhất, dù muốn hay không cũng phải theo. Và nền giáo dục đó tạo ra những ông nghè, ông bầy chữ nghĩa đầy người, múa bút nên văn; một số ông đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn học có giá trị. Tuy vậy, vào cuối giai đoạn lịch sử cận đại, các nước phương Tây đã trải qua cuộc đại cách mạng công nghiệp, trở thành cường quốc kinh tế, tổ chức xâm lược các nước phương Đông làm thuộc địa. Nhu cầu xã hội bấy giờ là phải tiến hành canh tân để đất nước trở nên hùng mạnh, đủ sức chống ngoại xâm. Muốn làm được điều này, đòi hỏi tầng lớp quan lại phải có *tri thức mới*. Hầu hết trí thức xuất thân Nho học đều bất lực trước yêu cầu này. Nguyễn Khuyến - người từng ba lần đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, Hội, Đình - đã cay đắng than thở:

*Đã không thực học phù đời loạn
Uổng chút hư danh đỗ đại khoa.*



Như vậy, các “ông Nghè tháng Tám” này óc thừa tư chất thông minh, bụng đầy kinh sử văn chương, nhưng do không được đào tạo *tri thức mới*, trở nên vô dụng trước thời cuộc bấy giờ. Ông thì ngồi im, khoanh tay bất lực (Nguyễn

Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh...); ông thì đứng lên chống Pháp quyết liệt nhưng cuối cùng thất bại (Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích, Tống Duy Tân...) v.v... Đất nước rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỷ.

Ngày nay, trong xã hội ta có những hạng người yếu kém về tư chất, dốt nát về học vấn, nhưng cũng tìm mọi cách có được mảnh bằng tiến sĩ để tiến thân. Dư luận dùng chữ “Tiến sĩ giấy” của Nguyễn Khuyến để mĩa mai những ông nghè dỏm ở cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI này. Tuy vậy, sự đánh đồng giữa ông nghè giấy thời xưa và ông nghè giấy thời nay, xét ra oan cho những ông nghè giấy thời phong kiến lắm, vì các ông đó mà sinh vào thời nay thì với tư chất thông minh như vậy, các ông thừa sức du học, đỗ tiến sĩ ở các trường đại học danh tiếng trên thế giới, chứ làm gì có chuyện các ông phải hạ mình đi mua mấy mảnh bằng dỏm cho nhục nhã.

Vì vậy, để chỉ các ông tiến sĩ dỏm ngày nay, ta nên thay từ “Tiến sĩ giấy” dễ gây ra ngộ nhận, bằng danh từ khác là “Tiến sĩ ruồi”. Vàng, “Tiến sĩ ruồi” tức là loại vớ vẩn, ruồi bu, nghe cũng hay hay vậy. ■

Việc chấn chỉnh phong hóa đầu triều Nguyễn

TÔN THẮT THỌ

Những năm đầu dưới thời vua Gia Long (1802-1820), bên cạnh nạn giặc giã và thú dữ hoành hành, các vấn nạn về hủ tục và mê tín dị đoan cũng là mối quan tâm hàng đầu của nhà vua. Vừa lên ngôi, ông đã có các biện pháp ngăn chặn, trừng phạt các hành vi suy đồi văn hóa đã tồn tại từ rất lâu. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển* chép về năm Gia Long thứ 3 (1804) có ghi rõ như sau:

“Khai hóa cho dân, làm nên tục tốt, là việc đầu tiên của vương chính. Sau này giáo hóa bỏ nát, chính sách suy kém, trong các làng không có phong tục tốt, theo nhau lâu ngày, đắm đuối càng quá lắm. Phàm việc thờ phụng thần, Phật, phần nhiều có kẻ quá mức, không có lễ pháp, kẻ hào mục nhờ đó để đục khoét, dân cùng khổ phải lưu tán, là do ở đó. Ta nay châm chước, sửa lại những thái quá cho được trung bình, làm định lệ chốn hương thôn, muốn bỏ hết mối tệ, cùng noi đến đạo cả vậy” (Khâm định... T.11, tr.376).

Với mục đích gây dựng lại nền giáo hóa, sửa sang phong tục trong dân chúng, định lại lễ pháp thờ phụng thần linh cho dân noi đến đạo thánh hiền, nhà vua rất quan tâm tới sinh hoạt tôn giáo trong dân, trong đó quan trọng nhất là cấm các hình thức cúng bái tà thuật, đồng cốt... Cụ thể là:

- Người vờ có tà thuật tuyên truyền lừa dối khiến người khác sinh biến loạn trong lòng, vẽ bùa, viết khoán, mượn pháp thuật để sinh nhai bằng những việc chuộc mạng, chiêu hồn, chữa bệnh bằng ma thuật.

- Người phụ đồng ấp bóng, mượn lời nói của thần thánh, chữa bệnh không cần thuốc.

- Người có thuật làm người bằng giấy, làm ngựa bằng cỏ, ném gạch đá vào nhà, đốt cháy nhà cửa, lấy bùa làm thuốc, chữa bệnh bằng pháp thuật.

- Những tư gia cúng trời, dâng sao (đốt hương ban đêm, thả đèn trời, đốt bảy ngọn đèn).

- Các đền miếu tổ chức lễ nhạc linh đình, mời con hát về tấu nhạc ăn chơi.

- Các thầy cúng, đồng cốt thắp hương khói tập hợp, mê muội dân chúng theo tà thần.

- Những người làm ra sách sấm vĩ, ghi chép kinh kệ, tuyên truyền xằng bậy (Khâm định... T.11, tr.25-26).

Đối với các hủ tục đang lan tràn trong dân, cũng trong năm đó (1804), vua đã ban chiếu nêu ra hiện trạng và các biện pháp để toàn dân thực thi. Sách *Đại Nam thực lục* chép:

“Nước là hợp các làng mà thành. Từ làng mà đến nước, dạy dân nên tục, vương chính lấy làng làm trước. Gần đây giáo dục trễ nãi, chính trị suy đồi, làng không tục hay, noi theo đã lâu, đắm chìm quá đỗi. Phàm tiết ăn uống, lễ cưới xin, việc ma chay thờ thần Phật, nhiều việc quá trớn, lẫn lộn; bọn hào mục nhân đó mà đục khoét, người cùng dân đến nổi giạt xiêu, thực là bởi cố ấy. Nay tham chước thêm bớt, xén chỗ quá đáng, để chỗ vừa phải, lập định lệ cho hương đảng, là muốn sửa đổi nguồn tệ để cùng về đường chính vậy” (Thực lục, T1, tr.583).

Nội dung bản chiếu này đề cập đến năm nội dung cơ bản về phong tục của người Việt; đó là:

- 1/ Về tiết ăn uống
- 2/ Về lễ vui mừng.
- 3/ Về lễ giá thú.
- 4/ Về việc tang lễ.
- 5/ Việc thờ thần thờ Phật.

Xin được tóm lược một phần các nội dung trên:

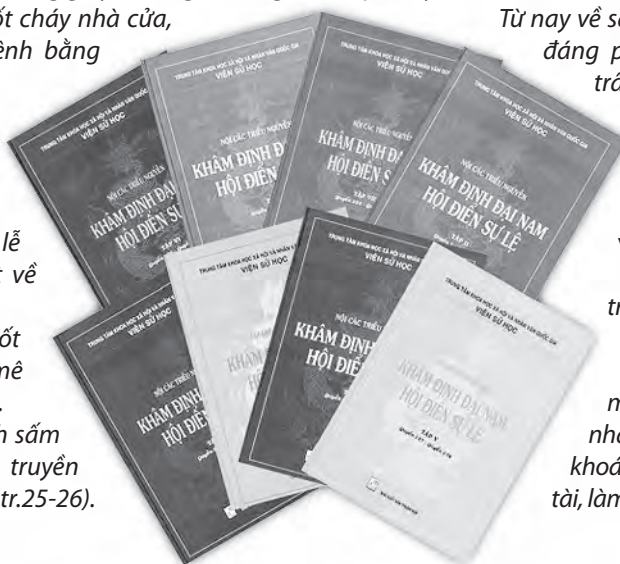
1. Về tiết ăn uống: Nhà vua cấm tiết việc hội hè bày ăn uống rượu thịt lãng phí trong dân:

“Gần đây có kẻ mượn cơ việc làng, họp nhau chè chén, tiêu phí một bữa ít là ba, bốn quan, nhiều là hơn chục quan, nếu đóng góp chưa kịp thì bắt xã trưởng, thôn trưởng vay nợ cầm áo mà ứng biện để đến kỳ thu thuế thì vượt lệ bội thu mà bù vào phí trước, trên thì quy oán cho quan ty, dưới thì bóc lột của dân nghèo.

Từ nay về sau, xã dân như có việc công đáng phải họp bàn thì chỉ dùng trầu cau làm lễ, rượu thịt đều cấm...” (Thực lục, tr.585).

2. Về lễ vui mừng: Chỉ dụ đưa ra các biện pháp để thực hiện cho phù hợp với đời sống và với tục làng:

“Khi có người dự trúng khoa trường, hay được ban sắc mệnh, người làng vin tục lệ đòi thết đãi, cỗ bàn ăn uống mấy phen, sau trước theo nhau, gọi là nợ miệng. Đến xong khoán lệ của làng thì mất hết gia tài, làm ăn đến phải lụn bại.



Từ nay về sau, các lễ vui mừng, việc lớn cho dùng xôi lợn, không có thì nộp thay ba quan tiền. Việc nhỏ thì dùng xôi gà, không có thì nộp thay một quan sáu tiền” (sđđ).

3. Về lễ giá thú:

“Phong hóa loài người bắt đầu gây nên từ đó. Sách Kinh nói: ‘Hôn lễ là đầu mối của đạo người’. Văn Trung Tử nói: ‘Giá thú mà bàn của cải là thói của mọi rợ. Đại phạm lấy vợ chồng, chẳng qua cốt được cặp đôi mà thôi, còn lễ cưới thì nên chăm chú trong sáu lễ, lượng tùy nhà có hay không, chứ không được viết khế cổ ruồng. Hương trưởng thu tiền cheo trong lễ cưới thì người giàu một quan hai tiền; người vừa thì sáu tiền; người nghèo ba tiền”.

4. Về việc tang tế:

“Đó là đạo thường của người làm con, nhớ gốc tìm về nguồn, ai cũng một lòng như thế, nên phải thương giúp nhau. Gần đây dân làng có người đặt ra khoán lệ quá nặng, nhà người có tang ăn uống kể đến mấy lần, cỗ bàn phải có nhiều món, danh là báo hiếu, thực là nợ miệng, theo nhau thành thói, người giàu thì lấn lễ vượt phạm để phô mẽ với người ta, người nghèo thì vay nợ đợ mình đến nỗi thất sở, việc tang tế thương nhau lại như thế sao?

Từ nay dân làng có tang thì làng xóm giúp nhau, nên nghĩ rằng: ‘một nhà có việc trăm nhà bận’, đừng bắt ‘một người chết mà muôn người say’. Kẻ giàu thì giúp của, kẻ túng thì giúp sức, kẻ biết lễ thì trông đỡ việc tang, hết thầy theo như sách Gia lễ của Chu công, khiến kẻ giàu biết có phạm hạn, không quá xa hoa; kẻ nghèo tùy lực có không, không gượng để theo tục; còn cỗ bàn ăn uống nhiều ít thì tùy ở nhà tang, không được vin lệ đòi hỏi”.

5- Việc thờ thần Phật:

“Đến như việc thờ Phật thì sách Truyện nói: ‘Say mê đi đọa chỉ hại mà thôi’. Lại nói: ‘Có tội với trời thì cầu đảo vào đâu được’. Người có thờ Phật là cốt để phúc báo. Sách nhà Phật nói: ‘Có duyên Phật độ, không duyên Phật chẳng độ’. Lại nói: ‘Thờ cha mẹ chẳng ra gì, tuy hằng ngày ăn chay niệm Phật cũng vô ích’. Như thế người có duyên cần gì phải Phật độ, mà người không duyên Phật độ làm sao được? Thử xem những Tổ đã thành Phật như Mục-liên mà cũng không độ được mẹ, Chuông Phật giáo như Tiêu Diễn (tức Lương Vũ đế) mà cũng không giữ được thân, huống chi những bọn bất trung bất hiếu, bỏ cả cha mẹ là Phật sinh thành, mà đi cầu Phật vô hình ngoài muôn dặm để mong phúc may chưa đến, có lẽ ấy được chăng?

Gần đây, có kẻ sùng phụng đạo Phật, xây dựng chùa chiền quá cao, lầu gác rất tráng lệ, đúc chuông tô tượng rất đồ trang hoàng, cùng là làm chay, chạy đàn mở hội, phí tổn về cúng Phật cúng sư không thể chép hết, để cầu phúc báo viễn vông, đến nỗi tiêu hao máu mủ.

Vậy từ nay về sau, chùa quán có đồ nát mới được tu bổ, còn làm chùa mới và tô tượng đúc chuông, đàn chay hội chùa, hết thầy đều cấm. Sư sãi có người chân tu thì lý trưởng sở tại phải khai rõ tính danh quán chỉ, đem nộp ở quan trấn để biết rõ số. Lại đời sống của dân đều có định

mệnh, tai họa không thể giải được, phúc không thể cầu được, cái thuật cầu đảo giải trừ đều vô ích cả” (Thực lục, sđđ, tr.587).

Đối với tục cầu đảo thần linh nhà vua dụ:

“Nay thói thờ quỷ mù quá đã sâu, người ta không hay giữ yên tính mệnh, động đến là xin phù chú, kêu đồng bóng, lập đàn trường, khua chuông trống, như chiều gió lướt, tập tục theo nhau làm cho mê hoặc. Kẻ có tà thuật đều giả thác ảo huyền, làm rối tai mắt. Thối bùa vẽ khoán, tạ pháp ấn để sinh nhai; chuộc mệnh gọi hồn, xem nhà bệnh là hàng quý. Thậm chí phụ đồng thiếp tính, bịa đặt lời thần, cấm thuốc nhịn ăn, làm cho người bệnh không thể chữa được nữa.

Lại còn ngựa rơm giày giấy, đập cửa đốt nhà, cùng với mọi thứ bùa thuốc mê hoặc, khiến cho vợ cả ghét chồng, chồng say vợ lẽ, đã dụng thuật để nhiều người lại gõ cửa xin chữa, lừa dối trăm chiều, thực làm hại lớn cho dân chúng. Từ nay dân gian nếu có đau ốm chỉ nên cầu thuốc để trị, cẩn thận sự đi đứng, nhất thiết chớ nên tin nghe bọn yêu tà mà cầu cúng xằng xiên. Những bọn thầy pháp cô đồng cũng không được sung phụng hương lửa để nương tai trừ họa. Nếu quen giữ thói cũ, ắt bị nghiêm trị” (Thực lục, sđđ, tr.587).

Sau khi ban dụ, nhà vua đã đưa ra những biện pháp rất mạnh mẽ để trừng phạt kẻ phạm tội. Đó là những hình thức xử phạt rất nghiêm khắc và quyết tâm trong việc dẹp trừ hủ tục và tệ mê tín dị đoan trong nhân dân.

Năm 1820, kế tục sự nghiệp của vua cha, vua Minh Mạng (1820-1840) cũng dốc lòng dốc sức tuyên chiến với tệ mê tín dị đoan nói chung, nạn thầy bà dởm những thuật quái gở nói riêng. Dưới thời trị vì của Minh Mạng, đã có không ít “thầy bà” hay những kẻ ngu muội bị đánh đòn và xử tử.

Phải nói rằng trong bối cảnh xã hội nhiễu nhương sau nhiều năm chiến tranh, việc vua Gia Long và Minh Mạng đã có những quy định, biện pháp để chấn chỉnh phong hóa là điều thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức của người lãnh đạo. Để dân chúng quá sa đà vào những hủ tục thì đời sống văn hóa của người Việt trở nên lạc hậu và trái với truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc.

Thiết nghĩ hiện nay, nạn mê tín dị đoan vẫn còn phổ biến nhiều nơi qua các hình thức lễ hội, tục làng, nó tồn tại như một thứ “dịch” mà đã có ý kiến cho rằng đó chỉ là lợi dụng để buôn thần bán thánh. Xem ra những quy định, biện pháp cũng như các hình thức xử phạt kẻ phạm luật của các vua đầu triều Nguyễn rất cần được tham khảo để những sinh hoạt văn hóa, lễ hội của người Việt thời nay trở nên hoàn thiện và nhân văn hơn... ■

Tài liệu tham khảo:

- Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Nxb Thuận Hóa, 1993.

- Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục T1, Nxb Giáo Dục, 2007.



Thế giới chung, thế giới riêng

HOA TÂM

Thế giới chung là thế giới ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hay thế giới căn và cảnh (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), chịu sự thay đổi, biến hoại, khổ đau mà mọi chúng sinh phải đối mặt.

Thế giới riêng là tâm giải thoát, tuệ giải thoát có sẵn mỗi người, thoát khỏi mọi thay đổi, biến hoại, khổ đau.

Phàm sinh ra ở đời, hết thầy mọi người đều có chung một thế giới và cùng chung một số phận. Đó là thế giới ngũ uẩn chịu sự sanh, già, bệnh, chết cùng bao nhiêu hệ lụy phiền toái khác mà mọi người phải đối diện. Ngoài duyên nghiệp riêng biệt của mỗi người thể hiện ở sự may mắn hoặc không may mắn khi đến với thế giới này, hết thầy chúng sinh đều bình đẳng trước quy luật vô thường sanh diệt của hiện hữu. Dù giàu sang hay nghèo hèn, may mắn hay bất hạnh, tất cả mọi người đều đồng chịu cảnh già, bệnh, chết. Không ai hơn kém ai về phương diện sinh tử, vì không ai thoát khỏi quy luật già, bệnh, chết, kể cả các bậc giác ngộ¹. Đức Phật tuyên bố:

“Ví như, thưa Đại vương, tất cả đồ gốm do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ấy đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể. Cũng vậy, thưa Đại vương, tất cả chúng sanh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết”².

Đó là thế giới chung, thế giới ngũ uẩn, chịu sự sanh diệt biến hoại mà mọi chúng sinh đều phải trải qua một cách bình đẳng, không có ngoại lệ. Nhưng chính trong thế giới biến đổi sanh diệt ấy, thái tử Siddhattha đã thức tỉnh:

“Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết”³.

Và cũng chính trong thế giới sanh diệt ấy, Siddhattha đã quyết tâm tìm kiếm một thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não:

“Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, hãy tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị bệnh, hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị chết, hãy tìm cầu cái bất tử, vô thượng an ổn khỏi các

khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sầu, hãy tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn...

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khởi lên nơi Ta. Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa⁴⁴.

Đó là thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, có sẵn trong mỗi chúng sinh, mà chính Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử loài người đã chứng ngộ và thể hiện trong cuộc đời mình. Đó là thế giới của tâm thức tỉnh, vắng bật các cấu uế (tham-sân-si), vắng bật các triền cái (tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi ngờ), vắng bật các kiết sử (thân kiến, nghi ngờ, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, trạo cử, vô minh) trong đời sống hàng ngày. Đó là thế giới của tâm không động, không sầu, không uế nhiễm, an ổn khi xúc chạm việc đời⁴⁵. Đó là thế giới của thân bệnh nhưng tâm không bệnh⁴⁶. Nói cách khác, đó là thế giới của mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân cảm xúc, ý nhận thức nhưng tham-sân-si không dấy khởi quấy rầy tâm thức.

Sau đây là một vài bản kinh soi sáng về thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không sanh không diệt hiện diện giữa thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn trần, chịu sự sanh diệt:

"Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ukkatthà và Setabbya. Bà-la-môn Dona cũng đang đi trên con đường giữa Ukkatthà và Setabbya. Bà-la-môn Dona thấy trên những dấu chân của Thế Tôn có dấu bánh xe một ngàn cọng, với vành xe, trục xe và đầy đủ tất cả các tướng khác. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ như sau: 'Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Những dấu chân này không phải là của loài Người!'

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây, ngồi kiết-già, thân thẳng, đặt niệm trước mặt. Bà-la-môn Dona theo dấu chân của Thế Tôn, thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây đẹp đẽ, khởi lên tịnh tín, các căn tịch tịnh, tâm ý tịch tịnh, đạt được tịnh chỉ do điều phục tối thượng, giống như một con voi được điều phục, được phòng hộ với các căn tịch tịnh, thấy vậy Bà-la-môn Dona liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thưa với Thế Tôn:

- Có phải thưa Tôn giả,

Ngài sẽ là vị tiên?

- Hỡi này Bà-la-môn,

Ta sẽ không là tiên.

- Có phải thưa Tôn giả,

Ngài sẽ là Thát-bà?

- Hỡi này Bà-la-môn,

Ta sẽ không Thát-bà.

- Có phải thưa Tôn giả,

Ngài sẽ là Dạ-xoa?

- Hỡi này Bà-la-môn,

Ta sẽ không Dạ-xoa.

- Có phải thưa Tôn giả,

Ngài sẽ là loài Người?

- Hỡi này Bà-la-môn,

Ta sẽ không là Người.

- Hỡi 'Ngài có phải sẽ là tiên không?', Ngài trả lời: 'Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là tiên'. Hỡi 'Ngài có phải sẽ là Càn-thát-bà không?', Ngài trả lời: 'Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Càn-thát-bà'. Hỡi 'Ngài có phải sẽ là Dạ-xoa không?', Ngài trả lời: 'Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Dạ-xoa'. Hỡi 'Ngài có phải sẽ là loài Người không?', Ngài trả lời: 'Ta sẽ không phải loài Người'. Vậy sở hành của Ngài là gì và Tôn giả sẽ là gì?

- Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư Thiên, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là Càn-thát-bà, Ta có thể là Dạ-xoa, Ta có thể là Người với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà-la-môn sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì.

Với lậu hoặc chưa đoạn,

Ta có thể là tiên,

Có thể Càn-thát-bà,

Có thể là loài chim,

Hay đi đến Dạ-xoa,

*Hay vào trong thai người,
Với Ta lậu hoặc tận,
Bị phá hủy, trừ khử,
Như sen trắng tươi đẹp,
Không bị nước thấm ướt,
Đời không thấm ướt Ta,
Do vậy Ta được gọi,
Ta là Phật Chánh giác,
Hỡi này Bà-la-môn”.*

Phật là người như mọi người, Phật sống ở đời giống như mọi người, nhưng Phật là người đã đoạn tận các lậu hoặc; Phật sống giữa cuộc đời nhưng không bị cuộc đời chi phối, không bị cuộc đời làm cho ô nhiễm. Phật có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thường xuyên tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhưng Phật không bị các ngoại duyên chi phối, tâm Phật không biến đổi. Nói cách khác, Phật sống giữa thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn và cảnh, chịu sự thay đổi, biến hoại, khổ đau, nhưng Phật có thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không biến đổi, không sanh diệt, không khổ đau.

Qua hình ảnh giải thoát của Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta xác chứng với Tôn giả Kotthika về sự hiện hữu của thế giới riêng (thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát) ở trong thế giới chung (thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn và cảnh). Nói khác, con người có thể tìm thấy giải thoát ngay trong thế giới vô thường biến đổi của ngũ uẩn hay thế giới sanh diệt của căn và cảnh:

“Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải con mắt là kết sử của các sắc, hay các sắc là kết sử của con mắt?... Có phải ý là kết sử của các pháp hay các pháp là kết sử của ý?

- Hiền giả Kotthika, con bò đen không phải là kết sử của con bò trắng. Và con bò trắng cũng không phải là kết sử của con bò đen. Do sợi dây hay cái ách cột lại, cái ấy ở đây là kết sử. Nay Hiền giả, cũng vậy, con mắt cũng không phải là kết sử của các sắc, các sắc không phải là kết sử của con mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kết sử... Ý không phải là kết sử của các pháp, các pháp không phải là kết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kết sử.

Này Hiền giả, Thế Tôn có mắt. Với con mắt, Thế Tôn thấy sắc. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn... Này Hiền giả, Thế Tôn có ý. Với ý, Thế Tôn biết pháp. Tham dục không có nơi Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Thế Tôn.

Này Hiền giả, với pháp môn này cần phải hiểu biết như vậy. Mắt không phải là kết sử của các sắc, các sắc không phải là kết sử của mắt; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kết sử... Ý không phải là kết sử của các pháp, các pháp không phải là kết sử của ý; ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham. Dục tham ở đây là kết sử”.

Các luận chứng của Tôn giả Sàriputta gợi sáng về một thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải

thoát, rất dễ nhận diện và dễ thiết lập đối với mọi người ngay trong thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn và cảnh, chịu sự biến hoại khổ đau. Đó là tập nhìn các pháp (hiện hữu) như chúng là, hoàn toàn do duyên sinh và do duyên diệt, chuyển biến vô thường, không phải của mình, không dính dáng gì đến mình, không khởi niệm phân biệt thế này thế khác thì không bị chúng trói buộc, tâm được tự do, giải thoát, không có sầu muộn khổ đau. Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và sáu trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là các pháp do duyên sinh và do duyên diệt, chuyển biến vô thường, không phải của mình, không dính dáng gì đến mình; như con bò đen và con bò trắng cùng ăn cỏ trên cánh đồng, không ngăn ngại lẫn nhau, không trói buộc lẫn nhau. Thường xuyên vận dụng sáu căn theo cách như vậy khi chúng tiếp xúc với sáu trần cảnh thì tâm không dính mắc, không bị trói buộc, không rơi vào thuận ứng và nghịch ứng, không nhiễm ô, đạt đến thanh tịnh, đi đến giải thoát. Kinh Điểm lành tối thượng (*Mahāmangalasutta*) thuộc Tiểu bộ nói như vậy:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là hạnh phúc tối thượng”.*

Nhìn chung, bên cạnh thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn và cảnh, chịu sự thay đổi, biến hoại, khổ đau, con người có thể xây dựng cho mình một thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vượt ra ngoài mọi thay đổi, biến hoại, khổ đau. Đó là tập nhận diện bản chất duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của ngũ uẩn hay thế giới căn-trần và thể hiện nếp sống vô ngã ấy trong đời sống xúc chạm hàng ngày. Rõ ràng, các pháp vốn do nhân duyên mà sinh và diệt, vô ngã, không ngăn ngại, không trói buộc lẫn nhau; chỉ do con người khởi tâm phân biệt yêu ghét, chấp lăm của mình, nên tập quán tham-sân-si mới có dịp sinh khởi và quấy rầy tâm thức, khiến cho tâm rơi vào phiền muộn khổ đau. Học Phật không gì khác là học cách nhìn đúng các pháp (các pháp là duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã) để thấy rõ khổ đau do duyên sinh và do duyên diệt và để biết cách buông bỏ khổ đau.

Sau đây là bài pháp ngắn do Thế Tôn thuyết giảng cho Tôn giả Punna nêu rõ thế nào là khổ đau và thế nào là buông bỏ khổ đau, nhờ đó Tôn giả Punna thiết lập cho mình một thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không còn phiền muộn khổ đau, ngay trong thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn-trần, thường xuyên biến đổi và chất chứa nhiều phiền toái khổ đau:

“Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ

sanh; và này Punna, Ta nói, rằng từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ. Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Punna. Ta nói, rằng từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Punna, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ. Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Punna, Ta nói, rằng từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ. Này Punna, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vẫn tắt?

- Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tắt, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây phương Du-na quốc), con sẽ sống tại đấy.

- Này Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Này Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Này Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đấy Ông sẽ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta'. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punna, tại đấy Ông sẽ nghĩ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta'. Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Punna, tại đấy Ông sẽ nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy gậy ném đánh ta'. Bạch Thế Tôn, tại

đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con; thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy đao đánh đập ta'. Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao đánh đập con; thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy đao sắc bén đoạt hại mạng ta'. Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy.

- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao sắc bén đoạt hại mạng Ông... Ông nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta sẽ lấy đao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đấy con sẽ nghĩ như sau: 'Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy'. Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy, con sẽ nghĩ như vậy.

- Lành thay, lành thay, này Punna! Này Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời"¹.

Không buồn giận, không oán trách, Tôn giả Punna đón nhận mọi sự việc xảy ra một cách thanh thản, vì Tôn giả đã thiết lập cho mình một thế giới riêng, thế giới của tâm giải thoát, tuệ giải thoát; không còn bận lòng về thế giới chung, thế giới ngũ uẩn hay thế giới căn-trần, vốn chịu sự thay đổi, biến hoại, khổ đau, không phải của mình, không dính dáng gì đến mục tiêu giác ngộ. Tôn giả sống với tâm giải thoát, không sanh không diệt, lặng lẽ trả lại cho đời những gì không phải của mình. ■

Chú thích:

1. Kinh Vua, Tương ưng bộ.
2. Kinh Tổ mẫu, Tương ưng bộ.
3. Kinh Thành ấp, Tương ưng bộ.
4. Kinh Thánh cầu, Trung bộ.
5. Kinh Điềm lành tối thượng, Kinh Tập, Tiểu bộ.
6. Kinh Nakulapita, Tương ưng bộ.
7. Kinh Tùy thuộc thế giới, Tăng chi bộ.
8. Kinh Kotthika, Tương ưng bộ.
9. Nghĩa là sáu căn tiếp xúc với sáu trần.
10. Kinh Điềm lành tối thượng, Kinh tập, Tiểu bộ.
11. Kinh Giáo giới Punna, Trung bộ.

Thể tánh của Tâm

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Đoạn kinh tiếp theo của *Pháp hội Pháp giới Thể tánh Vô phân biệt* nói về thể tánh của tâm. Thể tánh của tâm là pháp giới thể tánh, bởi vì nếu không như vậy thì tâm không bao giờ có thể hiểu biết, chứng ngộ pháp giới thể tánh.

“Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất, pháp giới ấy có phải trước kia bị trói buộc mà nay được giải thoát chăng?”

Ngài Xá-lợi-phất nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, pháp giới ấy chẳng phải trước bị trói buộc mà nay được giải thoát...

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất, có phải là ngài dứt hết phiền não mà được tâm vô lậu giải thoát chăng?

Ngài Xá-lợi-phất nói: Tôi được tâm vô lậu giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất, ngài dùng những tâm nào để được giải thoát? Là tâm quá khứ, tâm vị lai hay tâm hiện tại? Thưa Đại đức, tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng an trụ, thì dùng tâm nào để được giải thoát?

Ngài Xá-lợi-phất nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Chẳng phải tâm quá khứ được giải thoát, chẳng phải tâm hiện tại được giải thoát, chẳng phải tâm vị lai được giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức, vậy sao ngài lại nói tâm được giải thoát?

Ngài Xá-lợi-phất nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, ở nơi thể để mà nói là tâm được giải thoát. Trong đệ nhất nghĩa để đều không có tâm bị trói buộc hay tâm giải thoát.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa Đại đức, có phải ngài muốn cho pháp giới thể tánh có thể để và đệ nhất nghĩa để chăng?

Ngài Xá-lợi-phất nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, pháp giới thể tánh không có thể để và đệ nhất nghĩa để”.

Đây là cuộc đối thoại giữa hai vị đã giải thoát – tâm giải thoát và tuệ giải thoát – cốt để cho đại chúng nghe. Như ở đoạn đối thoại trước có năm trăm Tỷ-kheo được tâm vô lậu; còn ở đoạn này, khi đoạn đối thoại chấm dứt, có hai trăm Tỷ-kheo “bỏ chúng mà đi”.

“Pháp giới ấy chẳng phải trước bị trói buộc mà nay được giải thoát”: Pháp giới chưa hề bị trói buộc nên cũng không có việc giải thoát. Tại sao thế? Như đoạn trước, kinh nói: “Pháp giới chính là pháp giới thể tánh”. Pháp giới không hề có nhiễm ô: “Chính nhiễm ô là pháp giới thể tánh”.

Pháp giới vốn thanh tịnh vì là tánh Không: “Vi nghĩa ấy nên Như Lai nói: Tỷ-kheo hiểu các pháp bình đẳng giống như hư không. Như đưng chạm hư không thì không có chỗ đưng chạm, pháp của Sa-môn cũng như vậy”.

Tất cả các pháp vốn thanh tịnh, vốn không nhiễm ô, vì các pháp là tánh Không, các pháp không sanh không diệt: “Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu có Bồ-tát sơ phát tâm tu hành Không, Vô tướng và Vô tác, hiểu biết tất cả pháp không sanh không diệt, thì gọi là Bồ-tát sơ phát tâm vậy”. Chính vì pháp giới là pháp giới thể tánh, là tánh Không, nên pháp giới không có trói buộc và giải thoát.

Nhưng nếu pháp giới không có trói buộc không có giải thoát thì tại sao chúng ta thấy có trói buộc? Đó là vì tâm chúng ta có nhiễm ô vậy. Thế nên tiếp đó hai vị bàn về tâm, tâm nào có nhiễm ô, có trói buộc; tâm nào là vô lậu (không có nhiễm ô), giải thoát.

Thiên quán về tâm, thì thấy tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, và tâm hiện tại chẳng an trụ, nghĩa là tìm tâm thì không thấy cái gì là tâm cả. Không có tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Nghĩa là cái chúng ta gọi là tâm, dù là tâm nào, đều là tánh Không. Thế nên chẳng có tâm nào giải thoát cả, cho nên ngài Xá-lợi-phất nói, “Chẳng phải tâm quá khứ được giải thoát, chẳng phải tâm vị lai được giải thoát, chẳng phải tâm hiện tại được giải thoát”.

Tất cả mọi tâm là tánh Không, cho nên không có tâm nào bị nhiễm ô, trói buộc; cũng không có tâm nào vô lậu giải thoát.

Kết luận đoạn này, ngài Xá-lợi-phất nói, “Pháp giới thể tánh không có thể để và đệ nhất nghĩa để”, nghĩa là trong pháp giới thể tánh, trong tánh Không, không có tâm trói buộc và tâm giải thoát, không có phiền não và vô lậu giải thoát, không có sanh tử nhiễm ô và Niết-bàn vô lậu.



Nói cách khác, trong pháp giới thể tánh chỉ có pháp giới thể tánh, ngoài ra không có cái gì khác. Trong tánh Không chỉ có tánh Không, ngoài ra không có cái gì khác.

Khi ngài Văn-thù-sư-lợi nói, “Tâm không có trong ngoài và ở giữa nên không có trói buộc và giải thoát”, thì hai trăm Tỳ-kheo rời chỗ ngồi bỏ đi, vì “nếu không có tâm giải thoát, thì chúng tôi lại xuất gia tu hành để làm gì?”.

Sau đó ngài Văn-thù-sư-lợi biến hóa ra một Tỳ-kheo, đón đường nhóm Tỳ-kheo bỏ đi ấy để giảng tiếp cho họ.

“Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: Nay chúng ta cùng nhau suy luận. Tâm của các Đại đức là tướng dạng gì? Là màu xanh vàng đỏ trắng hay màu tím pha lê? Là thật hay chẳng thật? Là thường hay vô thường? Là sắc hay chẳng phải sắc?

Nhóm Tỳ-kheo nói: Thưa Đại đức, tâm chẳng phải sắc, chẳng thấy được, không có hình bóng, cũng không có xúc đối, không nơi chốn, không hiển thị.

...

Hóa Tỳ-kheo nói: Thưa các Đại đức, tâm các ngài đã không hình sắc, không có xúc đối, không nơi chốn, không hiển thị, chẳng phải trong ngoài ở giữa, thì nó có thật thành tựu chăng?

Nhóm Tỳ-kheo ấy nói: Không phải vậy.

Hóa Tỳ-kheo nói: Thưa các Đại đức, vì nghĩa ấy nên ngài Văn-thù-sư-lợi nói pháp giới thể tánh không có nhiễm tịnh. Thưa các Đại đức, vì các ngài là phàm phu điên đảo chấp ngã và ngã sở, phát khởi tâm đi vào các cảnh giới mà sanh khởi tâm phan duyên. Đó là tất cả những pháp phan duyên sanh diệt, chẳng trụ, biến đổi mà Diệt để có thể dứt diệt.

Nếu tâm duyên nơi việc xuất gia, thọ giới cụ túc, tu đạo đắc quả, thì thể tánh của tâm ấy rỗng không chẳng có thật, chỉ từ vọng tưởng phát khởi. Đã là vọng tưởng chẳng thật thì chẳng sanh chẳng trụ chẳng diệt. Nếu đã là chẳng sanh trụ diệt thì không có trói buộc cũng không có giải thoát, không hướng quả không chứng quả.

Vì nghĩa ấy nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói pháp giới thể tánh không nhiễm không tịnh, cũng không hướng không chứng, không có giải thoát.

Nghe Hóa Tỳ-kheo giảng giải, nhóm Tỳ-kheo ấy được vô lậu giải thoát”.

Quán chiếu vào tâm, thì thấy tâm không hình sắc,



không có xúc đối, không nơi chốn, không hiển thị, chẳng phải trong ngoài ở giữa, không thật thành tựu, thì tâm là không có tự tánh, là vô tự tánh, là tánh Không. Nếu tâm ấy không thể tìm thấy ở đâu cả, không thật thành tựu, thì tâm ấy là vô tự tánh, là tánh Không, và là tánh Không cho nên vốn giải thoát. Như hoa đốm giữa không trung, không thật thành tựu cho nên vốn giải thoát. Vốn giải thoát vì chưa từng có.

Thế nên ngài Văn-thù-sư-lợi nói pháp giới thể tánh không có nhiễm tịnh, không có tâm đã nhiễm ô và tâm được giải thoát khỏi nhiễm ô. Như hoa đốm giữa hư không chưa từng có thì lấy đâu có sự việc giải thoát cho hay khỏi hoa đốm.

Chỉ vì chúng sanh chúng ta vô cơ vọng tưởng ra ngã và ngã sở, chủ thể và đối tượng đã sanh thì có tâm phan duyên bám chấp theo cảnh và tâm mà chạy theo sanh tử. Nếu theo đuổi, quán sát đến tận nguồn gốc của tâm này thì thấy nó “rỗng không chẳng có thật, chẳng sanh chẳng trụ, chẳng dị chẳng diệt”. Tâm là rỗng không, không thật không sanh không diệt, là tánh Không, thì có cái gì trói buộc để phải giải thoát, có cái gì để hướng quả và chứng quả.

Tóm lại, khi nhìn thấy tận thể tánh của tâm, không chỉ bằng ý thức, mà bằng thiền định và thiền quán để hiểu biết rằng tâm không thật thành tựu, tâm chưa từng sanh, trụ, diệt, tâm là tánh Không, người ta giải thoát.

Có câu chuyện Thiền nói lên việc nhìn thấy thể tánh của tâm, được ngộ đạo và giải thoát của Nhị tổ Huệ Khả như sau:

Sư Huệ Khả tìm đến Tổ Bồ-đề-đạt-ma để hỏi đạo, mong hết nghi để giải thoát. Sư đứng suốt đêm ngoài trời tuyết, Tổ chẳng ngó ngang gì đến. Sư chặt cánh tay để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Được phép hỏi, Sư nói:

- Tâm con chưa an, xin thầy dạy phép an tâm.

Tổ nói:

-Người đem tâm ra đây, ta an cho.

Sư im lặng, tư duy quán chiếu hồi lâu, rồi nói:

- Con tìm tâm mãi mà không thể được.

- Ta đã an tâm cho người rồi đó.

Sư Huệ Khả nhân đây được khế ngộ, được ban cho pháp danh là Huệ Khả. Sư ở với Tổ cho đến lúc Tổ quy tịch, rồi sau đó đi các nơi để hoằng truyền Chánh pháp. ■

Chín phép thiền quán về cái chết

NI TRƯỞNG SANGYE KHADRO
LÊ NGHIÊM dịch

Bài viết này là phiên bản có sửa đổi chút ít của “Thiền Tĩnh thức về Cái chết”. Có nhiều phương pháp khác nhau để quán chiếu về chín phép quán này. Cách thứ nhất là quán chiếu tất cả chín phép trong một thời hành thiền. Cách thứ hai là thực hành mỗi phép quán cho mỗi thời thiền, lấy chín thời để hoàn thành tất cả các phép quán. Cách thứ ba là dành trọn thời thiền cho mỗi một trong ba phép quán chính. Cái chết là điều không thể tránh khỏi, thời gian chết cũng không biết chắc lúc nào, và sự thực là chỉ có tu tập tâm linh mới có thể giúp ích cho chúng ta lúc lâm chung. Ở đây, bạn có thể tu tập theo bất cứ cách nào bạn muốn.

Chuẩn bị

Ngồi ở tư thế thoải mái, giữ lưng thẳng và cơ thể thư giãn. Dành một chút thời gian để tâm bạn lắng dịu trong giây phút hiện tại, buông bỏ tất cả những ý nghĩ về quá khứ hoặc tương lai. Hãy giữ tâm tập trung vào đề mục trong suốt buổi thiền quán.

Động lực

Khi tâm bạn an tịnh trong phút giây hiện tại sẽ tạo ra một động lực tích cực cho việc hành thiền. Ví dụ, bạn có thể thầm nghĩ: “Nguyện nhờ công đức thiền quán này sẽ giúp mang lại nhiều an lạc và hạnh phúc hơn cho tất cả chúng sinh”, hay “Nguyện nhờ công đức thiền quán này sẽ là căn duyên khiến tôi trở nên chứng ngộ, để tôi có thể giúp tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ đau và cũng được giác ngộ như tôi”.

Phân cốt lõi của sự thiền định

Khi quán chiếu những đề mục sau đây, bạn hãy kèm theo những ý nghĩ và kinh nghiệm của riêng bạn, cũng như những câu chuyện mà bạn từng nghe hay đã đọc để làm

sáng tỏ từng mục. Cố gắng ghi nhận ở từng mục. Trong suốt thời thiền, nếu bạn trải nghiệm ghi nhận rõ từng mục mà bạn đang quán chiếu thì hãy dừng suy nghĩ và tập trung giữ cảm giác này càng lâu càng tốt. Khi nó mất dần hoặc tâm của bạn bị tán loạn thì trở lại quán chiếu.

A. Chết là điều không thể tránh

Chúng ta lên kế hoạch nhiều hoạt động và dự án cho những ngày, tháng và năm sắp tới. Mặc dù cái chết là sự kiện duy nhất chắc chắn xảy ra, nhưng chúng ta thường không nghĩ về nó hoặc dự định cho nó. Ngay cả khi ý nghĩ về cái chết nảy sinh trong đầu, chúng ta cũng thường xua nó đi thật nhanh. Chúng ta không muốn nghĩ về cái chết. Nhưng điều quan trọng ở đây là phải nghĩ và chuẩn bị về nó. Hãy thực hành ba phép quán sau đây để cảm nhận về cái chết chắc chắn sẽ xảy ra với bạn như thế nào?

1. Ai rồi cũng phải chết

Để tạo ra một trải nghiệm về cái chết, hãy nhớ đến những người trong quá khứ như những nhân vật nổi tiếng trong giới cầm quyền, văn sĩ, nhạc sĩ, triết gia; các bậc thánh, nhà khoa học, tội phạm và cả những người dân thường. Những người này đã từng sống, từng làm việc, từng suy nghĩ và sáng tác. Họ từng yêu và tranh đấu, tận hưởng niềm vui của cuộc sống cũng như trải qua những nỗi khổ niềm đau. Và cuối cùng, họ đều đã chết.

Bạn có thể nghĩ đến một thí dụ về người nào đó được sinh ra trên trái đất này nhưng mà họ không chết không? Dù cho có hiểu biết như thế nào, giàu có ra sao, quyền lực và nổi tiếng đến mức nào thì cuộc đời của vị ấy cũng phải đi đến cái chết. Đó cũng là sự thật cho tất cả sinh vật đang sống trên trái đất này. Dù sự phát triển khoa học và y học đến cỡ nào thì cũng không có ai tìm ra được phương pháp cứu chữa cái chết, và cũng sẽ mãi không có ai làm được điều đó.

Bây giờ, bạn hãy nghĩ đến những người quen biết mà họ đã chết và nghĩ về những người bạn biết mà vẫn còn sống. Quán tưởng rằng mỗi người ấy sẽ chết vào một ngày nào đó. Và dĩ nhiên, bạn cũng thế.

Hiện có vài tỷ người trên hành tinh này, nhưng một trăm năm sau, tất cả những người này, ngoại trừ một vài người bây giờ rất trẻ, sẽ biến mất. Bản thân bạn cũng sẽ chết. Hãy thử trải nghiệm sự thật này với toàn thể đời sống của bạn.

2. Tuổi thọ của bạn đang liên tục giảm dần

Thời gian không bao giờ đứng yên. Nó liên tục trôi qua. Giây trở thành phút, phút trở thành giờ, giờ trở thành ngày, ngày trở thành năm, và khi thời gian trôi qua theo cách này, bạn đang đi mỗi lúc mỗi gần hơn về phía cái chết. Hãy tưởng tượng một cái đồng hồ cát, với cát đang chảy dần xuống đáy. Thời gian bạn sống giống như những hạt cát này, đang chảy dần hết. Hãy giữ sự nhận biết này khoảng một lúc để trải nghiệm dòng thời gian không ngừng trôi đang đưa bạn đến cuối cuộc đời của bạn.

Một cách khác để nhận biết cuộc sống của bạn liên tục hướng tới cái chết là hãy tưởng tượng bạn đang ở trên một chuyến tàu với tốc độ đều đều. Nó không chậm lại hay dừng hẳn, và cũng không có cách nào để bạn có thể xuống tàu. Chuyến tàu này đang đưa bạn ngày càng gần hơn đến đích của nó, chấm hết cuộc đời bạn. Cố gắng hiểu được điều này, kiểm lại những ý nghĩ và cảm xúc khởi sinh trong tâm bạn.

3. Bạn dành rất ít thời gian cho việc tu tập tâm linh

Vì bạn đang ngày càng tiến gần đến cái chết bất kể lúc nào, vậy bạn đang làm gì để chuẩn bị cho cái chết? Cách tốt nhất để chuẩn bị cho cái chết là tu tập tâm linh. Bởi vì điều duy nhất vẫn còn sau cái chết là tâm thức, và tu tập tâm linh là cách duy nhất thực sự mang lại lợi ích cho tâm, là chuẩn bị cho cái chết và cuộc hành trình tới đời sống kế tiếp. Nhưng bạn dành bao nhiêu thời gian để thực hành tâm linh; làm giảm tâm tiêu cực như giận dữ và chấp trước, phát triển tâm tích cực như lòng tốt và trí tuệ, và hành xử theo cách có lợi cho người khác?

Hãy thử tính bạn dùng quỹ thời gian của mình như thế nào? Trung bình một ngày, bạn dành bao nhiêu giờ để ngủ? bao nhiêu giờ để làm việc? bao nhiêu giờ để nấu nướng, ăn uống và giao tiếp? Bạn tốn bao nhiêu thời gian cho những cảm thọ phiền muộn, thất vọng, chán nản, tức giận, phẫn nộ, ghen tuông, lòng biếng hay chê bai? Và bạn dành bao nhiêu thời gian để cố gắng cải thiện trạng thái không tốt của tâm, hoặc làm những việc có ích như giúp đỡ người khác, hoặc nghiên cứu tâm linh hay thiền định?

Hãy làm các phép tính này một cách trung thực. Đánh giá cuộc sống của bạn theo cách thực tế này để thấy rõ bạn đã dành bao nhiêu thời gian để làm những điều thực sự lợi ích cho bản thân và người khác. Và điều đó sẽ rất hữu ích cho tâm thức của bạn lúc lâm chung và ở kiếp sau.

Bằng cách thực tập thiền quán về ba đề mục đầu tiên này, bạn sẽ có thể phát huy quyết tâm sử dụng cuộc đời của bạn một cách khôn ngoan và có ý thức

B. Không chắc về thời gian chết

Bằng cách suy ngẫm về ba đề mục đầu tiên, bạn chấp nhận rằng, chắc chắn mình sẽ chết. Nhưng bạn cũng có thể nghĩ cái chết còn lâu mới xảy ra. Tại sao bạn nghĩ như vậy? Có cách nào để bạn có thể biết chắc chắn khi nào sẽ chết? Hãy quán tưởng ba phép sau đây để ý thức được khi nào chết là hoàn toàn không chắc và không biết trước.

4. Tuổi thọ của con người là không chắc

Nếu con người chết ở một độ tuổi xác định, ví dụ như nói tám mươi tám, chúng ta sẽ có nhiều thời gian và không gian để chuẩn bị cho cái chết. Nhưng ở đây, không có sự chắc chắn như thế. Hầu hết chúng ta bị thần chết tóm lấy rất bất ngờ.

Sự sống có thể kết thúc tại bất kỳ thời điểm nào; lúc vừa mới sinh, trong thời thơ ấu, ở tuổi thiếu niên, ở tuổi hai mươi hai hoặc ba mươi lăm, hay năm mươi, hay chín mươi tư. Hãy nghĩ về những người đã chết trước khi họ đến tuổi bạn bây giờ mà bạn biết hoặc đã từng nghe nói tới.

Một người trẻ và khỏe mạnh cũng không đảm bảo là họ sẽ sống lâu. Trẻ em đôi khi chết trước cha mẹ. Người khỏe có thể chết trước những người đang mắc bệnh hiểm nghèo như ung thư... Chúng ta có thể hy vọng sống cho đến khi bảy mươi hay tám mươi, nhưng chúng ta không thể chắc chắn về việc đó. Chúng ta cũng không đảm bảo rằng liệu sau ngày hôm nay mình có còn sống.

Rất khó để chúng ta nhận thức được việc cái chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Chúng ta có xu hướng nghĩ mình sống đến ngày hôm nay thì cứ yên tâm mà sống tiếp. Nhưng hàng ngàn người từ già cõi đời mỗi ngày, và rất ít người trong số họ mong đợi cái chết

Hãy khởi lên ý nghĩ nhận thức rõ bạn sẽ chết khi nào là điều không biết trước được, hoàn toàn không có cam đoan là bạn còn sống đến lúc nào.

5. Có nhiều nguyên nhân gây nên cái chết

Cái chết có thể đến với mọi người bằng nhiều cách khác nhau. Đôi khi tử vong xảy ra do nguyên nhân bên ngoài, bao gồm tai họa từ thiên nhiên như động đất, lũ lụt và núi lửa, hoặc các tai nạn như tai nạn xe hơi hoặc máy bay. Con người cũng có thể chết do bị người giết, khủng bố hoặc do động vật nguy hiểm hoặc trùng độc gây nên.

Cũng có khi cái chết xảy ra do nguyên nhân bên trong. Có hàng trăm thứ bệnh khác nhau có thể cướp đi sức khỏe của chúng ta và dẫn đến cái chết. Ngoài ra còn có những trường hợp của những người không bị bệnh, nhưng cơ thể của họ ngừng hoạt động hoàn toàn và họ đột nhiên chết.

Ngay cả những thứ bình thường hỗ trợ cho cuộc sống cũng có thể trở thành nguyên nhân gây ra cái chết. Ví dụ như thực phẩm, thứ mà chúng ta cần để duy trì sự



sống, nhưng đôi khi nó có thể dẫn đến cái chết, như khi một người ăn quá nhiều, hoặc ăn thực phẩm bị nhiễm bẩn. Y học thì khác nữa, nó thường hỗ trợ cho sự sống, nhưng đôi khi người ta chết vì họ uống nhầm thuốc, hoặc dùng sai liều lượng. Những ngôi nhà hay căn hộ có thể giúp cho chúng ta sống một cách an toàn thoải mái hơn, nhưng đôi khi nó có thể giết chết người bên trong do hỏa hoạn thiêu rụi hay sụp đổ.

Hãy nghĩ đến những trường hợp qua đời của những người mà bạn biết hoặc đã nghe nói đến, và họ đã chết như thế nào. Hãy nhớ rằng bất kể điều gì cũng có thể xảy ra với bạn.

6. Thân thể con người rất mong manh

Thân thể chúng ta rất dễ bị tổn thương. Nó có thể bị thương hay bị bệnh tật tấn công. Chỉ trong vài phút, thân này có thể thay đổi từ khỏe mạnh, năng động thành bất lực và đau đớn.

Ngay bây giờ, bạn có thể cảm thấy khỏe mạnh, tràn đầy năng lượng và vững chắc, nhưng đôi khi có thứ gì đó nhỏ như một loại virus hay cái gai cũng có thể trở thành nguyên nhân gây ra cái chết của bạn.

Hãy nghĩ về điều này; nhớ lại những lần bạn bị đau hoặc cơ thể bị thương, và việc này có thể lặp lại, thậm chí gây ra cái chết của bạn để đến mức nào.

Cơ thể của bạn sẽ không tồn tại mãi mãi. Trong suốt cuộc đời, bạn có thể điều khiển để tránh bệnh tật và tai nạn, nhưng những năm tháng cuối cùng sẽ bỏ mặc bạn. Cơ thể bị thoái hóa, mất đi vẻ đẹp và sức sống của nó, và cuối cùng là chết.

Bằng cách thiền quán về ba điểm thứ hai này, chúng ta sẽ nâng cao quyết tâm, bắt đầu thực hành con đường tâm linh ngay bây giờ, vì tương lai là điều không chắc chắn.

C. Thực tế là chỉ tu tập tâm linh mới có thể giúp bạn lúc lâm chung

Dù cho ta có tích góp được bao nhiêu hay phát đạt

đến cỡ nào trong suốt cuộc đời những thứ như gia đình, bạn bè, sự giàu có, quyền lực, trải nghiệm du lịch, và nhiều hơn thế nữa thì không có thứ nào trong số đó đi với chúng ta lúc lìa trần. Chỉ có tâm thức của ta tiếp tục đi cùng, mang theo tất cả những gì ta đã suy nghĩ, cảm nhận, nói năng và hành động.

Điều quan trọng là khi chết, chúng ta có được nhiều điểm tích cực thì sẽ đem lại những trải nghiệm tốt đẹp, và nếu như có vài tiêu cực, có thể sẽ làm cho tâm thức chúng ta đau khổ. Vì thế, chúng ta nên cố gắng để chết hòa bình với chính mình, cảm thấy hài lòng khi ta đã sống một cuộc đời tốt đẹp làm sao, và không nên để lại bất kỳ cuộc xung đột nào với mọi người mà chưa được giải quyết.

Điều duy nhất đem lại lợi ích thực sự cho chúng ta khi chết là trạng thái tích cực của tâm thức như đức tin, không bám chấp và bình tĩnh chấp nhận những thay đổi đang diễn ra, lòng từ bi, sự nhẫn nại và trí tuệ. Nhưng để có được trạng thái tâm như vậy vào thời khắc lâm chung, chúng ta cần phải tập sống với những tâm hành ấy trong suốt cuộc đời của mình và đây là cốt lõi của Phật pháp, hay còn gọi là tu tập tâm linh. Nhận ra được điều này sẽ giúp ta có được sự khích lệ và nghị lực để bắt đầu thực hành ngay bây giờ, và tu tập nhiều nhất có thể khi chúng ta vẫn còn thời gian.

Bạn có thể trải nghiệm cảm giác mạnh về sự thực này bằng cách tưởng tượng bản thân mình vào thời khắc lâm chung, và quán chiếu về ba mục sau đây.

7. Người thân yêu của bạn không thể giúp

Khi nằm trên giường bệnh, hay khi máy bay bạn đang di chuyển sắp gặp nạn, bạn sẽ nghĩ gì vào thời khắc đó? Tâm luyện ái mạnh mẽ của chúng ta thường dành cho gia đình và bạn bè, do đó mà ta nghĩ về họ, và cảm thấy mong muốn được ở bên họ. Nhưng ngay cả khi họ có mặt với bạn vào thời điểm lâm chung, liệu họ có thể giúp bạn được không? Dù cho họ yêu bạn rất nhiều và không muốn bạn lìa đời, họ cũng không thể ngăn điều

này xảy ra. Có lẽ hầu hết họ cũng không biết phải nói gì hay làm gì để đem lại sự an tâm cho bạn, mà thay vào đó, nỗi buồn bã và lo lắng của họ về sự chia ly sắp tới sẽ ảnh hưởng đến bạn, khuấy động những cảm xúc tương tự trong tâm thức bạn.

Khi chết, chúng ta ra đi một mình, không có ai đi cùng, dù cho có là người thân yêu nhất. Do không chấp nhận việc từ giả cõi đời và buông bỏ duyên ái với người thân yêu, nên dễ khiến cho tâm chúng ta hoảng loạn, và vì vậy mà rất khó để có một cái chết thanh thản.

Nên nhận ra là bạn có sự duyên ái với gia đình và bạn bè của mình. Phải biết là nếu bạn duyên ái sâu đậm với mọi người, điều này sẽ gây nên trở ngại cho việc có được tâm thức an tịnh lúc lìa trần. Vì vậy tốt hơn hết hãy tu tập để giảm sự ái chấp và học cách buông xả.

8. Tài sản và những thứ mà bạn yêu thích cũng không thể giúp

Có thể tâm thức của bạn cũng sẽ nghĩ về tài sản và những thứ mà bạn sở hữu, vì những thứ này đã chiếm phần lớn thời gian trong cuộc đời của bạn, và nó cũng là nguồn mang lại nhiều niềm vui và sự thỏa mãn. Nhưng liệu trong số đó có thứ nào có thể đem lại cho bạn sự an nhiên lúc lâm chung? Sự giàu có có thể giúp bạn có được một phòng riêng trong bệnh viện và được chăm sóc y tế tốt nhất, nhưng đó là tất cả những gì tài sản có thể làm được cho bạn. Nó không thể ngăn chặn cái chết ngừng xảy ra. Và khi chết, bạn cũng không đem theo bất kể thứ gì, dù chỉ một đồng xu hay một cái áo.

Không những tài sản không thể giúp ích được gì cho bạn vào thời khắc lâm chung, mà nó còn làm cho tâm thức của bạn bị cuốn vào những lo lắng về nó như ai sẽ nhận được cái gì, và liệu họ có chăm sóc những thứ “của mình” hay không. Cho nên, điều đó sẽ làm cho chúng ta khó có được trạng thái tâm bình an khi đang hấp hối.

Hãy suy ngẫm những điều này, và liệu xem bạn có thể hiểu được tầm quan trọng của việc thực tập ít phụ thuộc và dính mắc với vật chất hay không.

9. Cơ thể của bạn cũng không thể giúp

Thân thể là bạn đồng hành của bạn kể từ khi sinh ra. Bạn biết rõ nó hơn bất cứ điều gì hay bất cứ ai khác. Bạn đã chăm sóc, bảo vệ, lo lắng, giữ gìn cho thân thể thoải mái và khỏe mạnh, cho nó ăn và tắm rửa, trải nghiệm tất cả các niềm vui và nỗi khổ với nó. Đó là thứ quý giá nhất mà bạn sở hữu.

Nhưng bây giờ bạn sắp chết và điều đó có nghĩa là bạn sẽ bị tách ra khỏi thân thể, nó sẽ trở nên yếu dần và cuối cùng hoàn toàn vô dụng. Tâm thức bạn sẽ tách rời khỏi cơ thể và sẽ được đưa đến nghĩa trang hoặc nhà xác. Vậy lúc này nó có thể giúp được gì cho bạn?

Hãy quán tưởng tâm thức của bạn luôn bám chấp vào thân thể một cách mạnh mẽ, và điều đó sẽ không có chút lợi nào cho bạn khi cái chết đến. Sự đau đớn và hối tiếc về việc rời bỏ thân này sẽ chỉ làm cho bạn đau khổ hơn mà thôi.

Bằng cách thiền quán về ba điểm cuối cùng này, chúng ta nhận ra tầm quan trọng của việc tu tập để giảm đi sự ái luyến đối với gia đình, bạn bè, tài sản, và thân thể của chúng ta. Chúng ta cũng nên nhận ra tầm quan trọng của việc chăm sóc cho tâm thức của mình, vì đó là điều duy nhất sẽ tiếp tục cho đời sống kế tiếp. “Chăm sóc tâm” có nghĩa là làm giảm các trạng thái tiêu cực như giận dữ và chấp trước, và tu dưỡng những phẩm chất tích cực như đức tin, lòng từ bi, kiên nhẫn và trí tuệ.

Hơn nữa, dấu ấn của tất cả nghiệp mà ta tạo ra trong đời này cũng sẽ đi cùng với tâm thức của chúng ta, quyết định cảnh giới mà mình sẽ tái sinh và kinh nghiệm mình sẽ có. Điều cần thiết là chúng ta phải cố gắng hết sức để tránh tạo ra những nghiệp bất thiện, và tạo ra nghiệp thiện càng nhiều càng tốt trong cuộc sống của mình.

Có thể bạn sẽ cảm thấy sợ hay không thích thú khi tu theo phép thiền quán này. Về mặt nào đó, nó cũng là điều tốt, vì cho thấy rằng bạn đã tiếp nhận những ý niệm này một cách nghiêm túc và đã suy ngẫm về chúng một cách sâu sắc. Lại nữa, điều quan trọng là bạn cảm nhận về cái chết như thế nào để bạn có thể tu tập, chuẩn bị khi nó xảy ra. Tuy nhiên, mục đích của thiền không phải là làm cho bạn sợ hãi. Sợ chết là điều vô ích. Điều hữu ích là sợ phải chết với tâm hoảng loạn và nhiều nghiệp bất thiện lưu dấu trong tâm mà bạn đã tạo ra trong suốt cuộc đời của mình. Bạn cần phải nhận thức được là thật khủng khiếp khi mình ra đi với tâm thức như vậy, để bạn sống một cách khôn ngoan, làm nhiều điều tốt, có lợi nhất có thể.

Lại nữa, nỗi sợ hãi nảy sinh vì chấp vào ý tưởng thân thể này là vĩnh cửu. Thật ra không có thứ gì là thường hằng, vì vậy đây là một ảo tưởng chỉ khiến cho chúng ta đau khổ thêm mà thôi. Nếu chúng ta lưu giữ cái chết trong tâm một cách nhẹ nhàng, cởi mở, thì sự níu bám này sẽ dần dần giãn ra, để cho ta có được chánh niệm và làm những việc thiện có ích cho mình và cho người. Hiểu biết về cái chết cho chúng ta năng lượng lớn để không lãng phí cuộc sống của mình, để sống một cuộc đời hiệu quả nhất có thể được.

Hiến tặng

Thiền định có khả năng làm cho cuộc sống của bạn có ý nghĩa, lợi ích và tích cực hơn. Bằng cách này bạn sẽ có thể chết với tâm thanh tịnh. Hãy nhớ động lực bạn đã có lúc bắt đầu hành thiền và hiến tặng công đức hành thiền này cho cùng mục đích; đó là vì lợi ích của tất cả chúng sinh. ■

Nguyên tác: *The Nine-Point Meditation on Death*, Ven. Sangye Khadro.

Nguồn: <https://kadampa-center.org/sites/default/files/DeathHO5.pdf>.

Tác giả: Ni trưởng Sangye Khadro là một vị giáo thọ người Mỹ có thể danh Kathleen McDonald, từng thụ nghiệp tại Instituto Lama Tzong Khapa ở Ý, tác giả tập sách *How to Meditate*. Bài viết trên trích từ tập sách vừa nêu với một chút sửa đổi.

Thai giáo ươm mầm hạt giống Phật

HUỲNH THỊ CẨM NHUNG

Nhiều người nghĩ rằng việc “giáo dục” chỉ thật sự bắt đầu khi một cá thể đã trưởng thành. Đó là một sai lầm; bởi lẽ từ khi còn là thai nhi, trẻ đã có khả năng kỳ diệu về phát triển trí tuệ và thể chất - đây là điều mà hầu như nhiều người mẹ không hề biết đến. Chính vì vậy, “... các nhà khoa học đã khẳng định rằng thai giáo là một phương pháp hết sức hữu hiệu để tối ưu hóa khả năng tư duy của trẻ, phát triển trí não, ổn định tâm sinh lý... tạo cơ sở để tiếp tục quá trình giáo dục sau khi trẻ ra đời”¹.

Nhà tiên phong về khoa học thực dưỡng là George Ohsawa đã phát biểu: “Thể chất cơ bản của một người được hình thành trong vòng sáu năm đầu tiên. Đây là thời gian cốt yếu của con người, nhưng thời kỳ bào thai trong bụng mẹ còn quan trọng hơn gấp ngàn lần. Trong quãng thời gian 290 ngày trong bụng mẹ, từ một tế bào sơ khởi đầu tiên đã nhân lên gấp ba triệu lần (trong khi trọng lượng của chúng ta chỉ tăng 12 lần từ khi sanh ra đến 20 tuổi). Có thể thấy rõ sức khỏe và hạnh phúc của đứa trẻ tùy thuộc vào giai đoạn quan trọng có tính sống còn này”².

Chính vì tầm quan trọng đó mà vấn đề thai giáo là một vấn đề hết sức cần thiết, ảnh hưởng nhân cách, cá tính và cuộc đời một con người. Và phương pháp thai giáo theo nhà Phật lại càng có ý nghĩa hơn nữa trong xã hội ngày nay khi những tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, bạo hành trong gia đình... ngày càng tăng. Có thể khẳng định, phương pháp thai giáo theo đạo Phật chính là ươm mầm hạt giống Phật trong tâm, giúp thai nhi phát triển toàn diện, đầy đủ cả thể chất và tinh thần, trí tuệ lẫn nhân cách và trong tương lai có thể tiến xa trên lộ trình giải thoát tự thân.

1. Thai giáo theo Phật giáo

“Thai giáo theo đạo Phật” có nghĩa là giáo dục thai nhi bằng những phương pháp, giáo lý của nhà Phật để đem lại lợi ích cho bản thân và con cái về sau. Quá trình giáo dục bắt đầu ngay từ khi việc thụ thai xảy ra, khiến thai nhi được dạy dỗ, giáo dục một cách chủ động,

tích cực. Có thể nói, đầu tư giáo dục ở giai đoạn thai kỳ đúng là một vốn bốn lời: giúp phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, giúp tu dưỡng tâm tánh cho Cha Mẹ trẻ, giúp gia đình hạnh phúc hơn và góp phần vào tiến bộ xã hội.

Thời điểm ý thức xuất hiện trong bào thai

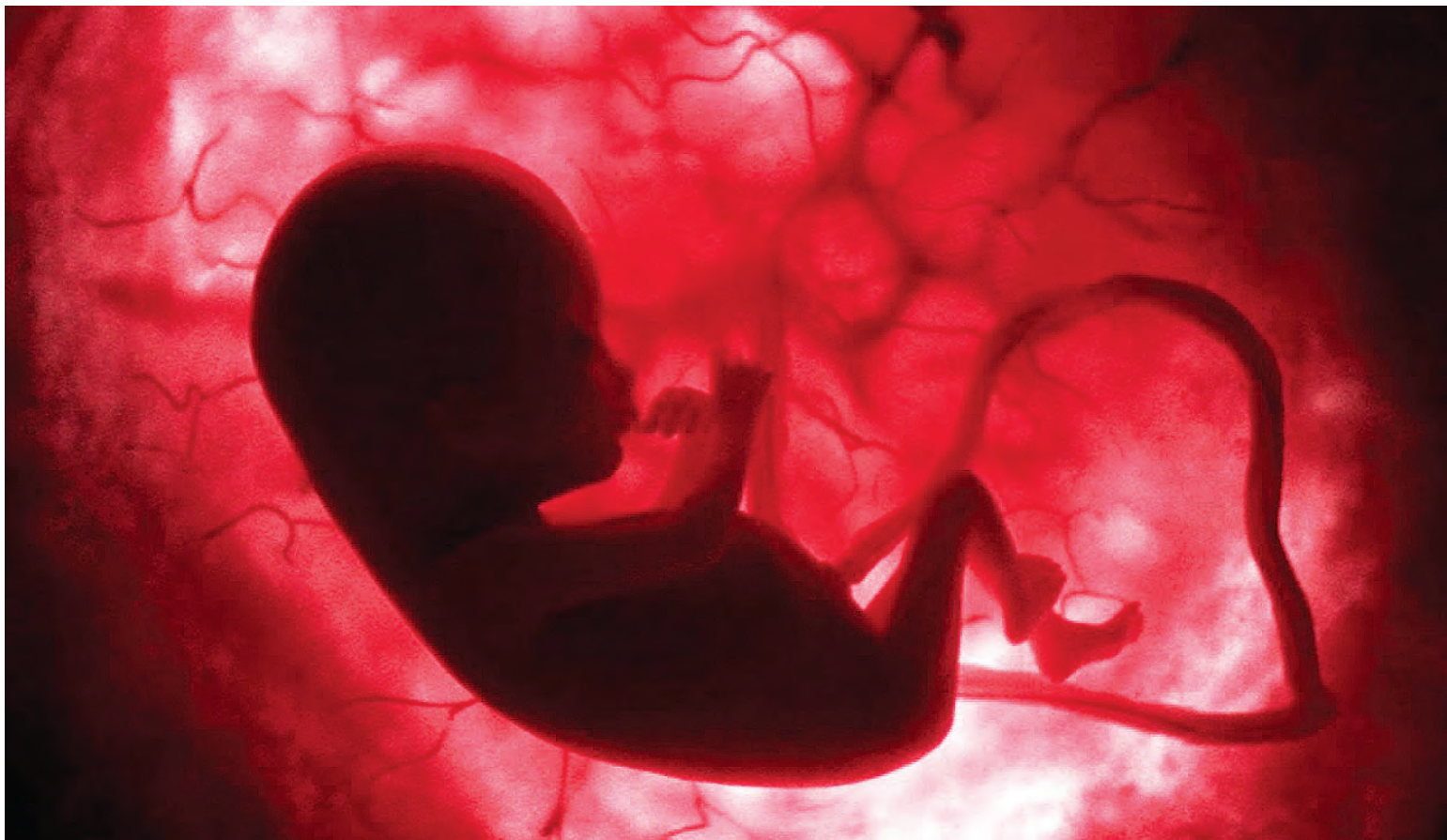
Giờ đây nhờ vào những tiến bộ của các phương tiện trợ giúp nghiên cứu trong y khoa, chúng ta có thể biết được sự phát triển của thai nhi khi còn trong bụng mẹ. Tuy nhiên, điều này đã được Đức Phật khẳng định từ hàng ngàn năm trước, khi khoa học chưa phát triển. Kinh *Trung bộ* đã nói đến có ba sự hòa hợp khiến một bào thai hình thành: “Ở đây, khi nào Cha Mẹ có giao hợp và người Mẹ trong thời kỳ có thể thụ thai, và hương ẩm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy thì bào thai mới hình thành”³. Và “Theo Phật giáo, tâm hay thức phát hiện ngay từ lúc được thọ thai, cùng một lúc với phần vật chất. Như vậy, thức vẫn hiện hữu trong bào thai”⁴.

Dagpo Rinpoche khẳng định: “Thời điểm khi xảy ra sự sinh (thụ thai) đánh dấu sự chấm dứt của thể trạng trung gian và xác định sự thâm nhập của tri thức vào phôi vừa được hình thành. Cũng bắt đầu thời điểm trên đây phôi hàm chứa tri thức mới, tượng trưng cho quả phát sanh từ nghiệp trong các kiếp trước”⁵. Những nhận định trên đều phù hợp với khoa học kỹ thuật hiện nay về sự phát triển não bộ của thai nhi: “Từ một tháng tuổi thì hệ thống thần kinh của thai nhi bắt đầu hình thành và tháng thứ hai xuất hiện lớp vỏ não, có xúc giác, biết cảm giác đau...”⁶.

Tất cả những diễn tả trên chung quy đều chứng minh được ngay từ lúc thụ thai là đã bắt đầu sự sống. Ở mỗi giai đoạn, đứa trẻ sẽ có sự phát triển khác nhau về hình dáng, nhận thức. Vì thế, tùy vào từng giai đoạn, người mẹ cần có sự giáo dục phù hợp.

Những tác động của người mẹ ảnh hưởng thai nhi

Có thể thấy từ thay đổi của cơ thể người Mẹ làm ảnh hưởng đến sự thay đổi tâm sinh lý trong thời gian mang thai. Sự thay đổi về da, về biến dưỡng, về máu, về hệ



thần kinh... nên người phụ nữ rất dễ bị xúc động, hay cáu gắt, giận hờn, buồn phiền vô cớ. Theo nghiên cứu của Bác sĩ Phan Hồng Anh- Phó Chủ tịch hội Kế hoạch hóa gia đình TP.HCM: “Tình trạng cảm xúc của người mẹ làm phóng thích các hóa chất nội tiết vào máu: ví dụ: chất endorphine (sợ hãi)... và chỉ mất vài giây sau khi người Mẹ trải qua các cảm giác ấy, các chất hóa học tương ứng sẽ đi qua lá nhau, đến thai nhi”⁷. Do vậy mà đứa trẻ trực tiếp hấp thụ những tiết chất của người mẹ dù chỉ thông qua cảm xúc.

Tình trạng của thai nhi lúc trong bụng mẹ được kinh *Trường thọ diệt tội* diễn tả như sau: “Ở giữa hai nơi, ruột non ruột già, giống như địa ngục, bị hai tầng đá, đè ép thân thể, nếu mẹ ăn nóng thì con như ở địa ngục nóng, mẹ ăn thức lạnh, như địa ngục lạnh”⁸, điều này đã được Đức Đạt-lai Lạt-ma nhắc đến trong tác phẩm *“Trái tim Phật đạo”*: “Khi cha mẹ là những người nhiệt tâm, an lạc và điềm tĩnh, nói chung con cái họ cũng sẽ phát triển những thái độ và hành vi đó”⁹. Có lẽ vì vậy theo quan điểm Phật giáo cho rằng đối với người mẹ, giáo dục con cái là một hành trình nghiêm mật, không chỉ đơn thuần là nuôi nấng, chăm bón thức ăn thức uống. Để làm được thiên chức thiêng liêng ấy, người mẹ phải vun trồng những hạt giống yêu thương trong tâm hồn mình.

2. Phương pháp thai giáo theo đạo Phật

Có thể chia làm ba giai đoạn sau:

Giai đoạn ba tháng đầu:

từ tháng đầu đến tháng thứ ba

Thời kỳ đầu mang thai, cơ thể người mẹ có nhiều thay đổi và tâm lý luôn căng thẳng, lo âu, buồn bực, và đó được xem là gánh nặng... Điều này đã được Đức Phật dạy trong kinh *Trung bộ*: “Người mẹ trong chín tháng hay mười tháng mang bào thai ấy với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Sau chín hay mười tháng, người mẹ sanh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy”¹⁰. Thật vậy, đứng về phương diện tâm sinh lý, khi mang thai, mọi sự lo lắng của người mẹ đổ dồn lên cái mầm sống đang có mặt trong cơ thể mình; người mẹ nghĩ rằng mình sẽ mệt thêm, xấu đi... từ đó tạo ra nhiều phản ứng hóc-môn. Sự xáo trộn về mặt xã hội cũng là một diễn tiến tự nhiên, vì khi thai nhi lớn dần, người mẹ bớt đi phần quan tâm đến diện mạo hay cơ thể... các mối quan hệ xã hội thưa dần... người Mẹ cảm thấy bị gò bó...

Trong lúc này, phương pháp thiền của Phật giáo sẽ giúp người mẹ làm chủ dòng cảm xúc bản thân, vượt qua tâm lý dồn nén, từ đó mang lại lợi ích cho thai nhi. Ông Matthieu Ricard đã viết trong sách *“Nghệ thuật*



Thiền định" như sau: "Các công cuộc nghiên cứu khoa học ngày càng gia tăng đã chứng minh cho thấy việc thiền định thực hiện trong một thời gian ngắn cũng có thể làm giảm xuống một cách đáng kể triệu chứng của các bệnh làm xáo trộn tâm thần gọi là stress, các bệnh lo âu, các bệnh thần kinh căng thẳng dễ nổi giận và sau hết ngăn ngừa các bệnh suy nhược thần kinh tái phát. Chỉ cần thiền định mỗi ngày ba mươi phút có thể tăng sức đề kháng của cơ thể và làm giảm huyết áp cho người có huyết áp cao..."¹¹. Do vậy, trong thời gian này người mẹ nên tập phương pháp thiền Phật giáo như quán từ bi, khởi tâm yêu thương mầm sống đang có mặt trong thân thể mình... dưới bất cứ hình thức nào như ăn, uống, tập chánh niệm, hành thiền sau khi ăn hay đi kinh hành nhẹ nhàng, chậm rãi, đếm từng bước chân...

Hơn nữa, giai đoạn ba tháng đầu người mẹ cũng nên nghe nhạc thiền Phật giáo, những điệu nhạc nhẹ nhàng du dương sẽ làm người mẹ thấy nhẹ nhàng thư thái hơn. Có thể nghe nhạc không lời và nhạc bà bầu Phật giáo giúp thai nhi phát triển trí tuệ mà hiện nay trên youtube có rất nhiều.

Giai đoạn ba tháng giữa thai kỳ: tháng thứ tư đến thứ sáu

Những tháng này thai nhi sanh ra niệm đói khát, bé có thể biết mút ngón tay, từ nơi cuống rốn thu hút chất bổ ăn uống từ người mẹ vào để tự nuôi dưỡng, biết cảm giác. Vì vậy, người mẹ có thể giáo dục thai nhi qua các phương pháp sau:

a. Thai giáo qua vị giác

Về khả năng biết nếm (vị giác) của thai nhi, khoa học nói rằng: "Sau khi hình thành được khoảng 13 tuần, các nhà khoa học nhận thấy các dấu hiệu là thai nhi đã phát triển khả năng vị giác. Còn tuần thứ 17 thì thính giác của thai nhi đã phát triển nên thai nhi đã biết cười. Lúc này bé có chiều dài khoảng 12 centimet và cân nặng khoảng 100 gam"¹². Thai nhi có thể cảm thụ vị giác mà mẹ ăn và uống vào. Vì vậy, "người Mẹ nên ăn thức ăn hợp dinh dưỡng, tốt nhất là nên ăn những loại thực phẩm có nguồn gốc thực vật như gạo lứt, đậu, rau... tránh ăn quá nhiều thịt vì đứa con sẽ béo phì, khó dạy"¹³. Và đây cũng là cách ăn chay

trong Phật giáo, không gieo mầm bất thiện trong tâm của con với chúng tử sát sanh. Tuy ăn chay nhưng vẫn đầy đủ chất dinh dưỡng cho thai nhi.

b. Thai giáo qua xúc giác

Xúc giác có vai trò rất quan trọng trong việc thiết lập các mối quan hệ. Trong giai đoạn này, thai nhi có thể tự xoay người được trong nước ối. Khi bé cử động, bề mặt da sẽ cảm nhận được sự tiếp xúc và truyền tín hiệu lên não. Do đó thai nhi có thể biết cảm giác dễ chịu, nhẹ nhàng hay quá mạnh. Vì vậy, sự tiếp xúc da thịt giữa mẹ và con thể hiện sự tin tưởng và là cầu nối cho mẹ và con. Cho nên người mẹ luôn thể hiện sự yêu thương qua sự vuốt ve, duy trì trạng thái an nhiên, thư thái như giai đoạn đầu; thêm nữa cần phải thường xuyên thực hành từ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả; phát triển lòng bao dung, không bức bối hay giữ khúc mắc trong lòng. Chính những tâm vô lượng này làm lan tỏa cảm xúc của người mẹ lên thai nhi.

Một minh chứng cụ thể qua kinh "*Hy hữu Vị tạng hữu pháp*" về việc tán thán hoàng hậu Māyā khi đang mang thai thái tử Siddhartha: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào. Mẹ Bồ-tát giữ giới một cách an nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu... Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị bệnh tật gì; bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái..."¹⁴. Từ đây đã tạo mầm móng thiện lành cho thái tử và thành bậc Chánh đẳng giác của nhân thiên.

Tác giả Thích Chúc Phú nhận định: "Với Đức Phật, làm Cha Mẹ là cả một quá trình dài. Ngay từ khi con vừa nhập thai thì Cha Mẹ phải giữ giới một cách hỷ nhiên để đứa con sanh ra được kế thừa những phẩm chất tốt lành. Theo cách nói của Đức Phật, người Mẹ khi mang thai cần phải cẩn trọng mọi bề. Thái quá hoặc bất cập trong ăn uống hay trong tâm tưởng, đều không phù hợp với một người Mẹ hoài thai. Sự cẩn trọng, quan tâm đến con cái là tư duy luôn thường trực trong suy nghĩ của một người Mẹ. Và chính quan tâm đó được đẩy lên thành một mối lo to lớn mà kinh gọi là sự lo âu lớn đối với gánh nặng và kéo dài liên tục, miễn man sau chín tháng hay mười tháng"¹⁵.

Bên cạnh việc tự làm cho bản thân luôn có tinh thần hoan hỷ với mình với người thì người mẹ cũng nên làm các việc phước lành như bố thí, phóng sanh, cúng dường... Với những công đức, phước lành có được từ những hoạt động ấy, người mẹ hồi hướng cho đứa con trong bụng, nguyện cho đứa trẻ sinh ra khỏe mạnh, sống biết thương người, có đạo nghĩa và được bén duyên với đạo Phật.

Giai đoạn ba tháng cuối thai kỳ

a. Thai giáo qua thị giác

Tứ tháng thứ bảy, người mẹ cảm thấy dễ mệt, đi lại

khó khăn, cảm giác lo lắng khi sắp sanh xuất hiện. Lúc này, “mắt bé đã mở, bé lớn nhanh và mạnh hơn để sẵn sàng chào đời”¹⁶. Y học hiện đại sử dụng siêu âm quan sát thì thấy khi chiếu ánh sáng điện chớp tắt vào vùng bụng thai phụ, nhịp tim thai nhi có sự thay đổi mạnh, thai nhi cảm thấy sợ hãi. Việc giáo dục thai nhi qua thị giác chủ yếu được thực hiện gián tiếp qua thị giác của mẹ, từ tâm trạng, ý thức của mẹ mà tác động lên thai nhi. Do vậy, người mẹ cần phải cẩn trọng, không nên xem phim ảnh có tính chất rùng rợn, bạo lực... thay vào đó người mẹ nên thường xuyên chiêm ngưỡng những hình ảnh từ bi của Đức Phật, của các vị Bồ-tát... hoặc ngắm những cảnh đẹp như các tranh ảnh miêu tả cõi Cực lạc, cảnh giới chư Thiên, đến viếng những cảnh chùa trang nghiêm có không khí trong lành mát mẻ thanh tịnh... đây là những tác động tích cực giúp lưu vào tâm thức của thai nhi những chủng tử thiện lành.

b. Thai giáo qua thính giác

Thính giác là phần phát triển trội nhất trong năm giác quan của thai nhi. Qua siêu âm, các nhà khoa học nhận thấy thai nhi biết nghe và đáp ứng mọi xung động âm thanh bắt đầu từ khoảng 16 tuần tuổi. Do vậy, cần cho thai nhi nghe nhạc Phật giáo với âm thanh du dương nhẹ nhàng, nhạc không lời... âm lượng vừa phải với thời gian từ 10 đến 30 phút. Người mẹ trong thời kỳ này nên huân tập những chủng tử cho con như nghe nhạc Thiền Phật giáo, nhạc Niệm Phật, nhạc Quan Thế Âm... để con ổn định nhịp tim và cảm thấy được nhẹ nhàng, an lạc. Hơn nữa, vì đứa con có thể nghe âm thanh nên mẹ cần đọc những câu chuyện ngụ ngôn về tình người, về lòng hiếu thảo và những hành động khi còn bé qua tích truyện Thái tử Tất-đạt-đa, các vị A-la-hán, nhân cách và lòng bi mẫn, công hạnh của Phật, của các vị Bồ-tát cho con nghe... Chính những yếu tố này sẽ tác động tích cực rất lớn lên thai nhi, đứa trẻ sẽ thừa hưởng nền tảng đó, huân tập chủng tử thiện lành, thừa hưởng và lưu vào não những gì mẹ đã tạo.

* * *

Kết luận

Nandasena Ratnapala, một nhà xã hội học, đã nhận định: “Một gia đình, dù là hạt nhân hay mở rộng đều có mối quan hệ gắn gũi với bà con, họ hàng; sự tương trợ tương kính lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình là điều hết sức cần thiết đem lại thành công cho gia đình khi tham gia vào các hoạt động xã hội”¹⁷. Chính vì mối tương quan đó mà đa phần chúng ta nghĩ giáo dục khi con người được sanh ra, có ý thức, có sự hiểu biết. Nhưng thật ra, lời Phật dạy về việc giáo dục thai nhi khi còn trong bụng mẹ đã có từ rất lâu cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm về trước thông qua cuộc đời Đức Phật Thích-ca.

Quả thật vậy, “Đạo Phật luôn đề cao chữ hiếu, xem đấng như là đức hạnh cao nhất của một con người,

nhưng Phật cũng luôn chỉ ra những điều người mẹ cần trang bị trong việc giáo dục bản thân mình và nuôi dạy con cái. Ngay từ lúc mang thai, người mẹ không chỉ trải qua những nỗi niềm hạnh phúc của sự mong đợi vì đứa con sắp chào đời mà cả sự khó khăn, nhọc nhằn thậm chí đau đớn trong chín tháng cưu mang”¹⁸. Do đó, trách nhiệm người chồng và các thành viên trong gia đình tích cực hỗ trợ cho người mẹ mang thai chứ không đơn thuần là việc sanh nở.

Tuy nhiên như đã nói ở trên, theo Phật giáo, một đứa con khi sanh ra như thế nào là chịu sự chi phối nghiệp lực và sự tác động theo hai chiều giữa mẹ và con. Và như vậy, sự giáo dục không chỉ diễn ra trong thời gian mang thai mà suốt quá trình sinh nở đến lúc trưởng thành, người mẹ cũng như các thành viên gia đình tiếp tục giáo dục con cái theo tinh thần Phật dạy với một tiến trình liên tục, không gián đoạn, từ đó mới định hướng nhân cách và cá tính của thai nhi. Do vậy, mỗi gia đình nói chung và bậc cha mẹ nói riêng hãy giáo dục con ngay từ trong bụng mẹ và áp dụng theo phương pháp đạo Phật như trên để hiến tặng cho cuộc đời một con người với nhân cách, đạo đức và trí tuệ, là vị Phật tương lai, có đóng góp lớn cho gia đình, rộng hơn là xã hội và hơn hết là cho non sông đất nước. ■

Sách tham khảo:

1. Phạm Thị Thúy (chủ biên), *Thai giáo, Phương pháp khoa học Dạy con từ trong bụng mẹ*, Trần Văn Khê cố vấn, Nguyễn Thị Ngọc Phượng hiệu đính, Nxb Phụ Nữ, 2017, [1, 2, 6, 7, 13].
2. Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung bộ*, tập 1, kinh Đoạn tận ái; tập 2, kinh Hy hữu Vị tăng hữu pháp, VNCPHVN: Nxb Tôn Giáo 2012, [3, 10, 14].
3. Narada, *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh (dịch), NXB Tôn Giáo, 2007. [4]
4. Dagpo Rinpoche, *Thế dạng Trung gian giữa Cái chết và Sự sanh*, Hoang Phong (biên dịch), Nxb Phương Đông 2011, [5].
5. Thích Thiện Thông (dịch), *Kinh Trường thọ Diệt tội*, Nxb Tôn Giáo 2012, [8].
6. Nguyên Cẩn, *Ảnh hưởng Giáo dục Phật giáo với người mẹ*, trong *Vu-lan mùa Hiếu hạnh*, Nguyệt san Giác Ngộ, PL 2553, Số 161, tháng 8-2009, [9, 18].
7. Hồng Quang, *Áp dụng lời Phật dạy vào cuộc sống*, Bộ sách Phật học Ứng dụng 5, Nxb Phương Đông 2011, [11].
8. Pháp Sơn, *Đối chiếu hình ảnh siêu âm thai nhi và mô tả trong kinh Phật*, Lâm Thị Thanh Trà - Nguyễn Thị Thanh Xuân (khoa nhi và khoa sản - Hiệu đính), [12].
9. Thích Chúc Phú, *Vài vấn đề về Phật giáo và Nhân sinh*, Nxb Hồng Đức 2013, [15].
10. Nguyễn Ngọc Thông, *Phương pháp dưỡng thai và nuôi dạy bé khỏe bé ngoan*, Nxb Đồng Nai 1997, [16].
11. Nandasena Ratnapala, *Xã hội học Phật giáo*, Thích Huệ Pháp (dịch), Nxb Hồng Đức 2012, [17].



Ứng dụng lời Phật dạy trong đạo đức kinh doanh

HOA TÂM THỦY

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đời sống vật chất của con người được nâng cao, loài người đang tiến những bước dài trên con đường phát triển, hướng đến xã hội mở. Tuy nhiên, nền kinh tế càng phát triển thì tội phạm kinh tế cũng theo đó gia tăng; tình trạng tham nhũng, lạm quyền, biến thủ công quỹ, trốn thuế... chứng tỏ phần nào đạo đức kinh doanh đã không được xem trọng và hầu như bị bỏ ngỏ. Đứng trước tình hình thực tế tại các công sở, các công ty, doanh nghiệp hiện nay, muốn giảm thiểu tội phạm kinh tế cũng như nâng cao đạo đức kinh doanh, đạo đức nghề nghiệp - đặc biệt là lãnh vực kế toán tài chính vốn chiếm một vị trí hết sức quan trọng - thì việc ứng dụng lời Phật dạy trong hoạt động tài chính kế toán có thể mang lại những kết quả khả quan.

Bộ phận kế toán trong doanh nghiệp là nơi có nhiệm vụ thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung

cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng ngày của đơn vị; sau đó tổng hợp kết quả bằng các bản báo cáo kế toán. Dựa trên các báo cáo kế toán, các nhà quản lý có thể thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, bao gồm quá trình sản xuất, diễn biến thị trường và kiểm soát nội bộ, từ đó đưa ra những đánh giá và hướng đi phù hợp cho doanh nghiệp trong tương lai. Do vậy, một bộ phận kế toán mạnh có khả năng chuyên môn cao, thu thập thông tin đầy đủ, ghi chép sổ sách rõ ràng, phân tích dữ liệu thấu đáo... sẽ giúp cho người điều hành đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả. Ngược lại, nếu kế toán tài chính không đủ trình độ, chưa nắm vững việc thu thập và xử lý thông tin, tính toán nhầm lẫn, gian lận biến thủ... sẽ khiến công ty điều đứng, thậm chí đối mặt với nhiều nguy cơ rắc rối với cơ quan pháp luật. Tuy nhiên, nếu

nhân viên kế toán chỉ giỏi nghiệp vụ mà không có đạo đức thì các báo cáo tài chính kế toán có thể bị sai lệch cố ý nhằm thủ lợi riêng, và trường hợp này còn gây tai hại cho doanh nghiệp nhiều hơn.

Từ lâu, đạo đức nghề nghiệp vẫn được coi là là chuẩn mực để đánh giá nhân cách và là thước đo của sự thành công. Mặt khác, sở dĩ con người thực hiện những hành động không có đạo đức là vì lòng tham và do không hiểu luật nhân quả. Lại nữa, trong các hệ thống đạo đức của loài người, Phật giáo đề cao việc hiểu rõ luật nhân quả và rèn luyện để xóa bỏ không chỉ lòng tham mà cả tâm thái giận dữ cũng như tình trạng không hiểu biết. Chính vì vậy, bản tiểu luận này đề nghị việc ứng dụng lời Phật dạy trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong lãnh vực kế toán, để nâng cao hiệu quả công việc. Dưới đây là những nội dung Phật học cần được áp dụng vào nghiệp vụ kế toán trong mọi hoạt động kinh doanh.

Thấu hiểu luật nhân quả để tránh tạo nghiệp ác

Theo quan điểm nhà Phật, một người làm việc bất thiện là do tham, sân, si, ích kỷ, chỉ biết sống cho mình. Nếu một người tin sâu, hiểu rõ luật nhân quả, thì sẽ biết rằng dù pháp luật có trừng phạt những tội lỗi mà mình gây ra hay không thì mình cũng phải chịu sự chi phối của luật nhân quả. Khi thẩm nhuần Phật pháp, con người sẽ không đợi mình gây nên tội lỗi mới biết sợ; thay vào đó, họ sẽ luôn tu sửa từng ngày, biết kính trên nhường dưới, biết làm con ngoan trong gia đình và làm một công dân tốt ngoài xã hội. Chính vì không thông suốt luật nhân quả mà người ta tự gây cho mình và xã hội những đau thương khổ lụy rồi lại đổ thừa cho trời đất hoặc gán tội cho tha nhân hay những điều kiện khách quan bên ngoài. Do vậy, người hoạt động trong lãnh vực kinh doanh phải luôn thận trọng, giữ gìn mọi hành vi và ý nghĩ của mình để không làm tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp, địa vị, danh giá, hạnh phúc, tánh mạng của người khác; hơn nữa, luôn biết tôn trọng mọi quy chế nghề nghiệp của mình, hành động có lợi cho mình, cho người.

Đặc biệt, người nhân viên kế toán cần phải thấu hiểu luật nhân quả hơn bao giờ hết; bởi nếu kế toán có ý gian lận hay biển thủ tài sản thì sẽ tìm mọi cách "làm khống giấy tờ" chứng minh cho hành động không đúng đó mà người khác khó phát hiện. Kế toán có nhiều cách "lách luật", nhiều cách "bỏ túi riêng", làm thiệt hại cho công ty nếu như người đó am hiểu nghiệp vụ, am hiểu các chính sách thuế của nhà nước và thông đồng với bộ phận khác. Chỉ cần trước khi biển thủ số tiền dù nhỏ cũng phải suy nghĩ kỹ, rằng hành động này sẽ khiến ta có thói quen ăn cắp, mà đã có tính ăn cắp vật thì sẽ ăn cắp lớn, rồi từ từ bị lún sâu vào con đường ác, tạo ác nghiệp... bởi "*Gieo suy nghĩ, gặt hành động. Gieo hành động, gặt thói quen. Gieo thói quen, gặt tính cách.*"

Gieo tính cách, gặt số phận". Vì vậy, phải thấu hiểu luật nhân quả thì mới có thể ý thức được hành vi của mình trước khi quá muộn.

Biết áp dụng giáo lý Bát Chánh đạo vào công việc

Con đường mà Đức Phật dạy đưa đến Niết-bàn an vui vĩnh viễn chính là con đường Bát Chánh đạo gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Bát chánh đạo là con đường duy nhất mà không còn con đường nào khác có thể đưa một con người đến giải thoát khỏi khổ đau của sanh già bệnh chết và luân hồi khổ não. Con đường này nếu nói rộng ra theo Phật giáo Phát triển gồm 37 phẩm trợ đạo, nói theo Phật giáo Nam truyền là Bát Chánh đạo, còn nếu nói gom nhỏ lại nữa là Tam vô lậu học Giới - Định - Tuệ. Chánh kiến đối với người hành nghề tài chính kế toán được hiểu là người phải biết nói không với gian lận, biết nói không với "chứng từ khống", "chứng từ giả", biết nói không với tiền không phải của mình, thấy được sự sai phạm trong hành vi ác của mình hoặc của người khác mà ngăn chặn kịp thời... Chánh tư duy là suy nghĩ chân chánh, không có ý làm hại ai, không dính mắc với hành động thông đồng rút tiền của công ty hay hành động đổ lỗi cho người khác... Chánh ngữ là nói điều đúng sự thật, công bố thông tin tài chánh đúng sự thật, không bịa đặt, không nói dối; thay vào đó biết nói lời có văn hóa trong ứng xử với đồng nghiệp và khách hàng... Chánh nghiệp là hành động đúng, hành động theo lẽ phải, không làm tổn hại đến tài sản, danh dự, địa vị của người khác... Chánh mạng là sống một cách chân chính với nghề nghiệp lương thiện, không xảo quyệt, không bóc lột, không xâm hại đến lợi ích của người khác, sống bằng khả năng, tài năng của mình, không lừa phỉnh dối gạt người. Chánh mạng cũng cần thiết bởi sống tà mạng thì chỉ có tà tư duy và tà kiến, bởi nó dựa trên lòng tham, sân, si mà ra. Chánh tinh tấn là yếu tố cần thiết cho người kế toán tài chính bởi nếu không nỗ lực làm việc thì sẽ không kịp tiến độ báo cáo cho cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm, thống kê, chứng khoán... Chánh niệm là chuyên chú vào công việc, kế toán là người tiếp xúc với các con số rất lớn, nếu thất niệm thì dễ dàng nhập liệu sai và kéo theo các hệ lụy sai sót khác. Chánh định được hiểu là tập trung vào công việc, không buông lung, giải quyết việc nào ra việc đó, không được giải quyết việc giữa chừng rồi đẩy việc sang người khác...

Gới - Định - Tuệ áp dụng trong nghề tài chính kế toán được hiểu như sau: Giới được hiểu là sự liêm khiết, minh bạch trong thông tin chứng từ kế toán của một người làm kế toán. Giới còn là lời nói đúng sự thật, không kê khai khống, không biển thủ của công làm lợi riêng; không nói lời uẩn ngữ làm đẹp lòng người khác với mục đích xu nịnh; cũng không nói lời lăng mạ, chà đạp kẻ khác để thỏa mãn tính tự kiêu, tự mãn, không hạch sách, làm khó khi ai đó lỡ nói lời không hay với



mình... Định trong kế toán tài chính được hiểu là tinh tấn, cần mẫn trong công việc, giải quyết rốt ráo nghiệp vụ phát sinh với tính chuẩn xác cao. Cho nên, để tâm an định, nhu nhuyễn, không căng thẳng thì công việc kế toán mới hiệu quả và giải quyết nhanh. Định là yếu tố cần thiết của một người hành nghề kế toán tài chính. Còn Tuệ trong tài chính kế toán được hiểu là người am hiểu nghiệp vụ, hiểu biết các chính sách chế độ của nhà nước để áp dụng đúng. Có Định sẽ phát sinh Tuệ, ý nghĩa giống như kế toán có làm nhiều sẽ quen tay, không sai sót, có nghiên cứu tài liệu sẽ thông suốt các chế độ, có học hỏi đồng nghiệp mới có thăng tiến trong nghề...

Phải có tâm có tầm

Người có tâm tức là người có đạo đức, có tâm tức là người có trí tuệ, có tầm nhìn xa. Để một người có tâm thì Phật dạy người Phật tử tại gia phải giữ năm điều giới và thực hiện mười điều thiện lành. Phẩm chất đạo đức càng được tăng thêm nếu cố gắng thực hành mười ba-la-mật (theo Phật giáo Nam truyền gồm bố thí, trì giới, xuất gia, tinh tấn, trí tuệ, nhẫn nhục, quyết định, từ, xả) hoặc sáu ba-la-mật (theo Phật giáo Bắc truyền

gồm bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ³). Người có tâm tức người có trí tuệ, có tầm nhìn xa, ý thức được việc làm nào đó sẽ phước hại đến công ty hoặc sẽ có nguy cơ vi phạm pháp luật. Người có tâm sẽ tư vấn cho lãnh đạo công ty không làm việc xấu nào đó, khuyên bảo hay khuyến cáo hoặc tìm cách chứng minh việc ấy là sai, suy nghĩ ấy là sai bằng các văn bản luật, các điều lệ, các quy chế... để người khác không phạm sai lầm mà hối tiếc.

Phải có tâm quý

Tâm là mắc cỡ, xấu hổ trước mặt mọi người về việc làm sai trái của mình. Quý là tự mình cảm thấy xấu hổ về việc làm sai trái của mình đã gây ra mặc dù không ai thấy biết. Đức tính này đã được Đức Phật dạy trong kinh *Tăng nhất A-hàm*: “*Có hai pháp tinh diệu thủ hộ thế gian. Thế nào là hai pháp? Có tâm, có quý. Nay các Tỷ-kheo, nếu không có hai pháp này, thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ...*”.

Thực vậy, nguồn gốc sâu xa của mọi tệ nạn xã hội là do con người đã đánh mất đức tính tâm quý, tức là không còn biết hổ thẹn đối với hành vi sai lầm của mình,

và một khi con người không còn biết hổ thẹn thì có thể làm bất cứ điều ác nào. Một người làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính phải biết hổ thẹn trước hành vi sai trái của mình dù cho đó là lời nói đùa, bởi thông tin không đúng sự thật do mình nói ra sẽ ảnh hưởng đến uy tín công ty cũng như niềm tin của người lao động trong công ty. Cụ thể, thay vì công ty làm ăn có lãi, ta nói kết quả kinh doanh của công ty năm nay lỗ hoặc giảm so với năm trước. Lời nói ấy có thể vô tình làm cho cổ phiếu của công ty xuống giá và sẽ tạo cơ hội cho người khác thâu tóm cổ phiếu kiếm lời. Điều này gây hại cho công ty cũng như làm giảm niềm tin và để lại nỗi buồn cho biết bao người lao động, họ hy vọng làm ăn có lãi để được tăng lương và thưởng... Người không có tâm quý sẽ không biết tự sửa mình, cứ nghĩ mình tốt, mình giỏi... sẽ trở nên bảo thủ, không biết gạn lọc, cân nhắc, sửa đổi thân khẩu ý của mình thì sẽ không được người khác tôn trọng, không nhận được chia sẻ cảm thông từ người khác. Cho nên, người làm công tác kế toán phải cố gắng gìn giữ đức tính này, vì nó là vũ khí sắc bén nhất để ngăn chặn mọi hành vi sai lầm, đồng thời nó cũng là thứ trang phục đẹp nhất trong mọi thứ trang phục.

Phải có văn - tư - tu

"Văn" tức học hỏi giáo lý; "tư" là suy nghĩ thấu đáo nghĩa lý của kinh văn; và "tu" là thực hành áp dụng điều đã được suy nghĩ thấu đáo đó vào đời sống. Nếu một người chỉ có "văn" mà không có "tư" tức không suy nghĩ thấu đáo nghĩa lý ấy cũng dễ rơi vào mê tín, hiểu sai lệch ý nghĩa giáo điển của Phật, còn nếu có "văn" có "tư" mà không có "tu" tức không có sự thực hành thì không thể hiểu sâu và chứng nghiệm lời Phật dạy là đúng. Cũng vậy, người làm tài chính kế toán cần phải có văn, tư, tu tức phải học hỏi kinh nghiệm người đi trước, học bổ sung các chính sách thuế của Bộ Tài chính thay đổi nhằm cập nhật kiến thức kịp thời, đó chính là "văn", nếu chính sách thuế không rõ ràng, khó hiểu, đánh đố... thì phải hỏi các cơ quan thuế để được hướng dẫn, đó tức là "tư". Còn thực tập áp dụng vào làm mới nhớ và hướng dẫn người khác làm cho đúng, không nên ngồi "chỉ tay năm ngón" đến khi có chuyện thì không biết làm, đây chính là "tu".

Biết áp dụng thiền định vào cuộc sống hàng ngày

Người làm công tác kế toán tài chính thường xuyên đối mặt với các con số, lại ít giao dịch tiếp khách với nhiều đối tượng khách hàng như phòng kinh doanh hay phòng đối ngoại... do đó thường cáu gắt và ít hoan hỷ, lại phải bị áp lực thường xuyên về thời gian báo cáo, áp lực về độ chính xác của con số, áp lực về quản lý thu chi tài chính... kế toán tài chính là nghề dễ bị stress nhất trong các phòng ban của công ty. Chính vì vậy mà việc áp dụng thiền định vào cuộc sống sẽ giúp người làm công tác kế toán giải quyết vấn đề này. Để hiểu tầm

quan trọng của thiền, ta có thể trích dẫn lời dạy thường xuyên của Đức Phật mà Ngài vẫn nhắc đi nhắc lại cho các đệ tử: *"Dầu sống một trăm năm; Ác giới, không thiền định; Tốt hơn sống một ngày; Trì giới, tu thiền định"*.

Người hoạt động trong ngành kế toán nên dành ít nhất 30 phút vào mỗi buổi sáng, ngồi thiền định để lắng tâm, quay về với chính mình để quán sát, dọn dẹp tâm, loại bỏ cái tâm nhiễm ô, vọng động, lao xao lo nghĩ về công việc, về cha mẹ, anh em... ra khỏi đầu cho tâm rảnh rang, thư thái, giúp mình có một ngày mới với sự định tĩnh sáng suốt trong mọi tình huống. Tất cả chúng ta đều đang sống với tâm và bằng tâm, tùy theo chất lượng của tâm mà chúng ta có đời sống như thế nào. Nếu tâm nặng nề, hạn hẹp, ô nhiễm thì cuộc đời của chúng ta hằn ở những cấp độ thấp, nhiều khổ đau, còn với tâm nhẹ nhàng, rộng lớn, trong sáng thì cuộc đời của chúng ta ở những cấp độ cao, nhiều hạnh phúc. Thế nên, ta phải hiểu biết, kinh nghiệm tâm ở những chiều cao rộng nhất của nó, đó chính là mục đích thật sự của đời người.

Tóm lại, vài lời Phật dạy nêu trên chỉ là đơn cử trong vô vàn giáo lý mà Người đã để lại, giúp ta ứng dụng vào cuộc sống để hoàn thiện mình hơn. Mỗi một người hoạt động trong lãnh vực kế toán tài chính đều có thể áp dụng lời Phật dạy giúp ta hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ trong nghề nghiệp của mình, giúp chuyển hóa tâm tư, thay đổi suy nghĩ để sống tích cực hơn, an lạc hơn, để cuộc sống này vui tươi hơn, đáng sống hơn.

Mỗi một người hành nghề tài chính kế toán đều có thể nâng cao bổn phận và trách nhiệm của mình, tự trang nghiêm lấy mình tức tự mình thanh cao trong sạch; từ đó lan tỏa những hạnh lành đến những người xung quanh để những tệ nạn, những tội phạm kinh tế giảm đi, đó cũng là giúp giảm gánh nặng cho đất nước. Kinh Phật có dạy: *"Hương các loại hoa thơm; Không ngược bay chiều gió; Nhưng hương người đức hạnh; Ngược gió khắp tung bay"*. Vì vậy, ta cần thận trọng thân, khẩu, ý của mình để có thể có chút đóng góp nhỏ nhoi nào đó trong việc làm cho cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn. ■

Tài liệu tham khảo:

1. HT.Thích Minh Châu dịch, kinh *Trung bộ 2*, Đại Kinh Sakuludāyī, số 77, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội 2012, tr.39.
2. Hòa thượng Thích Thiện Hoa, *Phật học Phổ thông*, quyển 1, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội 2011.
3. Tiểu tạng Thanh Văn-Dịch Việt: Thích Đức Thắng-Hiệu chính và chú thích: Tuệ Sỹ, *Kinh Tăng nhất A-hàm*, Tập I, phẩm Tâm Quý, Nxb Phương Đông, TP.HCM 2011, tr.265.
4. Tỳ-kheo Thích Minh Châu dịch, *Kinh Pháp cú*, Phẩm Ngàn, số 110, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội 2000, tr.35.
5. Tỳ-kheo Thích Minh Châu dịch, *Kinh Pháp Cú*, Phẩm Hoa, số 54, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2000, tr.20.



Phát huy sự nhận định

UPASIKA KEE NANAYON
HOANG PHONG dịch

Thật hết sức quan trọng là chúng ta phải bàn bạc với nhau về việc luyện tập tâm thức tuần tự theo từng bước một, bởi vì tâm thức mình biết đủ mọi cách lắt léo để tự lừa dối nó. Nếu thiếu cảnh giác, không kịp thời nhận biết được những sự lừa lọc đó, thì quả hết sức khó cho các bạn tránh khỏi cái bẫy do chúng giăng ra, dù cho các bạn luôn giữ được tâm thức mình thật tỉnh giác đi nữa. Các bạn cần phải cố gắng thật nhiều hầu giúp mình thường xuyên hướng sự chú tâm vào những thứ lắt léo ấy. Sự tỉnh giác đơn thuần không đủ sức làm hiện lên sự hiểu biết đích thật: khá lắm là nó chỉ có thể mang lại cho các bạn một chút bảo vệ nào đó trước các tác động dồn dập gây ra bởi các sự tiếp xúc của giác cảm. Nếu các bạn không phát huy được một sự suy tư sâu sắc thì tâm thức sẽ không sao có đủ khả năng làm hiện lên bên trong nó bất cứ một sự hiểu biết nào.

Đấy chính là lý do tại sao các bạn phải luyện tập giúp mình luôn tỉnh thức [present/aware] trước những gì xảy ra chung quanh mình. Do đó, mỗi khi các bạn hiểu được một thứ gì đó đúng thật với chính nó, thì khi đó các bạn cũng sẽ hiểu rằng chỉ còn cách là buông bỏ nó, buông bỏ nó thế thôi. Bước đầu tiên, chuyện đó cũng chỉ có nghĩa là tâm thức không để cho một ý nghĩ đại đột hay vô ích nào dấy lên. Tâm thức chỉ cần đơn giản dừng lại để quan sát, hầu giúp nó ý thức được về chính nó một cách minh bạch và thường xuyên. Tuy nhiên,

nếu các bạn bắt buộc phải suy nghĩ về một chuyện gì đó, thì hãy hướng sự suy nghĩ ấy vào các chủ đề vô thường (phù du, bất định), bất toại nguyện (khổ đau) và vô thực thể (ảo giác). Thật hết sức quan trọng là chỉ để cho tâm thức nêu lên những gì liên quan duy nhất đến các thể loại chủ đề trên đây, nếu cách suy nghĩ và các dòng chữ do tâm thức viết ra mang tính cách đúng đắn thì các bạn cũng sẽ trông thấy mọi sự vật một cách đúng đắn. Nếu các bạn hướng theo chiều ngược lại, thì tư duy các bạn sẽ rơi vào sự sai lầm, và cũng có nghĩa là các bạn trông thấy mọi sự vật một cách sai lầm. Đấy là cách mà tâm thức bị che lấp bởi chính nó.

Trái lại, mỗi khi tư duy và các thứ nhãn hiệu (các dòng chữ, tiếng nói) hiện lên trong tâm thức và nếu các bạn biết tập trung sự chú tâm của mình hầu quan sát chúng, thì các bạn sẽ nhận thấy ngay chúng chỉ là các sự cảm nhận - tức là các giác cảm hay cảm tính - hiện ra và tan biến đi, và chúng cũng chỉ là những thứ gì đó luôn ở trong tình trạng biến đổi, phù du và ảo giác. Nếu không chăm chú quan sát chúng và tập trung tất cả sự chú tâm của mình vào chúng thì các bạn sẽ rơi vào cái bẫy do các tư duy giăng ra. Nói một cách khác, tâm thức sẽ làm dấy lên các kỷ niệm của quá khứ và gây cho mình mọi chuyện khó khăn liên hệ với quá khứ; thế nhưng nếu ý thức kịp thời những gì đang xảy ra, thì các bạn cũng sẽ hiểu rằng những thứ ấy cũng chỉ là ảo giác. Chẳng có gì là thật một cách tuyệt đối bên

trong các tư duy ấy cả. Điều này cũng đúng đối với các sự diễn đạt - thích thú hay khó chịu - mà tâm thức tạo ra mỗi khi có sự tiếp xúc của các cơ quan giác cảm đối với các đối tượng của chúng: nếu quan sát thật cẩn thận và thật chú tâm thì các bạn sẽ thấy ngay rằng chúng chỉ mang tính cách lừa đảo. Bên trong chúng chẳng có gì là thật cả. Thế nhưng vô minh và sự hiểu biết sai lầm thì lại cứ bám vào chúng khiến cho tâm thức cứ thế mà chạy quanh; nói một cách khác là khiến cho tâm thức chẳng còn hiểu đầu đuôi gì nữa cả. Nó không hiểu được tại sao các thứ ấy lại hiện ra, hiện hữu được một lúc, rồi biến mất đi, khiến nó chỉ biết ra sức nắm bắt các thứ ấy, để rồi không ngừng bị chúng lừa phỉnh. Nếu không biết dừng lại để quan sát mọi sự vật thật cẩn thận bằng cách tập trung tất cả sự chú tâm của mình, thì các bạn sẽ không sao có thể quán thấy được sự thật bên trong tất cả các hiện tượng đó.

Thế nhưng nếu tâm thức duy trì được một thể dạng thăng bằng, hoặc dừng lại trong tư thế đó để quan sát và tìm hiểu sự vận hành của chính nó, thì nó sẽ quán nhận được các thứ ấy thật sự là gì. Khi tâm thức đã quán thấy được chúng một cách minh bạch, thì tự động nó có thể buông bỏ chúng một cách dễ dàng, không một chút thương tiếc. Đây chính là sự hiểu biết phát sinh từ sự chú tâm đích thật và sự nhận định; có nghĩa là tâm thức đã hiểu biết và buông bỏ, nó không còn nắm bắt bất cứ một thứ gì. Dù cho bất cứ điều gì xảy đến - tốt hay xấu, thích thú hay đớn đau - nhưng một khi tâm thức đã đạt được sự hiểu biết đó, thì nó sẽ không nắm bắt bất cứ điều gì nữa cả. Khi tâm thức không còn bám víu vào bất cứ gì, thì cũng sẽ không còn xảy ra một sự căng thẳng hay khổ đau nào nữa. Phải ghi khắc trong tâm điều này: khi nào không còn nắm bắt trong tâm bất cứ gì thì tâm thức sẽ giữ được thể dạng "bình thường" của nó, tức là trống không, không xao động, thanh thản và im lặng. Thế nhưng nếu tâm thức không hiểu được chính nó, không nhận biết được cách thức mà nó phải làm, thì nó sẽ bị đánh lừa bởi các sự bám víu và thèm khát của chính nó - tức không hiểu được tại sao các thể dạng tâm thần lại dấy lên và tan biến, và tại sao nó lại bám víu và các đối tượng tâm thần của chính nó - thì sẽ khiến nó mất hết định hướng trước vô số những gì mà nó đang còn bám víu.

Thật vậy, không có gì khó hơn là việc canh chừng tâm thức, chẳng qua vì nó rất sở trường trong việc làm dấy lên những ý nghĩ và quan điểm sai lầm. Đây cũng là những gì ngăn chặn không cho tâm thức tự tìm hiểu được nó. Thế nhưng, nhờ giáo huấn của Đức Phật, chúng ta có thể lột trần được sự vận hành của tâm thức, hiểu biết được tri thức với tất cả chiều sâu và những sự khúc mắc của nó, và khi nào đã nhận biết được chúng một cách thật sâu sắc, thì khi đó các bạn cũng sẽ nhận thấy chúng chỉ là rỗng tuếch, hoàn toàn không mang một ý nghĩa nào cả.

Đây là tánh Không hiện ra thật minh bạch trên dòng tri thức. Dù nó có sâu kín đến đâu đi nữa, nhưng nếu biết quay nhìn vào nội tâm mình với tất cả sự tĩnh lặng và bình thản, thì chúng ta cũng sẽ chọc thủng được sự sâu kín đó của nó. Tâm thức chỉ cần dừng lại để quan sát và tìm hiểu những gì bên trong nó. Tâm thức khi đó sẽ không còn để tâm đến các sự tiếp xúc giác cảm - các đối tượng thị giác, thính giác, vị giác... - bởi vì tất cả sự chú tâm của nó đã được hướng vào thể dạng tri thức tinh khiết và đơn sơ để tìm hiểu những gì đang hiện ra bên trong nó, và nó thì tạo ra các khó khăn (khổ đau) như thế nào. Các giác cảm, tư duy và các dòng chữ nói lên sự thích thú, đớn đau... tất cả cũng chỉ là các hiện tượng thiên nhiên, và ngay vào lúc vừa nhận được chúng thì chúng cũng đã bắt đầu biến đổi khác đi - quả chúng hết sức là tinh tế. Nếu xem chúng là quan trọng, liên hệ đến cảnh huống này hay cảnh huống khác, thì nhất định các bạn sẽ không sao hiểu được bản chất đích thực của chúng là gì. Nếu càng gán cho chúng một ý nghĩa phức tạp, thì các bạn càng bị lạc hướng xa hơn - có nghĩa là rơi vòng luẩn quẩn của sự tái sinh.

Chu kỳ tái sinh và quá trình hình thành tư duy cũng chỉ là một thứ. Do đó chúng ta tiếp tục chạy quanh bất tận, không phải chỉ là bên trong một thể dạng tạo dựng tâm thần (formation mentale hay thought formation) duy nhất, mà là trùng trùng điệp điệp các thể dạng tạo dựng tâm thần khác nhau. Sự quán thấy có thể giúp mình hiểu được con tim và tâm thức mình không sao có thể phát hiện được, bởi vì nó bị vướng mắc và quay tròn bên trong cơn lốc của những thứ tạo dựng tâm thần, nó chỉ biết tìm cách gán một ý nghĩa nào đó cho chúng để mà nắm bắt chúng thế thôi. Nếu nó cho rằng ý nghĩa của các sự tạo dựng tâm thần nào đó là tốt thì nó sẽ bám víu vào chúng và cho rằng đấy là các tư duy tốt; nếu nó quyết định đấy là những gì đau đớn thì nó cũng cứ bám víu vào đấy và xem đấy là các tư duy đau đớn. Chính vì thế nên tâm thức lúc nào cũng vướng vào vòng xoay vần của sự tái sinh, tức là chu kỳ tiếp nối của tư duy.

Nếu muốn trông thấy các điều này thật minh bạch thì phải cố gắng dừng lại và quan sát, dừng lại để hiểu biết mọi sự vật đứng đắn hơn, chính xác hơn. Đồng thời cũng phải tận dụng khả năng quan sát của mình. Đó là cách giúp các bạn đọc được các dòng chữ bên trong tri thức mình theo một đường hướng nhất định. Nếu chỉ biết nắm bắt các thứ khó khăn bùng lên từ tư duy và các dòng chữ, thì chúng sẽ khiến các bạn xoay vần bất tận với chúng. Do đó các bạn phải dừng lại để quan sát, dừng lại để ý thức thật minh bạch những gì đang là như thế, bằng cách tập trung thật mạnh vào tri thức đang đứng ra chi phối tất cả mọi thứ. Đây là cách giúp cho sự hiểu biết trở nên đứng đắn và ngay thẳng.

Cuối cùng các bạn sẽ thấy rằng chẳng có một thứ gì



cả, tất cả cũng chỉ là những hiện tượng, hiện ra và tan biến trong từng khoảnh khắc một giữa sự trống không. Nếu không có sự bám víu nào thì cũng sẽ không xảy ra một vấn đề khó khăn nào. Chỉ toàn là những hiện tượng thiên nhiên hiện ra và biến mất. Chỉ vì chúng ta không nhìn vào các thứ ấy đơn giản như là các hiện tượng thiên nhiên, nên chúng ta cho rằng chúng là thật và cứ thế mà bám vào chúng và xem chúng như là “cái tôi” của mình, hoặc là những thứ tốt đẹp hay xấu xa, hoặc những thứ phức tạp khác. Cách nhìn sai lầm đó sẽ khiến chúng ta rơi vào vòng xoay vẫn bất tận - khiến mình chẳng còn biết đầu đuôi gì nữa, và cũng không biết là mình phải làm thế nào để mà ra thoát. Một khi không còn hiểu được gì cả, thì cũng chẳng khác gì như đi lạc trong rừng, luẩn quẩn loay quanh, chẳng biết phải làm thế nào để tìm thấy lối ra.

Thế nhưng thật ra những gì phải buông bỏ đang sờ sờ trước mặt mình: tức là nơi mà tâm thức đang tạo ra tư duy, dán cho chúng các nhãn hiệu giúp chúng mang một ý nghĩa nào đó, đồng thời cũng khiến tâm thức mình quên mất rằng những thứ ấy cũng chỉ là các hiện tượng thiên nhiên, hiện ra và biến mất một cách thật đơn sơ và giản dị. Nếu các bạn biết đơn giản dừng lại và quan sát, không cần tìm hiểu, suy tư hay tưởng tượng gì cả - chỉ đơn giản quan sát quá trình vận hành của những thứ ấy từ bên trong tâm thức mình - thì sẽ không có vấn đề khó khăn nào xảy ra cả. Đây cũng chỉ đơn giản là những gì thuộc vào khoảnh khắc của hiện thực: hiện ra, tồn tại và tan biến rồi lại hiện ra, tồn tại và tan biến... Chẳng có gì khác thường trong đó cả, chỉ cần dừng lại và quan sát, các bạn phải dừng lại và quan sát những gì đang xảy ra với mình trong từng khoảnh khắc một. Không nên để cho sự chú tâm của mình bị thất thoát và hướng vào các mối bận tâm bên ngoài, mà hãy tập trung sự chú tâm vào bên trong hầu giúp nó tìm hiểu được chính nó một cách minh bạch hơn, đây cũng là cách giúp nó nhận thấy chẳng có gì đáng để mà nắm bắt cả. Tất cả cũng chỉ là các thứ bấy liên tục giăng ra để đánh lừa nó mà thôi.

Hiểu được điều trên đây thật hết sức hữu ích hầu giúp các bạn quán thấy được sự thật bên trong chính mình. Các bạn sẽ thấy rằng tri thức trống rỗng về “cái tôi” và hoàn toàn vô thực thể. Mỗi khi nhìn vào các hiện tượng vật lý bên ngoài, thì các bạn sẽ thấy rằng chúng cũng chỉ là các thành phần trống không về cái “ngã”. Cũng vậy, bên trong tâm thức các bạn cũng sẽ thấy rằng các hiện tượng tâm thần cũng trống không về cái “ngã”, và cũng chỉ là các thành phần cấu hợp của tri thức. Và các bạn cũng sẽ thấy rằng nếu không bám víu vào các hiện tượng vật lý và tâm thần ấy, và không nắm bắt chúng và xem đấy là “chính mình” thì sẽ không có một sự căng thẳng hay khổ đau nào xảy ra.

Vi thế, ngay cả trường hợp khi tư duy ngự trị trong tâm thức, thì cũng cứ đơn giản quan sát chúng, thân nhiên để chúng trôi qua và các chu kỳ hiện ra và biến mất của chúng cũng sẽ chậm lại. Dần dần, các sự tạo dựng tâm thần cũng giảm xuống. Dù rằng tâm thức không thể hoàn toàn dừng lại, thế nhưng nó cũng dần dần ít tác tạo ra tư duy hơn. Nhờ đó các bạn có thể dừng lại và quan sát, dừng lại để hiểu biết các hiện tượng tâm thần càng lúc càng minh bạch hơn. Và cũng nhờ đó các bạn cũng sẽ khám phá ra những thứ bấy do các tạo tác tâm thần giương ra để đánh lừa các bạn, đó là các thứ nhãn hiệu trong tâm thức, các sự thích thú và đón đầu... Các bạn cũng sẽ hiểu được rằng bên trong các thứ ấy chỉ là trống không - và nguyên nhân khiến mình bị đánh lừa và bám víu vào các thứ ấy chính là vô minh - và đồng thời cũng nhận thấy được đây chính là cách mà mình tự làm cho mình phải khổ đau từ bên trong thể dạng vô minh của chính mình.

Vậy các bạn hãy tập trung vào một điểm thật chính xác, vào một thứ duy nhất nào đó. Nếu tập trung vào nhiều thứ một lúc thì sẽ không mang lại hiệu quả nào. Giữ cho sự chú tâm thật vững vàng: có nghĩa là dừng lại, ý thức được những gì đang là như thế, và nhìn vào đó. Không nên để cho sự chú tâm phân tán chạy theo tư duy và các dòng chữ. Nếu muốn làm được như thế thì phải cố gắng giữ sự tập trung, thế nhưng không phải chỉ là sự tập trung vào thể dạng bình lặng trong tâm thức, mà phải tập trung vào sự quán thấy sâu xa về mọi sự vật (vipassana). Các bạn hãy tập trung vào sự quán thấy sâu xa. Hãy quay nhìn vào bên trong nội tâm để phát huy một sự quán thấy thật sâu, hầu giúp mình biết buông bỏ. Tâm thức nhờ đó sẽ trở nên trống không, phù hợp với bản chất tự nhiên của nó, và các bạn cũng chỉ có thể cảm nhận được điều đó từ bên trong nội tâm của các bạn mà thôi. ■

Nguyên tác: *Reading the Mind*, Upasika Kee Nanayon.

Tác giả: Nữ cư sĩ Kee Nanayon (1901-1978) là một Phật tử người Thái gốc Hoa, thụ pháp với ngài Buddhadasa Bhikkhu, một trong những vị Tỷ-kheo hành trì theo truyền thống tu trong rừng Thái Lan.

Sự độc đáo ẩn sau cái chết

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong quá trình tìm kiếm người thân bị thất lạc ở thế giới bên kia, ta bắt gặp một nỗi tuyệt vọng. Điều đó phản ánh giá trị vĩnh hằng của sự sống đạt đến tinh thần bình đẳng tuyệt đối bởi cái chết. Chết sớm muộn sẽ đến với tất cả sự sống. Chết là hiện tượng phổ biến trong mọi sinh thể. Nhờ có cái chết mà sự sống mới trở thành cuộc sống. Thông qua sự chết, ta bắt gặp thuộc tính độc nhất vô nhị ở mỗi cá thể. Và ta chỉ có thể phác họa hình bóng ai đó đã ra đi trong ký ức để tưởng nhớ, ẩn sau đó là sự tịch vắng muôn đời.

Có nhiều người chẳng hề gây ấn tượng gì suốt một cuộc đời, nhưng ngày nào đó họ vội vã ra đi ta bỗng cảm thấy trống vắng, tiếc nuối... Đó là cảm giác hụt hẫng đền bù cho sự mất mát, đồng thời thể hiện giá trị trân quý có một không hai ở mỗi cá nhân. Ta không thể tìm kiếm ai khác thay thế, cũng không thể tìm thấy một người đã chết ở bất kỳ nơi đâu. Quá khứ một đi không bao giờ trở lại. Đó là sự khó khăn cho những ai trót lầm lỡ nhau trên chuyến xe cuộc đời.

Có người tự tìm đến cái chết để nhắc nhở người ở lại về giá trị của bản thân. Tự tử là kết quả của một hành động không thể lý giải thuần túy. Có người lâm vào tình trạng bế tắc trước khi tìm đến phương cách tự vẫn, cũng có người muốn gửi thông điệp cho người ở lại về giá trị độc đáo của mình. Tự tử giống như biện pháp giải quyết bế tắc bằng cách hủy hoại sự sống đột ngột nhằm vượt qua ngưỡng cửa sinh tử. Trong nhiều tình huống, giải pháp sống không khoan nhượng được hoán đổi bằng cái chết. Tự tử giúp người chết thoát khỏi bế tắc, đồng thời trả lại cho cuộc sống ý nghĩa giá trị có một không hai.

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con người nói chung đều cùng một lúc phải giải quyết hai vấn đề: tồn tại và tồn tại như thế nào. Từ đó, cuộc sống nổi lên hai ý nghĩa lớn, ý nghĩa của bản thân sự sống và ý nghĩa của cá nhân theo đuổi trong cuộc đời. Khi đặt ra những giới hạn của cuộc sống bằng cái chết, ý nghĩa của nó nằm trọn trong khoảng thời gian tại thế. Ý nghĩa thứ nhất ẩn sau mọi cá thể làm nên tính độc đáo có một không hai, còn ý nghĩa thứ hai ở lại hay ra đi cùng với người đã khuất. Trong nhiều trường hợp, ý nghĩa thứ hai lưu dấu sâu đậm trong ký ức người ở lại và ý nghĩa thứ nhất sẽ ra đi vĩnh viễn.

Bất kể người sống có ý thức hay nhận thức được hay không thì

đích đến của sự sống nằm ở sự chết vẫn đến mang theo ý nghĩa của nó. Nhiều bệnh nhân mắc chứng nan y xin người nhà hay bác sĩ cho mình được chết. Bằng nhiều hình thức khác nhau, họ có thể tự sát hay kháng cự lại quá trình điều trị. Song, có thể thấy, chết bình đẳng trước mọi người. Chết không hoạt động theo cơ chế "xin - cho". Không ai cần phải xin chết. Chết đến một cách tự nhiên với mọi sinh thể như muôn đời vẫn thế. Có điều, khi một người chọn lấy cái chết bất đắc kỳ tử vô hình trung đã tước mất cơ hội tiếp tục trải nghiệm cuộc sống với muôn vàn cung bậc của sự thay đổi. Theo quan niệm Phật giáo, làm người là một cơ hội hy hữu để tu hành. Nhờ có khổ đau mà nhiều người mới kiên trì tu hành nhằm kiến tạo một cuộc sống có ý nghĩa và một cái chết có phẩm chất.

Chết là một phần tất yếu của sự sống, nhưng không phải ai cũng học được cách ứng xử ra sao ngay từ lúc còn sống. Rốt cuộc, cả sự sống và cái chết đều mang tính hai mặt mà một mặt không cho người ta hiểu về cái chết và mặt kia là cái chết đến tước bỏ ý nghĩa mà nó xác định. Từ đó, sống và chết trở thành hai mặt đối lập nhau. Nó quy cuộc đời con người vào hai thế giới. Thế giới của sự sống với những giá trị đa nghĩa và thế giới của sự chết với những giá trị giả tưởng. Trong nỗ lực đẩy lùi cái chết ra xa, ta không ngừng tiến gần đến cái chết. Bằng mong muốn nhấn chìm ý nghĩ về cái chết xuống đáy sự bế bộn của cuộc sống, cái chết vẫn nổi lên, châu chực và ẩn hiện trong cuộc sống này.

Sự sống tự thân ẩn chứa tính độc đáo, từ cơ chế hoạt động và hiện ra sau cái chết. Cái chết vốn mang thuộc tính phổ biến, tự nhiên, nhưng lại hàm chứa giá trị độc đáo trên từng cá thể. Thật khó thể thay thế một sinh thể đang hiện hữu bằng một cá thể đã ra đi, ngược lại, cũng không thể lấy một cá thể đã ra đi để cứu vãn một sinh thể đang hiện hữu.

Món quà mà người chết dành cho người ở lại chính là ý nghĩa độc đáo của sự sống. Bằng cách tìm kiếm ý nghĩa giá trị của cuộc sống mà mỗi người ký thác ước nguyện của mình vào cuộc đời. ■

Tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt với đạo Phật

GIA PHONG

Tín ngưỡng là một bộ phận của ý thức xã hội, một yếu tố thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần và là hệ quả của các quan hệ xã hội được hình thành trong quá trình lịch sử - văn hóa, là sự biểu hiện dưới dạng tâm lý xã hội một niềm tin của cộng đồng vào cái thiêng liêng qua hệ thống lễ nghi thờ cúng của con người và cộng đồng người trong xã hội.

Được hình thành từ thời nguyên thủy do những nguồn gốc xã hội, nhận thức và tâm lý, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là sự phản ánh hư ảo quyền uy của người gia trưởng trong gia đình, của vị tộc trưởng trong thị tộc. Thực chất của tín ngưỡng này là sự phản ánh mang tính cách hoang đường về quyền hành của người gia trưởng hay người tộc trưởng, được thể hiện thông qua nghi lễ thờ cúng của mỗi cộng đồng xã hội. Về sau, do nhu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ cuộc sống cộng đồng ở mức độ làng và nước, nội hàm của khái niệm tổ tiên được mở rộng hơn. Không chỉ có tổ tiên cùng huyết thống, mà còn có tổ tiên của những người không cùng huyết thống. Đó là những người có công dạy nghề, tạo lập làng, giữ làng, đánh giặc giữ nước, là tổ nghề, thành hoàng làng, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa... được suy tôn.

Nội dung và nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Việt thấm đậm tinh thần Nho giáo. Tuy nhiên, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt vẫn có nét đặc thù, mang bản sắc văn hóa Việt Nam, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tinh thần Phật giáo.

Phật giáo ra đời tại đất Ấn từ thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, đến những năm đầu Tây lịch, đã phát triển rộng khắp ra các nước trong khu vực. Phật giáo được truyền bá vào nước ta những năm đầu Tây lịch trong một bối cảnh xã hội đặc biệt. Người Việt đang sống trong cảnh nước mất nhà tan, kẻ thù đang quyết tâm bằng mọi biện pháp, văn hóa và quân sự, thuyết phục và cưỡng bức, nhằm đồng hóa và tiêu diệt nền văn hóa Việt cổ. Khác với Nho giáo, Phật giáo vào Giao Châu bằng con đường hòa bình, theo chân các thương nhân và tăng sĩ; những tư tưởng từ, bi, hỉ, xả... trong giáo lý Phật giáo khá gần gũi với tinh thần vị tha, bao dung, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau... trong đạo lý truyền thống của người Việt. Với tinh thần “tùy thời tùy quốc độ” (tùy theo thời đại, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi quốc gia mà có cách thức xiển dương Phật pháp, cứu độ chúng sinh khác nhau), Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập cùng

các tín ngưỡng bản địa. Với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, Phật giáo cũng nhanh chóng dung hợp và làm phong phú thêm tín ngưỡng này.

Đối với đạo Phật, nếu hiểu theo nghĩa rộng thì việc thờ cúng tổ tiên cũng chính là thờ Phật, hoặc thờ các vị Bồ-tát, La-hán - là những người hộ trì pháp - cũng như các vị tổ sư là những người sáng lập ra các tông phái, các thiền tự... còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thì đó là việc thực hành giáo lý Tứ ân của nhà Phật. Thờ phụng tổ tiên của người Việt chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi chủ trương “Tứ ân” của Phật giáo; theo đó, đã là con người thì phải biết đến ơn đức và biết cách đền ơn đối với cha mẹ, thầy tổ, chúng sanh và đất nước.

Những người tin theo Phật giáo thì cho rằng con người được hình thành bởi hai yếu tố sắc (vật chất) và danh (tinh thần), hoặc bởi ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Con người cũng như vạn vật luôn biến đổi “vô thường” do đó không có cái tôi (ngã) “vô ngã”. Vì thế “sống là gửi, thác là về” (sinh ký tử quy). Họ tin vào nghiệp báo, luân hồi. Con người sinh ra ở kiếp này chỉ là kết quả của nghiệp báo kiếp trước. Con người có thể đầu thai làm người hay không tùy thuộc vào nghiệp thiện hay ác. Trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên và tang ma, người ta thường lạy Phật (Nam-mô A-di-đà Phật) rồi mới lạy tổ tiên, cầu Phật siêu độ cho những vong hồn người chết.

Tư tưởng của đạo Phật về sự sống, chết đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống tâm linh của người Việt. Cuộc sống là bể khổ, muốn thoát khổ phải tạo nghiệp thiện, để khi chết được đầu thai vào cõi trời, cõi người. Sống phải từ bi bác ái, “ở hiền gặp lành”. Phải hiếu kính với cha mẹ. Trong đám tang, ban đêm người ta làm lễ chúc thực, đọc kinh Mục-kiền-liên báo hiếu, làm các bậc cha mẹ mất lòng và những người con bất hiếu hổ thẹn. Quan niệm chết sẽ được đầu thai vào kiếp khác góp phần làm yên tâm, thoải mái về mặt tâm lý, đón nhận cái chết.

Triết lý nhân sinh của Phật giáo đã ảnh hưởng khá sâu đậm tới lối sống, nếp nghĩ của người Việt. Phương châm “tự độ độ tha, tự giác giác tha” nhắc nhở con người sống không phải chỉ vì mình mà còn phải vì người khác trong cộng đồng. Cộng đồng có ý nghĩa nhất đối với mỗi người là gia đình. Trong gia đình, cha mẹ là người có công sinh thành, dưỡng dục. Mẹ mang nặng đẻ đau chín tháng mười ngày, cha làm cả đời lam lũ tạo dựng cơ nghiệp cho con, ơn cha mẹ như non cao biển rộng. Phật dạy, con cái có báo đền công ơn cha mẹ thế nào cũng không đủ. Là con cái, “một bên vai công cha, một

bên vai công mẹ, như vậy suốt 100 năm cũng không đủ để đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ” (Kinh Tăng chi bộ, tập 1).

Kinh điển Phật giáo cho thấy các bậc cha mẹ được Phật xem ngang với Phạm thiên và cũng xứng đáng được cúng dường. Với Phật, những người con hiếu thảo là những người biết cúng dường cha mẹ bằng những vật phẩm do chính sức lao động của mình làm ra.

Phật giáo cũng nêu lên rằng con người có kiếp sau, bị chi phối bởi luật nhân quả, khi sống hiếu thảo, khi chết mới được lên cõi trời sung sướng. Còn gây nghiệp ác, ác giả, ác báo sống bội bạc với mẹ cha thì sẽ bị đầy xuống âm ty, trở thành nợ quỷ hay súc sinh... Khi sống con người phải tu nhân, tích đức làm nhiều điều thiện, tránh điều ác. Ngay cả khi cha mẹ làm điều ác cũng phải tìm cách độ thoát cho cha mẹ, hướng dẫn cha mẹ khỏi cõi mê lầm, tội lỗi.

Trong tâm thức người Việt, sự kiện Tôn giả Mục-kiền-liên báo hiếu cha mẹ là tấm gương điển hình của lòng hiếu thảo. Hàng năm cứ đến ngày lễ Vu-lan của nhà Phật, nhiều gia đình người Việt làm cỗ bàn cúng gia tiên, đốt vàng mã mong người ở dưới âm phủ được xá tội. Từ câu chuyện về đức hiếu của ngài Mục-kiền-liên, Đức Phật đã dạy chúng ta về hiếu hạnh trong khắp chúng sanh, công ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục là thiêng liêng nhất không gì so sánh được, và đạo làm con phải thực hiện tròn bốn phận của mình. Đức Phật dạy rằng: *“Đạo làm con phải thực hiện năm bốn phận: Luôn cung kính và vâng lời cha mẹ; Phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ già yếu; Gìn giữ thanh danh và truyền thống gia đình; Bảo quản tài sản do cha mẹ để lại; Lo tang lễ chu đáo khi cha mẹ qua đời” (Kinh Trường bộ).*

Hình ảnh công chúa Diệu Thiện trả ơn cha mẹ bằng cách độ thoát cha mẹ, vì thế được hóa thành đạo quả “Nam Hải Quan Âm” được thờ ở chùa Hương Tích (Hà Tây, Hà Nội) còn in đậm trong tâm thức nhiều người. Để ca ngợi lòng hiếu thảo và đức hy sinh cứu độ của bà, trong dân gian lan truyền câu ca:

*Trên thời báo hiếu sinh thành
Dưới thời nhân cứu chúng sinh ta-bà.*

Truyện “Quan Âm Thị Kính” ca ngợi Tiểu Kính Tâm, ở chùa, song lòng vẫn nhớ cha mẹ khôn nguôi:

*Bạch Vân khuất nẻo xa xa
Song thân ta đấy là nhà phải không.*

Tiểu Kính Tâm xuất gia tu hành thành chính quả chẳng những đã đền đáp đầy đủ công ơn cha mẹ, mà còn giúp đời, cứu người, độ thoát cho cha mẹ, chồng và cả con của Thị Mầu. Truyện về Diệu Thiện, Thị Kính chứa đựng nội dung đền ơn, đáp nghĩa được lan truyền rộng rãi trong dân gian. Điều đó phản ánh sự ảnh hưởng to lớn của Phật giáo đối với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Song sự ảnh hưởng không chỉ ở một



Nguồn: vtv.vn

phía, một chiều. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt cũng ảnh hưởng tới Phật giáo. Ở các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường có nhà tổ, có bát hương thờ cúng “sư tổ” là người có công lập chùa. Ngày mất của sư tổ, các chùa đều làm lễ giỗ, tất nhiên cỗ cúng là cỗ chay. Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang được coi là Sơ tổ, Nhị tổ và Tam tổ của dòng thiền Trúc Lâm, được tạc tượng thờ ở đền Côn Sơn. Các chùa thường tổ chức giỗ hậu cho những người gửi hậu bằng tiền hoặc ruộng đất. Bàn thờ vong trên chùa có đặt bát nhang, bia đá, ảnh của những vong hồn không người cúng giỗ ở gia đình.

Đối với các tín đồ Phật giáo người Việt, ngay cả khi đã dứt bỏ cuộc sống đời thường để xuất gia tu Phật, họ vẫn luôn giữ đức hiếu đối với cha mẹ, không quên ơn tiên tổ. Bởi giữ đức hiếu với cha mẹ cũng có nghĩa là theo lời Phật dạy: *“Nuôi dưỡng cha mẹ già yếu, làm đủ bốn phận người con đối với cha mẹ, giữ gìn truyền thống gia đình, bảo vệ tài sản thừa tự và làm tang lễ khi cha mẹ qua đời” (kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt thuộc Trường bộ).* Thậm chí, với họ *“tu đầu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ ấy là chân tu”*. Và nhiều người cho rằng hình thức tu thích hợp nhất là *“tu tại gia”*:

*Thứ nhất là tu tại gia
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*

Như vậy, có thể thấy rằng Phật giáo có ảnh hưởng lớn lao đến sự phát triển tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, nhưng không vì thế mà nó là sự sao chép y nguyên tư tưởng của Phật giáo. Đó vừa là biểu hiện vai trò của Phật giáo đối với văn hóa Việt vừa là biểu hiện của sức mạnh văn hóa Việt - dung hợp, thấu hóa các nền văn hóa ngoại lai làm giàu cho văn hóa dân tộc. ■



Người Phật tử Israel trước xung đột hận thù

CAO HUY HÓA

Hận thù đề cập trong bài này là hận thù giữa hai dân tộc Palestine và Israel, và mở rộng ra là hận thù giữa các quốc gia Ả-rập và Israel, kéo dài đã 70 năm nay. Kể từ năm 1948, quốc gia Israel của người Do Thái được thành lập, được Liên Hợp Quốc công nhận, như là miền đất hứa của biết bao người Do Thái lưu vong suốt mấy thiên niên kỷ trên nhiều quốc gia Âu Á. Kể từ đó, quốc gia này phải đối chọi với thế giới Ả-rập mà trực tiếp và triền miên là dân tộc Palestine, vốn cũng có nguồn gốc lịch sử ở dải đất này. Tuy Israel bé nhỏ về diện tích đất (cuộc chiến 6 ngày năm 1967 đã mở rộng thêm nhiều đất đai), nhưng Do Thái là dân tộc thông minh, tập hợp được trí tuệ và nguồn lực của dân Do Thái trên toàn thế giới, lại được siêu cường Hoa Kỳ tích cực hậu thuẫn, trong khi Palestine chưa hình thành đầy đủ một quốc gia và các dân tộc Ả-rập không có đủ thực lực để đoàn kết chiến thắng được Israel, ngược lại thế đối đầu luôn luôn nghiêng sức mạnh về phía Israel. Vùng đất này lại còn là nơi có xung đột tôn giáo, một bên là các quốc gia Ả-rập với Hồi giáo, một bên là Israel với Do Thái giáo, vốn gắn gũi với đạo Cơ Đốc và Tin Lành.

Hai bên, hai tổ quốc tranh chấp đất đai, hai tôn giáo, cứ thế mà chiến tranh khi thì âm ỉ, khi bộc phát, khi âm

thầm, khi bạo động, khi biểu tình, khi tạm lui... Có ai đi giữa hai làn đạn để hàn gắn tình người với nhau? Để bênh vực cho người khốn khổ? Thế mà vẫn có bóng dáng của người Phật tử, Phật tử Israel!

Hiện nay, số người theo Phật giáo tại Israel là ít, chỉ 22.260 người, chiếm 0,3% dân số, tuy thế có nhiều nhà trí thức Do Thái ở Âu Mỹ là những cư sĩ Phật tử nổi tiếng trên thế giới, có thể kể:

- Lần đầu tiên, lịch sử nước Mỹ ghi nhận một người Mỹ gốc Do Thái tên là Charles Strauss, đã chuyển đổi quy y sang Phật giáo trên lãnh thổ Hoa Kỳ, công khai tại Hội nghị Thế giới năm 1993 về tôn giáo. Strauss sau này đã trở thành một tác giả sách Phật học và nhà lãnh đạo tiên phong của phong trào Phật giáo ở phương Tây.

- Một làn sóng người Do Thái theo Phật giáo vào cuối những năm 1960. Những Phật tử đầu đàn nổi bật là Joseph Goldstein, Jack Kornfield và Sharon Salzberg, đó là những người thành lập Trung tâm Thiền Insight Meditation Society (bang Massachusetts, Mỹ). Về phía nữ, có Ni sư Ayya Khema (1923-1997) gốc Do Thái rất nổi tiếng trên thế giới. Rồi sau này lại có những người Do Thái tu theo truyền thống tu trong rừng của Phật giáo Thái Lan. Một số khác theo Thiền tông Nhật Bản, đạo Phật Tây Tạng...

oOo

Trong cộng đồng Phật tử Israel tại chính quốc, có một tập thể không nhiều những người tu tập, hành thiền và đấu tranh chiến thắng hận thù và cho quyền con người. Đó là cộng đồng Phật tử ở Jerusalem tự nhận như một Tăng đoàn (sangha), gọi là *Israeli Engaged Dharma* (Pháp hội Dẫn thân Israel), theo truyền thống tu trong rừng kiểu Thái Lan (Thai Forest), thành lập năm 2010, với số thành viên là 60 người.

Pháp hội này bắt đầu dẫn thân hoạt động xã hội là từ hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt vùng Gaza, đầu năm 2009. Những người Phật tử Israel ở đây không thể bịt mắt che tai để yên tâm tu tập trong nhà. Đáp lại nhận định của phóng viên *The Tricycle*: “Phải chăng đó là phản ánh sự tu tập tại Jerusalem ở trong hậu trường của xung đột?”, vị đại diện của Pháp hội cho biết:

“Có một nghịch lý ở đây. Một mặt, Tăng đoàn phải là nơi trú ẩn an toàn và một nơi chốn tốt lành - chúng tôi thường nói Tăng đoàn là một nơi an trú và tu tập là an trú. Điều đó lại càng quan trọng tại vùng đất mà xung đột như là chuyện đời sống hàng ngày. Nhưng một mặt khác, chúng tôi phải đi đến một quyết định: hoặc chúng tôi quay về với ảo tưởng, ở đó chúng tôi thoát ly mọi thử thách và không liên hệ với những vấn đề xã hội, hoặc chúng tôi phải nói, ‘Không, chúng tôi phải đem sự tốt lành mà chúng tôi đang có và trải rộng ra cho mọi người!’”

Ba năm trước đây, một buổi chiều, chúng tôi ngồi trong một căn hộ ở Jerusalem, và qua cửa sổ, chúng tôi đã nghe một nhóm người đạo Do Thái la to trên đường ‘Giết tụi Ả-rập!’ Chúng tôi đang thực tập bên trong, hoàn toàn thỉnh lặng. Đây là một ví dụ điển hình của tình trạng khó xử. Chúng tôi làm được gì nếu có chuyện giết người không xét xử trong đám đông hô to ‘Giết tụi Ả-rập?’ Làm sao chúng tôi có thể yên ổn bên trong mà tu tập trong khi nghe chuyện xảy ra bên ngoài như thế? Vào lúc đó, chúng tôi không thể bỏ nhóm và đi ra ngoài, bởi vì, bất hạnh thay, đó không phải là dịp hiếm có - đây là cuộc sống tại Jerusalem. Nhưng tôi nghĩ, cần một lời giải đáp dài hạn, đó là chúng tôi phải có một nhóm để hành động trên đường.

Chẳng hạn, khoảng bốn tháng trước đây, một gia đình Palestine bị đuổi ra khỏi nhà bởi vì chính quyền cần đưa những người Israel vào trong căn hộ ở trong khu vực, và có nhiều cuộc biểu tình chống lại việc đó. Chúng tôi thực tập suốt bốn giờ buổi sáng về chủ đề một nơi chốn bình an. Rồi thì chúng tôi đi đến gia đình bị đuổi nhà và gia nhập cuộc biểu tình. Chúng tôi ở đó như là sự tiếp tục thực tập mà chúng tôi đã làm tại nhà trong buổi sáng”.

Để hoạt động một cách hiệu quả và đứng vững với tư cách người Phật tử, những vị trong Pháp hội phải đoàn kết giữa những người có tư tưởng chính trị khác nhau: người thì điều hòa, người thì bồ câu, người bảo thủ, người cấp tiến, nên hội đặt nền tảng hoạt động trên những kết nối cá nhân và đặt trọng tâm vào

những vấn đề về quyền con người. Hội cũng phải tạo được sự tin cậy nơi những cộng đồng người Palestine, những người bị bức hại do những chính sách hà khắc của người Israel chiếm đóng. Pháp hội đã làm việc với ba cộng đồng người Palestine. Đó là ngôi làng gọi là Walaja gần Jerusalem, có 2.500 dân. Xa về phía Bắc, đó là ngôi làng gọi là Deir Istiya, có 1.400 dân. Nơi thứ ba là một khu vực rộng lớn gọi là Jordan Valley (thung lũng Jordan), gồm 33% của khu Bờ Tây bị chiếm đóng. Và ở đó về phía Bắc, có những cộng đồng rất nhỏ. Họ đang sống trong lều, không có điện, không có nước máy.

Vị đại diện Pháp hội đã trần tình sự gian khổ với phóng viên báo *The Tricycle*: “Chúng tôi đưa những người tu tập, vốn rất sợ vào trong những khu vực Palestine. Đang sống yên ổn thoải mái, đi vào những nơi này, họ hoài nghi và ác cảm nhiều thứ, nhưng bởi vì chúng tôi đã giảng cho họ về Tăng đoàn và pháp, cho nên họ mới cảm thấy được che chở và an toàn. Nhiều người vui lòng đi theo chúng tôi, có thể là lần đầu tiên, vào ngôi làng Palestine và gặp bạn bè của chúng tôi.

Thật ra mọi sự khởi đầu rất đơn giản. Đó có thể là công việc kết nối nông nghiệp trong những khu rừng ô-liu, hay những dạng khác của công việc nông nghiệp. Dần dần sự kết nối phát triển. Rồi thì khi những người Palestine, nay trở thành bạn của chúng tôi, bất ngờ gặp khó khăn bởi sự chiếm đóng, chúng tôi phải đứng một bên họ.

Chẳng hạn, trong một ngôi làng ở Walaja, rất gần với Jerusalem, thanh chặn (barrier) được dựng lên trên vùng đất nông nghiệp rộng lớn để ngăn không cho người Palestine vào một resort của người Israel. Chính quyền muốn tách biệt resort với ngôi làng Palestine, mà lâu nay nhiều thế hệ đang canh tác trên đất đó. Chúng tôi không phải là những nhà hoạt động chính trị và xã hội ở địa phương, nhưng chúng tôi biết rõ những ai là sở hữu mảnh đất đó, và chúng tôi không để chuyện đó xảy ra.

Có một ngôi làng khác, chịu trừng phạt tập thể; cứ hai, ba tuần, quân đội vào lục soát dân làng, vì nghi có vấn đề. Đó là những người mà chúng tôi biết và chúng tôi phải săn sóc họ. Chúng tôi kết nối với họ trong đêm, và họ đã chặn trước một lực lượng quân đội xâm chiếm”.

Phóng viên *The Tricycle* có ý nhắc nhở về chuyện tu tập, vị đại diện Pháp hội giảng giải: “Chúng tôi không giảng pháp cho dân. Vậy thì tu tập ở đâu? Chúng tôi dùng một chút thời gian để thiền; chúng tôi dùng năng lực của mình để quán chiếu nội tâm và lắng nghe một ý định nào đó trước khi khởi sự hành động. Ý định được hướng dẫn bởi những nguyên lý của pháp Phật về từ bi, bất bạo động và tính kết nối với nhau. Trước khi chúng tôi bắt đầu lên đường đến Walaja, chẳng hạn, chúng tôi dành 30 phút để chuẩn bị. Tương tự như vậy, vào lúc kết thúc một ngày, chúng tôi dành thời gian để phản tỉnh”.



Nhiều khi kẹt dài ngày trong vùng lửa đạn, họ ở lại với dân làng Palestine, có khi tham dự vào biểu tình bất bạo động, cùng “hưởng” lựu đạn cay, cùng sống trong tù. Trong hoàn cảnh gay go như thế, họ nhận ra rằng: “Định tâm của thiền có vai trò quan trọng, giúp chúng tôi có năng lực quán chiếu hành động, hiểu được bản thân và giữ thái độ trầm tĩnh. Sự gây hấn đến rất dễ dàng. Nhưng khi chúng tôi đến đâu với từ bi và chăm sóc mọi người, thì lúc đó chuyện đối xử hoàn toàn khác hẳn. Vì thế, điều đó là sức mạnh lớn”.

Phóng viên *The Tricycle* lưu ý, rằng trong Pháp hội có nhiều người trước kia là người lính Israel, “Liệu Tăng đoàn và kinh nghiệm của ông trong những cộng đồng có làm thay đổi cách nhìn của họ về cuộc xung đột?”

Vị đại diện Pháp hội cho biết: “Có nhiều người trong Tăng đoàn chúng tôi đã hoạt động tại Deir Istiya trước đây như là người lính. Họ đã đến với vũ khí, và họ đã là những người trực tiếp chiếm đóng. Một vài năm sau, cho đến ngày nay, họ đến như là người khách. Có nhiều thứ lạ mang đến cho họ. Lần đầu, họ rất e sợ, bởi vì họ như là người lính nhìn những người Palestine và làng mạc như là khu vực nguy hiểm, ở đó họ căm ghét. Đó là cái nhìn bị điều kiện hóa. Dần dần, họ thấy mọi chuyện khác hẳn, và họ có thể đến những nơi đó. Và thế là rất nhiều tội lỗi và hổ thẹn khởi lên khi nhìn mọi thứ mà trước đây họ làm với tư cách người lính”.

Nhìn về viễn tượng một năm sau và lâu dài của hoạt động Pháp hội, vị đại diện nhận định đúng mức, với nhiều khó khăn mà tình thế áp đặt.

“Tôi nghĩ viễn tượng là rất xấu. Ngày nay, không ai

có thể phác họa một tương lai tươi sáng, càng tất nhiên hơn nếu chỉ nghĩ về một năm. Mọi sự đều trở nên xấu. Tôi nói như thế bởi vì tôi nghĩ rằng chúng ta nên thực tế, và chúng ta cần phải hiểu rằng lực lượng chiếm đóng ngày nay là vô cùng mạnh mẽ. Vì vậy, không có chiến lược hiệu quả nào xoay chuyển được tình thế.

Chúng tôi là một nhóm tận tụy bảo vệ quyền con người, và chúng tôi thấy quyền của dân, như thực tế chúng tôi đã thấy và chăm sóc họ, là bị vi phạm hàng ngày. Chuyện này có thể tiêu hao ý chí bạn, và có thể làm bạn phẫn nộ. Bạn nhận ra biết bao nỗi khổ, nhưng xã hội của bạn, những người mà bạn cùng làm việc, láng giềng của bạn, có thể ngay cả gia đình bạn, họ không thể chăm sóc, đỡ đần nỗi khổ đó. Đối với những người đó, chẳng có gì cả. Đối với họ, tất cả rồi sẽ được biện minh.

Vì thế, chúng tôi tiếp tục những gì chúng tôi đang làm với một sự chấp nhận không viển vông, và chúng tôi biết, không thể nhìn tương lai một năm sau như thế nào. Chúng tôi chỉ nhìn về những gì đang xảy ra ngày hôm nay trong thời điểm hiện tại”.

Dẫu sao, những người Phật tử khắp mọi nơi trên thế giới đều trân quý tấm gương quả cảm của những Phật tử Israel, sát cánh với những người khổ khổ Palestine để đấu tranh cho quyền con người trong từ bi, trí tuệ và bất bạo động. ■

Tài liệu sử dụng:

- Matthew Abrahams, *Meet a Sangha: Israeli Engaged Dharma*, *The Tricycle* 28 Mar 2018.

- Wikipedia tiếng Anh, tiếng Việt.

Văn hóa tình người

MINH MÃN

Thoáng mà đã qua nửa tháng Bảy, một tháng được hiểu là mùa Vu-lan.

Có lẽ tri ân báo hiếu được khởi xuất trên đất nước ta từ thời Phật giáo Bắc truyền du nhập vào quê hương trên dưới 2.000 năm. Thuở xa xưa người dân và vua chúa cũng đã thể hiện tình người, tính vị tha, và tính tương thân. Đạo đức vị tha trong chiến tranh, đạo đức hiếu nghĩa trong thân tộc, đạo đức tri ân đối với xã hội và nhân loại, từ bi với muôn loài, tôn trọng mạng sống chúng sanh.

Ngày nay, mùa Vu-lan trở thành truyền thống của dân tộc, người hiện tiền và kẻ quá vãng cũng đều được quan tâm; nó không còn là truyền thống tôn giáo mà là đạo nghĩa tình người.

Bước đầu tháng Bảy, một vài nơi bắt đầu chuẩn bị. Một vài quán ăn chay hoặc là phục vụ miễn phí, hoặc có mạnh thường quân tài trợ cho quán để làm công việc miễn phí trong một ngày. Một vài nơi sắm sửa thực phẩm để cung cấp cho dân nghèo. Phần lớn các chùa đều đãi chay cho bá tánh. Suốt tháng Bảy nhiều nơi người có tâm vị tha và hạnh bố thí, đều phát quà, thuốc men, áo quần... cho những ai có nhu cầu. Chim, cá cũng được nhiều người sẵn lòng phóng sanh, và cũng không tránh khỏi một số người sẵn lòng đánh bắt trở lại - tất cả đều trong mùa hoan hỷ!

Tháng Bảy trở thành tháng nhộn nhịp cho các chùa, tháng bận rộn cho quần chúng tin vào tâm linh và nhân quả - cầu an, cầu siêu, đền ơn đáp nghĩa... ngoài ân sanh thành, còn nghĩa tương trợ trong xã hội, thập phương sanh chúng; báo đáp ơn Tam bảo, quốc gia thủy thổ... Đó là đạo nghĩa của nhân dân ta.

Tình thương và lòng vị tha không chỉ được thể hiện vào dịp tháng Bảy. Thường ngày, một vài nơi, đâu đó vẫn có xe bánh mì từ thiện, rằm ngươn luôn phát cơm miễn phí, cơm từ thiện cho các bệnh viện, những bình nước dọc đường cho người đi qua, thùng tiền lẻ cho người vô gia cư đến nhận vừa đủ ăn một vài bữa cơm, tủ quần áo cũ cho những ai có nhu cầu. Làm từ thiện qua nhiều hình thức chỉ vì mục đích vị tha vô ngã. Tinh thần "thi ân bất cầu báo" trở thành truyền thống tốt đẹp của những người con Phật, kể cả người không phải là tín đồ Phật giáo, được lan tỏa ra xã hội, dẫn thâm nhập ra phía Bắc thập niên gần đây.

Vùng An Giang và một vài tỉnh miền Tây Nam Bộ, cuộc sống không khá giả như thành thị, vẫn tràn ngập việc từ thiện như xây cầu, làm nhà, phát thuốc cho những người dân thiếu điều kiện. Các bệnh viện luôn được trợ cấp cơm chay miễn phí hàng ngày cho bệnh nhân, thân nhân nuôi bệnh, và kể cả nhân viên bệnh viện nếu họ cần. Mổ tim, mổ mắt, cung cấp hòm, trợ táng cho những gia cảnh khó



Nguồn: bodephatquoc.com

khăn, hỗ trợ viện phí, có xe đưa đón bệnh nhân về vùng xa cho những trường hợp không đủ khả năng. Đó là những việc làm thực tế trong cuộc sống hiện nay.

Những việc hành thiện không phô trương, không vụ lợi phát xuất từ tâm lành, không chỉ trên hành động mà còn vương vấn trên nét mặt hỗn hậu, đứng với câu cổ nhân từng nói, "thử tại tâm trung xuất hình ư ngoại". Những người phát tâm bố thí hành thiện thực sự, dĩ nhiên không có hành động cao ngạo của kẻ bố thí, không mưu cầu lạm dụng trong việc làm từ thiện.

Càng ngày, người dân đã quan tâm đến nhau trong cuộc sống khốn cùng, đó là hiện tượng đáng mừng, ghi đậm một nét văn hóa tình người thì tự khắc lòng vị kỷ sẽ giảm thiểu.

Ông bà xưa bảo, "phú quý sanh lễ nghĩa". Cuộc sống dân ta hiện nay chỉ đủ ăn, chưa được gọi là phú quý, thế mà biết quan tâm chia sẻ cho nhau. Văn hóa tình người như thế sẽ lan tỏa và nhân rộng, thì chắc chắn văn hóa của một dân tộc không thể bị đánh mất. Văn hóa không bị đánh mất thì dân tộc ta không thể suy vong.

Chính tính vị tha tương trợ thường ngày trong xã hội đã làm nền tảng ôm ấp cho mỗi độ Vu-lan hoặc rằm lớn, trở thành một trào lưu tâm linh, hiểu biết về tính nhân quả và thấm đẫm tình người, là những cánh hoa đẹp nở rộ trên áo của mọi người khi bước vào cổng chùa trong dịp Vu-lan. Những ai không bao giờ đến chùa mà vẫn thể hiện hạnh bố thí, đây cũng là tự gắn vào lòng sự thanh thản, uơm mầm cho phúc báu tương lai.

Từ nét đẹp Vu-lan biến thành "văn hóa tình người" cho cuộc sống xã hội hiện nay. ■



Hội thể thần Đồng Cổ

qua Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới

THOM QUANG - THANH BIÊN

Miếu Đồng Cổ thuộc thôn Nguyên Xá, xã Phú Minh (Từ Liêm, Hà Nội), nằm cách trung tâm thủ đô 15km về phía Tây. Miếu Đồng Cổ thờ thần Đồng Cổ là một trong những vị thần linh thiêng có phép thần thông, biến hóa phi thường, từng giúp tướng lĩnh và phò vua ở ngoài mặt trận; ngoài ra, còn báo mộng cho vua biết để giải quyết những vấn đề trọng đại của đất nước.

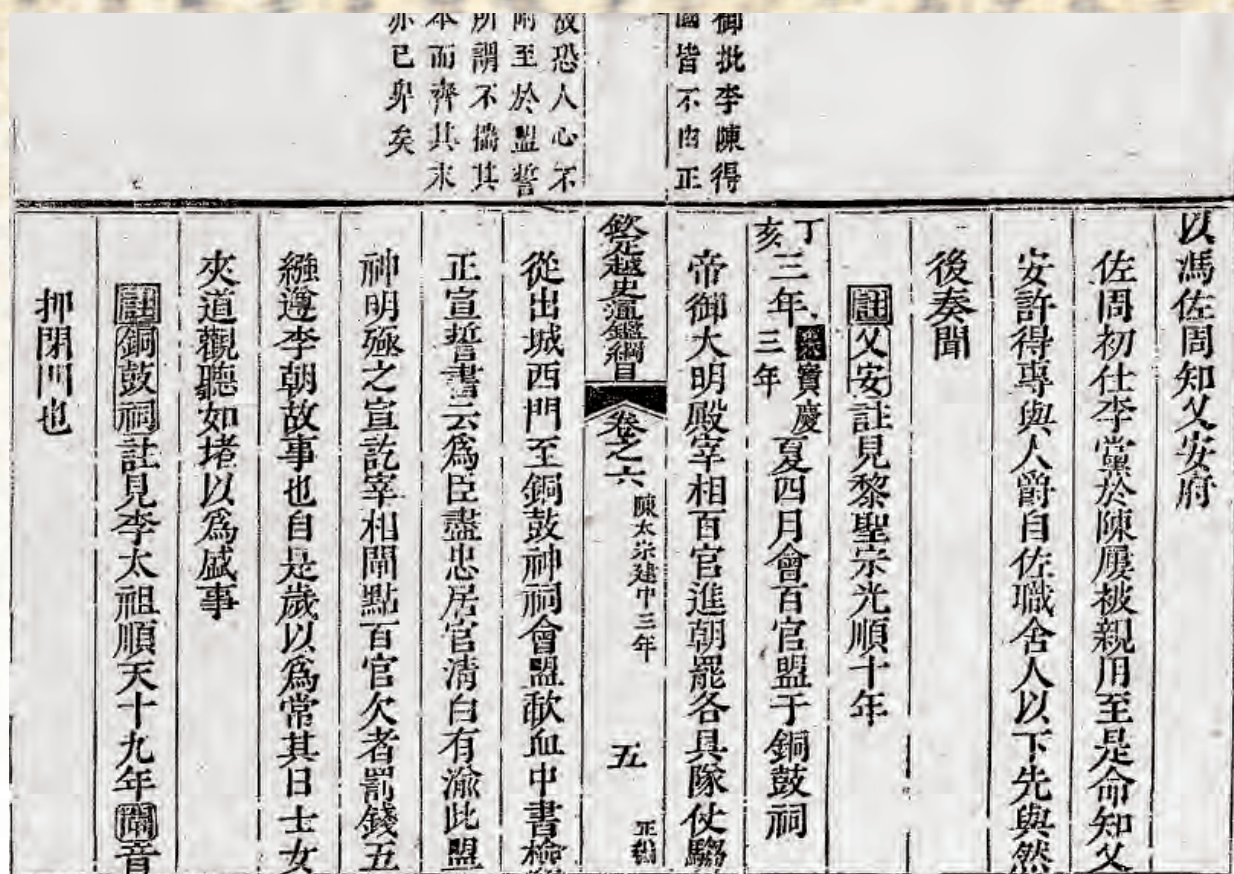
Lịch sử xây dựng đền thần Đồng Cổ được các thư tịch của nước ta ghi lại khá đầy đủ và chi tiết, đặc biệt là trong khối Mộc bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới. Năm Mậu Thìn (1028), vua Lý Thái Tông cho lập miếu thờ thần Đồng Cổ ở ngoài phía Bắc hoàng thành, tại thôn Đồng, làng Yên Thái (tức làng Bưởi) ngày nay. Mộc bản sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 2, mặt khắc 15 còn ghi chép về sự kiện này như sau: “Phong tước vương cho thần núi Đồng Cổ, dựng miếu để tuế thời cúng tế và làm lễ thể. Trước đây, một hôm trước khi ba vương làm phản,

vua chiêm bao thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ nói với vua về việc ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dục Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm. Đến đây xuống chiếu giao cho Hữu ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại La sau chùa Thánh Thọ, lấy ngày 25 tháng ấy, đắp đàn ở trong miếu, cấm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gương giáo ở trước thần vị, đọc lời thể rằng:

*Làm con bất hiếu,
làm tôi bất trung,
xin thần minh giết chết.*

Các quan từ cửa Đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng Ba có ngày quốc kỵ, chuyển sang mồng bốn tháng Tư”.

Và kể từ khi vua Lý Thái Tông tổ chức hội thể diễn ra ở miếu Đồng Cổ, các đời vua sau cũng bắt chước như thế. Năm Đinh Hợi (1227), vua Trần Thái Tông cũng bắt



các vương hầu, quan lại hàng năm phải làm lễ tuyên thệ trung thành với mình. Mộc bản sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 6, mặt khắc 5 có chép như sau: “Tháng Tư, mùa hạ. Hợp các quan làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ. Ngày hôm ấy, nhà vua ngự ở điện Đại Minh, viên Tế tướng và trăm quan tiến triều xong rồi, đều phải sửa soạn đủ đội ngũ, nghi trượng, người cưỡi ngựa đi hộ vệ, kéo ra cửa phía Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ để uống máu ăn thề; viên Trung thư kiểm chính tuyên đọc thệ thư rằng:

“Người làm tôi phải hết lòng trung với vua, người làm quan phải giữ phẩm hạnh trong trắng, nếu ai trái lời thệ này, xin thần linh làm hại người ấy”.

Tuyên đọc xong, viên Tế tướng đóng cửa đền lại, kiểm điểm trăm quan, người nào vắng mặt phạt năm quan tiền. Việc này theo thể lệ cũ của triều Lý. Từ năm ấy trở đi, năm nào cũng cử hành lễ này. Ngày hôm ấy, con trai con gái kéo nhau ra xem kín cả hai bên đường, họ nhận đây là việc tốt.

Từ trước thời Lý, thần Đồng Cổ đã có miếu thờ ở Thanh Hóa. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, mục Thanh Hóa chí có ghi: Đền tọa lạc trên núi Khả Lao, làng Đan Nê, huyện Yên Định. Tương truyền, đền thần Đồng Cổ ở đây có từ thời Hùng Vương và thường hiển linh giúp vua Hùng trong các cuộc dẹp loạn cho nên được vua Hùng phong cho thần là Đồng Cổ Đại vương.

Trải qua nhiều biến cố lịch sử, đến đời Hồ Quý Ly, vì có vụ Trần Khát Chân nên lễ minh thệ này mới bị phế bỏ. Đến đầu đời Lê, lễ này cũng bỏ qua, không thấy được nhắc tới. Mãi năm Giáp Dần (1434), Lê Sát mới xin với vua Lê Thái Tông cho lập đàn thờ ở trường đua, khấn cáo với thần linh trên trời dưới đất, tập hợp trăm quan văn võ trong kinh đô và ngoài các đạo, cắt tiết ngựa bạch làm lễ ăn thề. Năm đó, vua cũng tới xem.

Ngày nay, đền Đồng Cổ và tục lệ truyền thống hội thề “trung hiếu” đã trở thành một lễ hội độc đáo với những nét văn hóa đặc sắc của Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến. Ngày mồng bốn tháng Tư âm lịch hàng năm, chính quyền và nhân dân lại nô nức mở hội, thể hiện tâm linh hướng thiện và tâm thức về nguồn, vọng ngưỡng lòng trung thành, yêu nước của người dân Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo:

- Hồ sơ H31/4, *Mộc bản triều Nguyễn* - Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Hồ sơ H60/6, *Mộc bản triều Nguyễn*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Hồ sơ H60/8, *Mộc bản triều Nguyễn*, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.
- Hồ sơ H60/9, *Mộc bản triều Nguyễn* - Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV.

* Ảnh tác giả chọn

Tại sao con người đắm chìm trong ảo giác ảo tưởng?



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Thời gian vừa qua, báo chí ở nước ta đăng tải nhiều thông tin đáng buồn về việc sử dụng thuốc lắc, rồi đến ma túy đá, gần hơn là việc nhập lậu cây khat. Mới đây nhất là phát hiện hai loại ma túy cực độc đã có ở nước ta là *N-ethylpentylone* và *5FR-MDMB-PICA*.

Trước khi nói về *N-ethylpentylone*, xin nói về cây khat, một loại dược thảo nguy hiểm không kém thuốc lắc, ma túy đá đang du nhập lén lút vào nước ta. Nhà nước ta đã thu giữ hàng tấn cây khat được du nhập vào nước ta một cách bất hợp pháp. Đây là một loài thực vật có tên khoa học *Catha edulis*. Nó còn được gọi là cây Thiên đường vì có tác dụng khiến người dùng nó đang buồn bã bỗng trở nên yêu đời, vui vẻ. Nó có nguồn gốc ở các nước châu Phi và các nước Á Rập Trung Đông, được dùng để nhai từ hàng ngàn năm trước. Trong cây khat có chứa hợp chất alkaloid monoamine có tên cathinone.

N-ethylpentylone thực chất là một dẫn chất của cathinone, tức có cấu trúc hóa học tương tự như cathinone. Nó được tổng hợp vào những năm 1960. Hợp chất này có tác dụng giống như amphetamine (kích thích làm tỉnh táo, chán ăn, ảo giác...) nên có thể xếp vào ma túy kích thích, có tác dụng nguy hại không kém mà thực chất còn hơn thuốc lắc, ma túy đá. Nó đã thâm nhập và gây nghiện nặng ở các nước như Mỹ, Nam Phi, New Zealand và Úc. Đã có nhiều báo cáo về việc dùng quá liều *N-ethylpentylone* gây tử vong và gây tác hại rất nhiều về mặt xã hội.

Tác hại của thuốc phiện, heroin là người nghiện gây tội ác khi đói thuốc, họ làm bất cứ hành động gây hại ghê gớm nào đó để có tiền mua. Còn tác hại của ma túy tổng hợp kích thích, trong đó có ma túy mới là *N-ethylpentylone* là người nghiện gây tội ác khi no say thuốc, chính tác dụng kích thích tăng động, gây ảo giác của thuốc làm họ mất hết lý trí gây tội ác có thể tày trời.

Còn *5FR-MDMB-PICA* là gì? Đó là một chất thuộc nhóm cần sa tổng hợp. Trước hết, ta cần biết cần sa là

cây và lá một loại thực vật có tên khoa học *Cannabis sativa* họ *Cannabinaceae*. Người hút cần sa chủ yếu tìm ảo giác và kích thích. Hiện nay người ta biết rõ cần sa có chứa những chất gì. Có ba chất chính chứa trong cần sa là cannabidiol, cannabinol và tetrahydrocannabinol gọi chung là nhóm cannabinoid, là các hoạt chất chính gây tác dụng về mặt tâm thần, tức gây ảo giác. Khi bị ảo giác, người hút cần sa có cảm tưởng tay chân mình dài ra, vắn vẹo đi; hoặc nhìn cảnh vật xung quanh thì thấy hình dạng méo mó, cái gì xa trở thành gần. Đã có trường hợp người hút cần sa, trong cơn say thuốc, nhảy từ lầu cao xuống đất, chỉ vì anh ta từ trên cao lại có cảm tưởng mặt đất quá gần và hai cánh tay có khả năng vỗ cánh như chim! Đặc biệt, các cannabinoid có gây trạng thái được gọi là "giải thể nhân cách" (depersonalization): người say cần sa có cảm tưởng mình thành người khác, như trở thành siêu nhân, đáng cứu thế. Khi bị ảo giác như thế, người hút cần sa dễ bị kích động thực hiện những hành động gây rối loạn an ninh trật tự xã hội, tội ác nào cũng dám làm, kể cả tội giết người. *5FR-MDMB-PICA* là một chất thuộc nhóm cần sa tổng hợp, tức người ta dùng phản ứng hóa học để tạo ra nó có cấu trúc hóa học được gọi là một cannabinoid, và tác dụng gây ảo giác của nó có phần hơn hẳn cần sa. Người ta thường tẩm *5FR-MDMB-PICA* vào một loại dược thảo và dùng "cỏ" tẩm hóa chất này để dùng giống như dùng cần sa.

Khi tôi viết bài này thì có thông tin từ báo chí là ở nước ta đã du nhập và sử dụng lén lút "nấm thần" gây ảo giác. Thực chất "nấm thần" là một loại nấm có nguồn gốc từ một nước ở Trung Mỹ là Mexico, có tên khoa học *Stropharia mexicana* hoặc *Psilocybe pelliculosa*. Trong nấm này người ta trích ra hợp chất thiên nhiên có tên psilocybin gây ảo giác cực mạnh.

Tôi nhớ lại, đã lâu lắm rồi, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 không lâu, khi tệ nạn ma túy như có vẻ dẹp được rồi ở miền Nam nước ta, trong một bài viết cảnh báo về

ma túy tôi đã viết “Rồi đây thế giới có ma túy nào ở mình cũng có thứ ấy!”. Nay quả đúng như vậy.

Tại sao con người thích đắm chìm trong ảo giác?

Ảo giác là tình trạng có sự hư hỏng tạm thời về mặt ý thức đưa đến sự nhận định sai lệch, méo mó về không gian, thời gian. Có những chất từ lâu là ma túy loại mạnh nhưng gây ảo giác không nhiều, như thuốc phiện, heroin (bạch phiến, hàng trắng), cocain... Nay có những thứ gây ảo giác rất mạnh đang bị lạm dụng, đó là cần sa, thuốc lắc, ma túy đá, N-ethylpentylone, 5FR-MDMB-PICA, psilocybin...

Suy cho cùng, con người tìm đến và sử dụng chất gây ảo giác để đắm chìm trong ảo giác là nhằm đạt được thứ “hạnh phúc” mà cái tôi của con người tội nghiệp đó nghĩ tưởng. Cái tôi luôn luôn vận hành trong sự lo âu, sợ hãi, thất vọng, tức giận, đau khổ nên thường đồng hóa hạnh phúc là dục lạc, khoái cảm, là sự an bình giả tưởng trong cảm giác cảm xúc khi bất ổn. Thế là con người lao mình, đắm chìm trong ảo giác mà ma túy, chất gây ảo giác đưa đến. Đang nhìn cuộc đời màu xám xịt, nhờ chúng người ta nhanh chóng đạt được sắc màu, thần kinh được kích thích, có sự rối loạn trong suy nghĩ, cười không kiểm soát để thấy cuộc đời có màu hồng thật tươi. Rồi trí não bắt đầu bị ảo giác, mất các khái niệm về thời gian, không gian để thấy bản thân không còn sầu ải, khổ não nữa. Như nói ở trên, chất gây ảo giác có gây trạng thái gọi là “giải thể nhân cách” (depersonalization): Người bị ảo giác có cảm tưởng mình thành người khác, như trở thành siêu nhân, vị thánh, đấng cứu thế, làm thấy thiên hạ. Đối với nhiều người, cảm giác “trở thành siêu nhân, vị thánh, đấng cứu thế, làm thấy thiên hạ” cũng là một thứ “hạnh phúc”.

Đức Phật là bậc giác ngộ về sự khổ. Ngài khẳng định: “Mọi người bình đẳng với nhau về khổ và đều có thể tự đi, tự đến trên con đường giải thoát khỏi khổ”. Đức Phật không chỉ lý giải về nỗi khổ của chúng sinh mà còn chỉ ra con đường diệt khổ. Năm giới (ngũ giới cấm) được Đức Phật chỉ ra nhằm cho mọi người thấy các phương pháp sơ bộ cần thực hiện (cũng là sự lựa chọn cần thiết) để ngăn ngừa những điều ác phạm phải gây thiệt hại cho mình và cho người, và làm những điều thiện có lợi cho mình và cho người. Năm giới đó là: *Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu*. Năm giới rất cụ thể và tường chừng đơn giản, nhưng suy đi ngẫm lại là con đường hiệu quả thoát khổ, có thể tạo nên hạnh phúc cho mỗi con người, cho gia đình và cho xã hội.

Riêng giới thứ năm, vào thời Đức Phật sống, người ta chỉ chứng kiến tệ nạn nghiện rượu tàn phá thân tâm của nhiều người, đã làm bằng hoại hạnh phúc của biết bao gia đình. Khi đó chưa có các chất gây nghiện khác như ngày nay nên Đức Phật đã đề ra giới thứ năm là “Không uống rượu”. Trong thời đại ngày nay, rất cần mở rộng giới thứ năm là “Không dùng chất gây nghiện

và gây ảo giác”. Bởi vì không chỉ có rượu là chất gây nghiện mà nhiều chất gây nghiện khác như ma túy, các chất gây ảo giác đang làm khổ sở biết bao nhiêu con người. Nếu con người thấu hiểu và thực hiện ngũ giới cấm, và nhất là thấm nhuần thuyết vô ngã của nhà Phật thì không chạy theo “hạnh phúc” mà cái tôi của con người đó nghĩ tưởng. Làm sao người ta phục tùng cái tôi chạy theo dục lạc, ảo giác khi thấu hiểu đó chỉ là ảo tưởng, và sự thật chỉ là “vô ngã”?

Ảo giác là ảo tưởng liên quan chủ yếu đến cảm giác, cảm xúc, nhất là do dùng chất gây nghiện gây ra. Nhưng xét cho cùng, ở mức độ cao hơn liên quan đến nhận thức, suy tưởng, bao trùm tâm thức con người, đó là ảo tưởng. Đang đề nặng lên con người chính là ảo tưởng trong suy nghĩ, và rồi ảo tưởng trong hành động.

Theo triết lý Phật giáo, suy nghĩ hành động thường xuất phát từ vô minh, và nếu là vô minh sẽ chứa đựng những ảo tưởng bản chất là tham sân si, chúng chỉ gây nên phiền não. Do sự tương tác không ngừng của những ảo tưởng mà tạo nên, nảy sinh quá trình tạo ra bản ngã tức “cái tôi”. Nếu bạn xem xét nó sâu hơn, bạn sẽ thấy rằng mỗi cá thể con người chỉ là những ảo tưởng tạo ra ý thức của một nhân dạng gọi là bản ngã. Bản ngã chỉ là một loạt ảo tưởng giữ chặt những hồi ức mà con người trân trọng trong quá khứ, những dự phóng, kỳ vọng tươi đẹp về tương lai. Muốn tự hiểu được con người mình, bạn phải ý thức được về quá trình xây dựng cái bản ngã đầy ảo tưởng đó.

Krishnamurti, nhà hiền triết nổi tiếng của thế kỷ XX, có thái độ rất quyết liệt với những “ảo tưởng” của con người.

Thèm khát chân lý là một ảo tưởng. Krishnamurti cho rằng “Con người thèm khát chân lý, muốn vươn đến chân lý, muốn thu đạt chân lý trong tay, nhưng chân lý giống như ngọn gió, không thể bắt lấy nó, không thể cầm giữ nó trong nắm tay”. “Vậy thì đường nào đến chân lý?”, Krishnamurti lạnh lùng trả lời “Chân lý không có đường vào. Nó có ở đó cho ngài, hoặc ngài nhận lấy hoặc ngài bỏ đi”.

Con người cần hy vọng, cần niềm tin, nhưng Krishnamurti lại bảo hy vọng chỉ là ảo tưởng của một tâm trí cùn lụt chẳng biết phải làm gì với hiện tại; còn niềm tin chỉ là sự ám thị hoang tưởng. Con người chạy tìm tình yêu, nhưng Krishnamurti lại bảo tình yêu theo nhiều kiểu hiện nay chỉ là sự dối gạt, vì con người hiện nay chỉ biết bảo toàn cho cái tôi của mình.

Con người hỏi vậy phải làm gì, Krishnamurti lại nói chẳng cần làm gì cả ngoài việc nhận ra và hiểu biết, chính sự nhận biết thấu hiểu đã là hành động tích cực rồi. “Chân lý không mang lại hy vọng, nó chỉ mang lại sự hiểu biết”.

Trong triết lý Phật giáo, có phương cách nhận biết thấu hiểu ảo tưởng. Đó là tu tập chánh niệm, để có sự tỉnh giác, suy nghĩ sáng suốt, có thái độ đúng đắn trong mọi hành vi của con người. ■

Cơm Âm phủ

NGUYỄN VĂN TOÀN

Ở Huế có đặc sản ẩm thực du khách khó lòng có thể bỏ qua. Đó là cơm Âm phủ. Không những rất ngon miệng, chỉ riêng nguồn gốc kỳ lạ của đặc sản ẩm thực này cũng đủ làm cho du khách hiếu kỳ tìm đến để thưởng thức và... thán phục.

Cơm Âm phủ gồm nhiều nguyên liệu như thịt heo luộc, chả lụa Huế, trứng chiên, tôm, nem chua, dưa gang, cà chua, ngò... Đặc biệt, cơm là thành phần chính nên việc chọn gạo để nấu là rất quan trọng. Để cơm ngon phải chọn gạo thơm, mềm dẻo, chất lượng tốt. Sơ chế xong các phần trên thì ướp gia vị vào thịt heo bằng nước mắm, đường, bột ngọt, sả băm, dầu ăn, xì dầu, mè, muối; sau đó vắt ráo dưa gang dưa leo rồi ướp muối, đường, bột ngọt, tiêu, tỏi phi, nước cốt chanh và trộn đều để thấm gia vị; sau cùng, lấy đĩa trắng lớn xếp cơm ở giữa và để các nguyên liệu nói trên đã xắt thành sợi lên trên. Thực khách có thể ăn cùng với nước mắm tùy thích. Bên cạnh đó, một bát canh nóng để giải nhiệt cũng luôn được đặt sẵn một bên để du khách có thể dùng sau khi đã ăn xong đĩa cơm thơm ngon, bổ dưỡng.

Cơm Âm phủ tạo cho du khách một cái nhìn độc đáo về Huế bởi từ nguyên liệu đến khâu bày biện, trang trí đều mang tính thôn dã của dân gian vừa phảng phất phong cách cung đình. Và theo chuyên gia ẩm thực Phan Tôn Tịnh Hải, người làm món cơm Âm phủ tại TP.Hồ Chí Minh thì món ăn này còn dựa trên triết lý của Phật giáo. Đó là bảy màu sắc bày trên đĩa cơm tượng trưng cho bảy bước chân đầu tiên của Đức Phật.

Chuyện xưa được lưu truyền lại rằng: Vua Bảo Đại nhà Nguyễn là một vị vua mang phong cách rất "Tây" nên thường "vi hành" để xem xét đời sống của người dân. Trong một lần "vi hành", vua cảm thấy đói bụng và đã ghé vào nhà một bà lão xin cơm ăn. Bà lão tiếp đãi vua một đĩa cơm nóng với những thức ăn sẵn trong ngày hôm đó như dưa leo, rau cải, trứng, thịt... được thái sợi. Vua được bà lão mời ăn trên cái chõng tre với ánh sáng từ một ngọn đèn dầu. Ánh đèn dầu leo lét tù mù khiến vua cảm thấy hơi lạnh sống lưng. Nhưng do vua đi đường mệt, đói bụng nên vua ăn rất ngon miệng, không nề hà chi cảnh xung quanh nữa. Có lẽ đây là món ăn ngon nhất mà vua được ăn vì vua ăn

không sót lại tí nào. Ăn xong, khi ra về, vua mới thấy nhà bà lão nằm trên một bãi đất bị sụp xuống, giống như bị sụp xuống âm phủ. Vua cảm thấy sự việc này quả là không bình thường nên muốn mau chóng rời đi nhưng lòng vẫn luyến tiếc món ăn ngon miệng này.

Khi về cung, chán ngán sơn hào hải vị, vua lại nhớ đến món ăn lúc trước trong dân gian. Do đó, vua ra lệnh mở cuộc tuyển chọn các đầu bếp trong kinh thành để vào cung chế biến món ăn này cho vua. Và ông Tổng Phước Kỳ, qua những gì vua miêu tả lại, đã chế biến thành công món ăn kỳ lạ này và trở thành đầu bếp trưởng của vua.

Sau này ông Tổng Phước Kỳ được vua Bảo Đại cho rời hoàng cung nghỉ ngơi vì tuổi già sức yếu. Đến lúc ấy, ông quyết định mở một quán ăn bán độc nhất món ăn cung đình này để cho thiên hạ có dịp được thưởng thức. Bởi trước đó, món ăn độc đáo này vốn chỉ có vua Bảo Đại thưởng thức nhưng gốc gác của nó lại thuộc về... dân gian.

Quán dựng lên ban đầu chỉ với bốn cái cọc tạm bợ, được lợp bằng tranh tre nửa lá, tường được làm bằng phen đất. Vào quán chỉ độc nhất cây đèn dầu hắt ra ánh sáng tù mù giữa đồng không mông quạnh nên những người mới đến ăn lần đầu thường cảm thấy nổi gai ốc như đang lạc vào cõi âm ty. Bởi thế, mới có câu truyền khẩu ở Huế:

*Cơm chi mà tối mò mò
Ma kêu quỷ khóc mịt mờ âm ty
Nghe đồn cũng thử mà đi
Té ra cũng chẳng khác chi dương trần.*

Tên quán cơm Âm phủ có lẽ bắt nguồn từ đây.

Quán Âm Phủ thuở đầu đã bán một thứ cơm "thập cẩm" trộn trong đủ thứ thức ăn chế biến sẵn được xắt nhỏ như nem, chả, thịt, nường, tôm chấy, thịt heo, dưa gang, dưa chuột bóp... ăn với cơm nấu bằng gạo ngon và nước mắm. Cháo hằm ăn kèm là cháo nếp hằm với giò, một món mà khách chơi khuya rất ưa thích để bồi bổ lại sức khỏe. Bởi thế, người xưa đã tán tụng rằng:

*Quán cơm Âm Phủ tối mò
Tao nhân mặc khách cũng bỏ tới nơi
Cơm chi ngon lạ khác đời
Ăn đâu sướng đó, tuyệt vời trần gian.*



Thực khách của quán ăn kỳ lạ này là những loài “chim ăn đêm” thời đó, nghĩa là những cô gái “ăn sương” của khu Đất Mới. Khu Đất Mới là vùng ngoại biên hẻo lánh về phía Đông của Tòa Khâm (Đại học Sư phạm Huế ngày nay) và Sở Mật thám với những đồn lính Tây, lính Khố Đỏ, lính Khố Xanh, lính tập, lính kèn... Do đó, Đất Mới trở thành khu chứa gái điểm để cung ứng “nhu cầu”. Khách của các gái điểm cũng vì thế chủ yếu là lính tráng, đa phần là lính Pháp. Bởi thế mới có câu:

Chín giờ kèn thổi “cu-sê” (coucher: đi ngủ)

Thôi em ở lại, anh về “áp-bên” (appel: điểm danh)...

Và do sau những lần truy hoan tốn rất nhiều sức lực nên những tay chơi này có nhu cầu ăn uống để lại sức. Đối với gái làm nghề “vợ của thiên hạ” thì điều này càng cần thiết hơn. Và món cơm Âm phủ với đầy đủ chất dinh dưỡng, đầy đủ mùi vị đã được những thực khách đang mệt mỏi người này vô cùng hài lòng. Chính vì vậy, cơm Âm phủ đã trở thành món ăn hằng đêm của những bầy ong bướm này.

Ngoài ra, khách của quán còn có những người kéo xe, những người nhân công bốc xếp, những nghệ nhân lang thang đồn ca xướng hát, những con buôn tứ xứ, những con bạc hoặc những người đi xem phim ở rạp về khuya đói bụng. Họ là sản phẩm của một xã hội thời Tây đô hộ với nét cơ cực, lang bạt, chẳng buồn nghĩ đến ngày mai.

Bởi thế, Huế xưa đã có câu về:

Kể từ ngày thất thủ Kinh đô

Tây qua giảng dạy thép, họa địa đồ nước Nam

Lên Dinh, ở tới Tòa Khâm

Chén cơm Âm phủ, áo đầm mỡ hôi!...

Bà Tống Thị Lan, hậu duệ của ông Tống Phước Kỳ, kể lại rằng: “Lần vua Bảo Đại tuyển chọn đầu bếp giỏi, cố nội tôi vì chế biến được những món ăn mà vua ưa thích nên đã được vua cử làm bếp trưởng. Được xuất cung, với mong muốn để nghề không bị thất truyền, cố tôi đã truyền lại cho con cháu và lưu truyền đến bây giờ”.

Nhà nghiên cứu Trần Đức Anh Sơn đã nhận định rất đúng về vị thế của quán cơm Âm Phủ: “Cách đây mấy mươi năm, ở xóm Đất Mới có một quán cơm được làm bằng tranh, tre, nứa, lá và chỉ phục vụ những trai tài; gái sắc sau cuộc chơi đàn ca, xướng họa, hay sau những giờ hoan lạc người ta cần một món ăn gì đó để lót dạ đợi tiếp tục cuộc thi. Lâu dần, xóm Đất Mới không còn khách nữa, khách chơi cũng hiếm lúc về đêm, nên “Quán cơm Âm Phủ” không chỉ bán đêm mà thường xuyên phục vụ cho những ai cần một bữa cơm bình dân ngon và rẻ”.

Đúng như nhận định trên, vào năm 1936, khi Sân vận động Bảo Long tổ chức trận chung kết Giải Bóng tròn Đông Dương thì quán Âm Phủ bấy giờ đã trở thành ngôi nhà ngói khang trang, làm nơi ăn uống giải khát bình luận sôi nổi của những người hâm mộ thể thao hay của dân cá độ. Cùng với đó, những nhà chứa ngừng hoạt động. Cái không khí u tối tịch mịch của quán cơm Âm Phủ ban đầu đã biến mất hẳn với đèn điện sáng choang.

Ngày nay, quán cơm Âm Phủ vẫn còn. Nó tồn tại ở ngay chính địa điểm ban đầu và nằm sát Khách sạn Thiên Đường, đường Nguyễn Thái Học, TP.Huế. Bởi thế hiện nay ở Huế còn có câu:

“Ăn cơm Âm phủ, ngủ Khách sạn Thiên Đường”. ■

** Ảnh của tác giả*

Người thầy giáo đang tri

CHRIS BARTHOLOMEW
VŨ KỲ XƯƠNG dịch

Tôi vẫn nghĩ rằng việc tôi là đứa con trai út trong gia đình chẳng bao giờ là sự thuận lợi cho cá nhân tôi. Có lẽ cha mẹ tôi đã quá ngăn việc phải vượt ve một đứa con nít kêu khóc suốt đêm trong lúc cố gắng dỗ dành cho nó ngủ lại bằng những lời ru dịu dàng. Rõ ràng là hai ông bà đã phải sống như vậy trong suốt hai năm liền trước lúc tôi ra đời, khi ông bà vẫn còn phải nuôi dưỡng đứa con đầu lòng của hai người, tức ông anh trai cả của tôi. Đến lượt tôi, có vẻ như mẹ tôi chỉ việc nghe theo lời khuyên của một bà bạn lớn tuổi. Có người đã cho rằng chính lời khuyên của người bạn lớn tuổi ấy khi mẹ tôi phản nản về việc tôi cứ kêu khóc suốt đêm đã làm thay đổi hoàn toàn cuộc sống của tôi. Quả thực, ngay khi mẹ tôi phát vào mông tôi hai cái, tôi đã chấm dứt việc kêu khóc ngay giữa đêm ấy.

Tôi chẳng bao giờ có thể hỏi lại mẹ tôi để biết rằng bà đã vỗ vào mông tôi mạnh đến mức nào, nhưng thực tế là suốt quãng đời sau đó tôi chẳng bao giờ khóc nữa. Khi lớn lên, lúc mới trở thành một thanh niên, tôi đã nhận biết rằng mình chẳng thể nào khóc được, nhưng thay vào đó, tôi lại có một tật; đó là tôi dễ dàng quên bém những chuyện rất quan trọng vào thời điểm tệ hại nhất có thể xảy ra. Nhưng tôi lại không bao giờ quên việc tôi đã làm khiến tôi phải bối rối ngượng ngùng đến như thế trong lúc tôi dạy học ở Thái Lan.

Ngay khi tốt nghiệp một trường đại học tư mở ra trong tỉnh nhà, tôi nhận được một việc làm với tư cách giáo viên dạy tiếng Anh tại một trường trung học công lập. Lương bổng chẳng bao nhiêu nhưng công việc nhàn nhã. Một trong những nhiệm vụ của tôi là phải thu tiền của học sinh để nhập tài liệu giáo khoa từ nước ngoài. Giá trị bằng tiền của hai trăm bộ sách giáo khoa là cả một gánh nặng trên đôi vai tôi. Vào lúc ấy, tôi nghĩ rằng giải pháp hay nhất là nhờ một số học sinh thu tiền, cho đến khi mỗi em học sinh đã đóng đủ tiền phần tiền của mình rồi, thì các em được tôi nhờ thu sẽ mang tiền đến để tôi giữ cho đến khi việc chuyển tiền hoàn tất. Nhưng tôi đã phạm phải sai lầm.

Hôm ấy tôi về nhà trên một chuyến xe khách đầy người. Một tay xách chiếc cặp da chứa đầy tiền còn tay

kia xách một cái túi thuộc loại giỏ mua hàng, tôi cảm thấy may mắn khi tìm được trên xe một chỗ trống vừa ý - tôi thích được ngồi gần cửa sổ. Nhưng khi chiếc xe khách đến trạm dừng ở gần nhà, tôi vội vàng ra khỏi xe mà chỉ mang theo cái túi chứa những vật dụng cá nhân. Khi tôi nhận ra điều mình vừa làm thì đã trễ. Chiếc xe khách đã đi mất, chiếc cặp da của tôi đã mất, và số tiền để nhập tài liệu giáo khoa cho học trò cũng đã mất.

Tôi nhận biết một thực tế là bằng đồng lương của mình, cả mười năm nữa tôi cũng không kiếm đủ số tiền đền cho trị giá hai trăm bộ sách giáo khoa ngoại nhập; nói gì là chỉ trong vài ngày. Tôi đã nghĩ đến việc mua xổ số bằng tất cả số tiền tôi còn giữ được trong tài khoản ngân hàng của mình, nhưng tôi chưa bao giờ là con người may mắn cả. Hầu như chẳng bao giờ những ngôi sao chiếu mệnh của tôi toả sáng, nói chi những ngôi sao ấy lại toả sáng vào đúng lúc tôi cần! Lựa chọn duy nhất của tôi để có được số tiền khổng lồ ấy ngay lập tức là phải vay từ những con người hết sức nguy hiểm, những kẻ có các hoạt động kinh doanh phát đạt đáng ngờ vực.

Vấn đề là sau khi vay được số tiền ấy, tôi đã lâm vào một tình thế còn tồi tệ hơn là hoàn cảnh của mình trước đó. Lãi suất mà tôi phải trả cho khoản tiền vay mỗi tháng mỗi tăng. Lương tháng mà tôi nhận được từ trường trung học chỉ đủ để tôi trả được tiền lãi hàng tháng. Tôi cũng sớm nhận thức rằng với nhịp điệu này, tôi chẳng bao giờ thanh toán được khoản nợ của mình.

Biết được tình trạng túng quẫn của tôi, một người bạn rủ tôi sang Thái Lan dạy tiếng Anh cùng với anh ấy. Cho nên, nhân ba tháng nghỉ hè, tôi đã vay, ở cùng những người chủ nợ mà tôi đã biết rằng họ là những nhân vật nguy hiểm, một khoản tiền vừa đủ cho phép tôi mua một chiếc vé máy bay khứ hồi đến Thái Lan. Tôi hy vọng rằng ở đó tôi có thể kiếm được đủ số tiền mà tôi sẽ phải trả.

Chiếc máy bay hạ cánh xuống phi trường quốc tế Suvarnabhumi ở Bangkok sau một chuyến bay kéo dài suốt mười một tiếng đồng hồ không nghỉ. Người bạn đã tìm được cho tôi một chỗ dạy học tại một ngôi trường Thiên Chúa giáo ở Chonburi. Thế nhưng tôi lập



tức nhận biết rằng với chi phí sinh hoạt cộng thêm rất nhiều điều hấp dẫn mà đất Thái Lan mang lại, từ những thức ăn tuyệt vời đến những cô gái ngon mắt, tôi chẳng thể nào thanh toán cho những người chủ nợ những khoản tiền đã vay trong khoảng thời gian sớm nhất như tôi mong muốn. Vậy là tôi tìm thêm một vài công việc tại những trường dạy ngoại ngữ khác vốn đang cần giáo viên tiếng Anh. Sau một hai tuần lễ gì đó, tôi nhận được một cuộc điện thoại cho phép tôi tin tưởng trở lại những triển vọng về cuộc sống tương lai của tôi ở quê nhà. Tôi được giao công việc dạy tiếng Anh ngoài giờ tại một trung tâm ngoại ngữ nổi tiếng.

Sự thể diễn ra đã là như vậy đó. Các lớp học mà tôi phải đảm trách vào những ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần suốt từ sáng sớm cho đến chiều tối sẽ bảo đảm cho tôi một cuộc hồi hương an toàn và thành công.

Vào buổi dạy cuối tuần đầu tiên của tôi trong công việc phụ trội này, trước khi cho các học viên ra về sau

buổi học kéo dài suốt hai tiếng đồng hồ, tôi hỏi: "Quý vị còn câu hỏi nào nữa không?".

Một người phụ nữ, ở quãng tuổi ngoài bốn mươi, gơ tay và nói: "Thưa thầy, chắc sáng nay thầy vội lắm, phải không ạ?".

"Quả thực là tôi rất vội", tôi trả lời, và hỏi lại, "Thế sao chị biết?".

"Tại tôi thấy thầy quên kéo khoá quần". ■

Nguyên tác: *An Absent-minded Teacher*, Chris Bartholomew.

Tác giả: *Chris Bartholomew* là người chủ trương một tạp chí mạng toàn cầu (web-zine) có tên *Static Movement*, chuyên phát hành những bài viết ngắn mang tính tưởng tượng nặng phần hài hước và kinh dị. Nhiều bài viết về sau được in thành sách dưới dạng tuyển tập truyện ngắn thông qua cơ sở Amazon.

Nguồn: <http://www.staticmovementonline.com>.



Chiều mưa nhớ mẹ

TRẦN THÁI HỌC

Thơ ngây

PHAN THÀNH MINH

Vàng vớ nhớ những mùa thương cũ
Buồn luênh loang mắt biếc xa trường
Xếp vào dần phai lời tình phụ
Qua cầu lắt léo nặng nhớ thương

Mất kịp ướt nhoè trang lưu bút
Đường phượng rơi buốt những lạc loài
Về đâu nắng ngập ngừng chân bước
Dùng dằng chỉ nữa phơi phai

Khoác yên bình lên nỗi đau dài rộng
Đề trẻ trung màu cỏ phía chân trời
Gieo xuống mai sau tin yêu hy vọng
Đề nhú mầm những tiếng cười vui

Ngày đã giận... thôi mang hình dấu hỏi
Phượng đang tàn... hạ có tiếc gì không
Vẫn tươi rói một thời mê mãi
Tại thơ ngây đâu phải tại lòng.

Hãy chung tay

NGUYỄN CÔNG KHANH

Mong cho bão dữ qua mau!
Đồng bào đỡ khổ, lao đao chuỗi ngày...
Hàng năm ảnh hưởng thiên tai
Lũ dòn, bão đập - Tội thay dân lành!
Xin chung những tấm lòng thành
Tiền, hàng... cứu trợ ta dành cho nhau
Tình dân tộc - Nghĩa đồng bào!
Lá lành xin hãy trùm vào lá toi.
Chung tay chia sẻ người ơi!
Miếng tình khi đói gấp mười gói no...

Chiều buồn lơ lửng xuống thị thành
Con mưa nặng hạt trông thành hanh hao
Đạp xe giữa trận mưa rào
Bồi hồi nhớ mẹ làm sao cho vừa
Giờ này mẹ có ngủ trưa
Hay là công nắng, gánh mưa trên mình
Nhớ sao là nhớ bóng hình
Mẹ đi cấy lúa lội sinh trong mưa
Ông trời cứ khóc dây dưa
Tấm lưng cong quặp vẫn chưa chịu về
Áo bà ba ướt đầm dề
Đôi môi tái lạnh chẳng hề thở than
Thương sao cuộc sống lắm than
Bữa cơm đạm bạc đợt lang, đợt bầu
Tương chao mặn nỗi lo âu
Khoét vào tim mẹ - hố sâu cuộc đời
Con vào đại học thành thoi
Mẹ hôn lên tóc trăm lời nhớ thương
Con đi mộng tưởng con đường
Mẹ về tối mịt con mơ mưa dầm
Gián nan mẹ vẫn âm thầm
Nuôi con ăn học bao năm mệt nhoài
Mẹ ơi gắng ở ngày mai
Con xây hạnh phúc, lâu dài yêu thương.

Thăm em

LÊ KIM PHƯỢNG

Hôm về gõ cửa nhà thăm
Em quên người cũ ngỡ lắm kẻ gian
Quay lưng buồn thấu tâm can
Chuông công phu đổ cò sang sông chiều
Người buồn cảnh cũng đau hiu
Quanh tôi một khối tịch liêu ứa sầu
Mây trời lững thững về đâu
Về đâu nước chảy qua cầu ngắn ngủi
Chuyện xưa thành chuyện thờ ơ
Hỏi em, em cũng hững hờ mà thôi!

Ngỡ rằng...

VĂN NGUYỄN AN KHÊ

Ngỡ rằng chẳng nhớ nhung nhau
Thời gian khuất lấp cũ nhàu lãng quên
Người về lối vắng chông chênh
Để ai tơ tưởng bất đèn ngày xưa

Ngỡ rằng chiều ấy không mưa
Con đường ướt đầm thiếu thừa ngày sau
Người về lối cũ xanh xao
Cho ta ôm mộng với màu thời gian

Ngỡ rằng mây gió lang thang
Bờ vai đơn lẻ lỡ làng bến quê
Đò chiều chờ sóng theo về
Mái chèo nhịp lối kéo lê phận mình

Ngỡ rằng phía ấy bình minh
Đem hong nỗi nhớ ướm tình lên men
Chân trần lạ lẫm vết phèn
Cuộc tình đã vỡ ngọn đèn phố xa...

Thoáng hình bóng mẹ

NGUYỄN TỪ

Hôm qua chứng giấy phùng nhà
Ngồi chờ đến lượt, cụ bà bước vô
Tay run cầm xấp hồ sơ
Nhưng... sao, rồi lại bơ vơ ra về?!
Thương thay nét mặt nào nề
Cụ bà thất vọng, lê thê bước dần
Chao ôi! Mẹ đã biệt trần
Sao hình bóng mẹ tần ngần đâu đây? ⁽¹⁾
Bâng khuâng lệ ẩm chảy dài
Lâu rồi nay gọi... lòng đầy thương đau!
Mẹ ơi! Giờ cách biệt nhau
Đôi bờ trần - giác làm sao tỏ bày?!
Chiều nay thương nhớ đông đầy
Ở nơi đâu đấy có hay, mẹ hiền?!

Với thu

PHẠM ÁNH

Với thu lá rụng lối mòn
Đong đưa cành trúc ai còn nhớ ai
Cúc vàng rắc nhẹ nắng mai
Để thương để nhớ ai cài gió nghiêng.

Với thu sông nước hồn nhiên
Trời xanh ngả bóng nổi niềm trong tôi
Sông quê bên lở bên bồi
Nôn nao ánh mắt nhớ người thu xưa.

Mơ màng lấm tấm hạt mưa
Tiếng chim bịn rịn như chưa rời chiều
Vùng trắng gác núi hiu hiu
Với thu lối cũ rong rêu đượm tình.



Niềm tin

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Tôi quen với chị khi bắt đầu vào làm việc ở công ty mới. Chỉ với một ánh nhìn, một nụ cười và đôi lời chỉ dẫn, chị bỗng chốc trở thành thần tượng của tôi.

Tôi còn nhớ như in, ngày đầu tôi mới nhận việc, công việc trái ngành khiến tất cả với tôi đều xa lạ mà lại được chị hướng dẫn tận tình, tôi đã ngây ngốc hỏi chị:

- Sao chị lại bày tất cả cho em như vậy? Chị không sợ mất hết nghề à?

- Cô bé này hỏi lạ. Nếu em sớm giỏi việc thì chị vừa nhàn mà em cũng không làm sai, ảnh hưởng đến thành quả của tổ.

Công việc mới đối với tôi là rất nhiều trở ngại. Một cô bé học Sư phạm Văn, từng được tôi luyện suốt mấy năm trời ngập trong những mơ mộng, bỗng chốc hàng ngày đều phải đối diện với máy tính và những con số. Tôi những tưởng mình sẽ chẳng bao giờ quen được với công việc mới khi áp lực đè nặng lên vai tôi. Nhưng suy nghĩ về kế sinh nhai luôn làm tôi phải hết sức cố gắng. Vào lúc công việc mới gắn liền với những bờ ngõ hoàn toàn mới, lúc nào tôi cũng phải hỏi "tại sao?". Suốt thời gian ấy, hầu như chị luôn ở bên cạnh để dìu dắt và động viên tôi:

- Cố lên nhỏ, việc gì cũng có những bước đầu tiên.

Phải nói, đầu bấy giờ tôi đã va chạm rất nhiều với thực tế cuộc đời, trong lòng tôi vẫn tin chị bằng trọn vẹn tấm chân tình. Được cái tôi học nhanh, nên chẳng bao lâu những bước cơ bản tôi dần thuần thục, cũng đỡ việc cho chị được phần nào. Nói không ngoa, với một cô bé nhút nhát, bước vào một công ty xa lạ, với công việc mới mẻ và những người đồng sự chưa hề quen biết thì một trái tim ấm nóng là tất cả những gì cô bé ấy cần. Tôi quần quýt bên chị và mỗi ngày đối với tôi đều là những ngày tuyệt vời khi tôi có một người để mà tin, để mà thương.

Lâu dần tôi cùng mấy chị em trong công ty bắt đầu thân nhau hơn, hay đi ăn chung với nhau, tôi dần quen thuộc với mọi người nhưng tôi vẫn đặc biệt thân thiết với người đầu tiên đã kiên nhẫn dìu dắt chỉ bảo tôi. Chị nhỏ bé, kiên cường và hay cười, đặc biệt là chị có giọng nói ngọt ngào thích hợp với dịch vụ.

Tôi tiến bộ trong nhận định của mọi người và bắt đầu chia sẻ công việc với chị nhiều hơn. Thực tâm

trong lúc ấy tôi chỉ nghĩ đơn giản là tôi có thể đỡ đần cho người giúp đỡ mình vì chị và tôi làm việc cùng một bộ phận mà chị là tổ trưởng, là người phụ trách.

Đó cũng là lúc mọi thứ bắt đầu đổi thay. Khi chúng tôi đi ăn, có một chị hay nói với tôi:

- Cô bé này học việc nhanh đấy chứ. Mới hơn non tháng mà cơ bản đã vững rồi. Chắc cũng nên bày cho cô ấy thêm mấy cái nâng cao.

Nghe thế tôi vui, nhưng chị thì khác. Nụ cười trên gương mặt chị, vẫn điệu cười ấy, vẫn nụ cười lúc nào cũng có thể nở ra được ấy, nhưng lúc ấy lại là một nụ cười vô hồn. Cho đến bấy giờ, tôi vẫn luôn ngưỡng mộ chị: công việc thuần thục, quen biết nhiều khách hàng, gặp những chị đại lý, chị ấy luôn tự nhiên trò chuyện và cười nói thoải mái. Tôi cũng khao khát được như thế, nhưng quả tình tôi không hề có ý định giành được vị trí ấy. Nhưng tôi nhận ra rằng chị bắt đầu giao cho tôi nhiều công việc cơ bản hơn; và khi tôi có ý định tìm hiểu thêm những vấn đề nâng cao, chị đã gắt với tôi:

- Em cứ làm xong việc của mình đi đã.

Ngay lúc ấy tôi nhìn chị đã khác. Nhưng khi tôi báo cáo đã hoàn tất phần việc được giao, chị lại cười hiền:

- Giỏi lắm, có tiến bộ đấy, giải quyết rất nhanh.

Nghe những lời ấy, tôi lại tự huyễn hoặc mình rằng chị vẫn như hôm nào.

Một hôm, có một chị đại lý mang hồ sơ tới thanh toán. Khi tôi còn đang miệt mài với đồng giấy tờ thì nghe tiếng chị đại lý cười và bảo:

- Cô tổ trưởng ngày càng giỏi, giải quyết hết mọi việc thật nhanh. Cả đồng hồ sơ đó, cô đã làm xong cho chị rồi hả?

Tôi ngược lên và thấy chị gật đầu mà không nhìn chị đại lý. Thay vào đó, chị lại đưa mắt nhìn tôi như có gì đó ngại ngùng. Cũng chẳng có gì lạ, đồng giấy tờ mà chị đang cầm trên tay để giao cho chị đại lý, mới hôm qua tôi thức trắng đêm để làm...

Một chị trong công ty bảo tôi:

- Em còn non lắm, bị con Tuyết lợi dụng mà chẳng hay. Nó, từ hồi nào tới giờ, toàn giao cả đồng việc cho người mới quen làm rồi giành công đấy.

Tuyết là tên chị tổ trưởng của tôi.

Tự nhiên, tôi cảm thấy phải bênh vực chị:

- Chị cứ đùa, em thấy chị Tuyết rất tốt. Chị ấy chỉ vẽ cho em rất nhiệt tình.



- Thế là em còn chưa biết đấy thôi. Chỉ vẽ nhiệt tình là để em làm thay nó. Chứ em cứ thử hỏi nó mấy cái cao hơn xem, nó không chỉ đâu, sợ bị đe dọa vị trí đấy.

Tôi không phải là người dễ bị lung lạc nhưng cũng đủ trưởng thành để nhận ra tất cả những điều tôi vừa được nghe có nhiều phần sự thật. Tôi chôn vùi cú sốc đầu tiên trong những ngày miệt mài học hỏi những kỹ thuật khó hơn từ những người khác. Tôi không thường xuyên hỏi han công việc ở chị nữa; thay vào đó, tôi bắt đầu tìm kiếm trong những trang sách kỹ năng và mở rộng giao tiếp với đại lý. Trong thâm tâm, tôi không hề trách chị mà chỉ mỉm cười, lấy đó làm bài học cuộc đời, vì lẽ chẳng ai muốn vị trí của mình bị đe dọa.

Lại một hôm, trong lúc giải quyết thủ tục hoàn tiền cho đại lý, tôi nhớ loáng thoáng rằng trường hợp tôi đang xử lý thì sẽ được giải quyết ở mức như vậy nhưng không chắc chắn lắm nên tôi hỏi chị; chị xác nhận con số mà tôi nêu ra và cứ để mặc tôi giải quyết xong hồ

sơ. Thế nhưng sau đó một ngày, chị làm như sức nhớ và nói lại với tôi rằng hồ sơ hôm trước tôi đã giải quyết sai. Thực ra, con số sai sót chẳng đáng là bao và do chị là người trực tiếp thanh toán với đại lý nên chị có thể tạm thời chiếm dụng khoản tiền ấy nhưng trước sau chị cũng phải trả lại. Thế nhưng cách xử sự của chị làm tôi đau xót, vì chị là người đã từng nắm vững vấn đề, chị không thể nhầm lẫn như vậy được.

Không lâu sau đó, công ty phát hiện thất thu một khoản mà chị là người chịu trách nhiệm. Vì việc này, chị bị chuyển qua làm việc ở một chi nhánh khác. Người ta mỉa chị:

- Qua đó làm cho tốt. Xem lại cách sống của mình đi. Sao mà uống nước để ruồi bầu đầy lý.

Nghe được những lời điều tiếng đó, chị chống chế:

- Tại đó là mấy con ruồi đục, chúng mê em đấy mà.

Thế là chị đi còn tôi ở lại, nhờ thế mà nghe được nhiều chuyện về chị hơn. Một cô đồng sự huych toẹt:

- Bà Tuyết là người lụy tình. Bà có thằng người yêu mà nó cứ chực bỏ bà, bà phải năn nỉ van xin miết nên cần tiền. Vì thế mà phải tìm cách ăn chặn của công ty. Tiền tuy ít nhưng quyết định nhân cách một con người.

Bằng đi ít lâu, tôi lại có dịp gặp chị. Hai chị em ngồi quán cafe góc phố dưới tán liễu đang đu đưa những điệu buồn. Trời đứng gió và không khí nóng hầm hập. Hai tách cafe phin cũng lặng lẽ nhỏ những giọt buồn đen. Tôi hỏi:

- Chỗ làm mới tốt chứ chị?
- Hơi gắt, em à, cứ như tội phạm.

Nghe chị trả lời như vậy, tôi thầm nghĩ: "Vì đâu nên nỗi? Chẳng phải vì...", nhưng tôi không nghĩ tiếp.

- Em làm việc có được không? Có cần gì cứ hỏi chị nhé!
- Vâng, em làm việc cũng trôi chảy. Điều gì không biết, em sẽ hỏi.

- Em có giận chị không?
- Chuyện gì chị?
- Em biết mà.

- Em chỉ thất vọng chứ không giận chị. Cuộc đời mà. Nỗi đau nào cũng nguôi.

Chị không cười nữa, tay khuấy nhanh những muỗng đường vào ly.

- Chùng nào chị cười?
- Bỏ rồi em à.
- Ờ, sao vậy?
- Tiền không đủ.

Nói rồi chị cười nắc nẻ, điệu cười chẳng còn trong veo như trước kia nữa.

- Ngày trước vì anh ta, chị làm tất cả, kiếm tiền bằng nhiều cách, đôi khi làm những điều sai nữa. Cũng chỉ vì muốn giữ tình yêu bên mình, đâm đầu vào yêu dù biết là sai.

Tôi không nhìn chị mà hớp lấy ngụm cafe đen không đường. Đắng đắng nhưng trải nghiệm. Tôi thấy như có cả một khoảng trời trước mặt. Cái cách mà chị yêu, nó sai, vì nó sai ngay từ lúc đầu nên chị cũng hành động dần sai quấy. Tuy nhiên, chị yêu thật lòng; và tình yêu thật lòng thì khi nào mà chẳng cao quý, có chăng chỉ là chị yêu sai cách và chọn cũng nhầm người.

- Nhà chị nghèo, cái thiếu thốn để sinh ra những ham muốn tầm thường...

- Và ngược lại...

- Ừ thì ngược lại, nhưng nó không đúng với chị.

- Chị...

- À chị hiểu mà, giờ chị nhận ra đã sai rồi, những thứ quý giá nhất luôn có được khi chúng ta bỏ công sức ra để mà làm.

- Chị nghĩ được thế là tốt rồi. Rồi người ta sẽ lại yêu quý và xem trọng chị.

Một nhành liễu rơi trước mặt chị, cốc cafe bỗng thành dang dở.

Bữa sau tôi đi làm, nghe thiên hạ lại kháo nhau:

- Con Tuyết nó chia tay người yêu rồi đấy.

- Hết tiền thì hết tình. Lẽ tất nhiên.

Tôi không hưởng ứng cũng không bình luận gì. Buổi chiều về nhà, tôi liên lạc với chị qua messenger:

- Chị bày em cái này với...

- Cái nào em...

Tự dưng tôi thấy ấm lòng. Quá khứ là điều người ta khó lòng chối bỏ; và điều không may là đã lỡ tạo nên cái quá khứ lầm lạc đó. Tôi vẫn yêu thương chị vì tôi là kẻ có những tin yêu hơi mù quáng và luôn trân trọng những thứ là đầu tiên.

Thỉnh thoảng tôi vẫn phải nghe người ta nói về chị, về cái cách mà chị sống, về cái điệu mà chị cười, về những hành động sai lầm của chị, tất cả đều khiến người ta đem ra làm đề tài phiếm để mua vui.

Riêng tôi, nghe những điều ấy tôi cũng cười, nhưng điệu cười tôi nhạt thếch, vì với tôi, bằng một lẽ nào đó, con người ai cũng có cách sống của mình, và chỉ cần không làm tổn thương đến tôi, tôi đã dành cho một phần của trái tim. Hơn nữa với những người nhận ra sai lầm của mình, những người vấp ngã rồi đứng dậy, tôi thấy trân trọng hơn rất nhiều. Cũng chẳng phải vì tôi chẳng quan tâm thế sự, cũng chẳng vì lẽ tôi đứng vững với những điều xung quanh. Nhưng bởi bằng một lý do nào đó mà tôi chẳng giải thích được, tôi thấy chị chỉ đang cố gắng sống vì chị, như hầu hết mọi người. ■





Chùa Phật ở xứ đạo Hồi

HỒ ANH THÁI

Xứ vạn đảo Indonesia có cộng đồng Hồi giáo đông nhất toàn cầu, nhưng ở nơi ấy lại có ngôi chùa Phật lớn nhất thế giới. Ngôi chùa được xây dựng trong một thế kỷ, ngay sau khi hoàn tất vào thế kỷ IX thì bị bỏ quên trong rừng sâu gần một nghìn năm, mãi đến thế kỷ XIX mới được phát hiện lại.

Mười tầng đến cõi Niết-bàn

Nhắc đến Indonesia, du khách thường gọi ngay ra cái địa danh đầu tiên: Bali. Đây là thiên đường nghỉ dưỡng với bãi tắm trải dài dọc theo bờ biển, với những ngôi đền cổ kính hấp dẫn mắt nhìn.

Nhưng du lịch văn hóa và tâm linh thì lựa chọn số một lại là Borobudur, quần thể chùa Phật đồ sộ nhất thế giới. Phần nhiều du khách nước ngoài cho rằng chưa đến Borobudur thì coi như chưa đến Indonesia. Cuối năm 2015, ông Bộ trưởng Du lịch nói: Indonesia không chỉ có Bali. Một câu nói hàm ý chỉnh sửa sự ngộ nhận của du khách.

Bây giờ ta hãy đến với ngôi chùa Borobudur xây bằng đá xanh và sa thạch. Hùng vĩ và gây choáng ngợp. Ở nơi Phật đản đạo dưới gốc bồ-đề xứ Ấn Độ có ngôi chùa Bodhgaya cao 55m, cao nhất thế giới, nhưng độ lớn của quần thể thì phải nhường cho ngôi chùa Borobudur này. Chùa cao 42m, được xây bằng hai triệu khối đá. Ảnh chụp từ trên cao cho thấy toàn thể ngôi chùa được thiết kế như một mandala mê cung linh thiêng với chín tầng: sáu tầng dưới là sáu cái sân hình vuông, ba tầng trên là ba sân hình tròn, trên cùng là một bảo tháp hình chóp tròn, tượng trưng cho cõi niết bàn trên cao. Toàn bộ mười tầng chùa là chính đạo mười chặng dẫn đến niết-bàn.

Vẫn là những con số: 432 pho tượng Phật đặt trong những bảo tháp tròn có chóp nhọn, 72 tượng Phật trong những hốc tường trên cao. Bảo tháp stupa không phải là khối đặc như truyền thống Ấn Độ cổ mà có những ô trống hình quả trám, ghé mắt nhìn vào thì thấy tượng Phật trong ấy, phần nhiều đã bị mất đầu



cụt tay. Mười thế kỷ ở trong rừng sâu, đa số tượng đã bị bàn tay hận thù tôn giáo đập phá. Tôi ghé mắt nhìn qua những ô rỗng hình quả trám mà đoán rằng chắc là họ phải thờ gương giáo gãy gộc qua những cái ô rỗng này mới có thể phạm được vào tượng Phật.

Chín tầng chùa, hãy đi lần lượt từng tầng, chín vòng xung quanh theo chiều kim đồng hồ, đứng tập quán cổ đi vào chùa để thu nhận linh khí và hào quang tỏa ra từ Đức Phật. Hết một vòng tầng dưới lại lên tầng trên để tiếp sang vòng mới. Người mê điêu khắc và kiến trúc thì ở mỗi tầng ấy phải đi rất chậm, ngắm kỹ từng bức phù điêu từng chi tiết. Chuyện đời Phật được kể lại trên tường đá. Chuyện được dựng lại từ giáo lý như dục lạc đem lại khổ đau, luật nhân quả ác giả ác báo, như sát sinh muông thú thì bị luộc trong vạc dầu... Chuyện đời sống vua chúa và bình dân ở xứ vạn đảo ngày xưa. Tầng tầng lớp lớp phù điêu trên tường đá. Tập trung ngắm phù điêu ở trên tường bên phải thì có thể bỏ qua mất bức tường bên trái, và ngược lại. Từ kinh nghiệm của tôi, đã đến đây thì hãy đi thật chậm rãi, cố gắng ngắm nhìn cả hai bên tường, hạn chế đến mức thấp nhất việc bỏ sót những hình ảnh tinh xảo trên đá. Chậm chậm ngâm nga, cố gắng chịu cái nắng trên đầu, bởi vì có thể ta chỉ một lần trong đời được thấy kiệt tác này.

Người ta tính rằng để đi trong quần thể và đi hết chín vòng trên chín tầng chùa, bạn sẽ phải hành hương một chặng đường khoảng năm cây số. Vậy hãy chuẩn bị tinh thần, chuẩn bị sức khỏe và đôi chân. Nhưng giống như có sức mạnh tâm linh và sự cuốn hút của nghệ thuật, hàng nghìn người đổ vào chùa trông ai cũng tươi cười hào hứng.

Bắt đầu từ cổng vào, nên trèo lên một đoàn tàu bánh cao su, đi vòng theo khuôn viên xanh mát cây lá. Chặng đường này cũng phải vài ba cây số, đi xe là để dành đôi chân cho việc ta sẽ leo lên chín tầng chùa.

Người phá và trời phá

Thuở ấy đạo Hồi đã bắt đầu xâm nhập vào xứ vạn đảo, nhưng kinh thành Yogyakarta vẫn là xứ sở của đạo Phật và đạo Hindu. Vương triều Sailendra cho xây

chùa Borobudur trong khoảng một trăm năm, từ năm 750 đến 850. Xây xong thì đến thời thịnh của Hồi giáo. Các thế lực hận thù đến đập phá. Rồi ngôi chùa bị lãng quên mười thế kỷ trong rừng sâu dưới những lớp tro bụi núi lửa. Mãi đến năm 1815 chùa mới được phát hiện và bắt đầu việc tu bổ, nhưng năm 1896 lại bị quốc vương xứ Xiêm lấy đi hàng chục pho tượng cùng phù điêu. Số di vật ấy hiện được trưng bày trong Bảo tàng quốc gia ở Bangkok. Lấn phá hoại mới nhất là ngày 21-1-1985, mấy tầng chùa trên cao bị đánh bom, chín bảo tháp nhỏ bị hư hại, nhưng ngay sau đó toàn bộ đã được phục chế.

Trời đất thiên tai cũng tàn phá ngôi chùa trong suốt một nghìn năm bị bỏ hoang. Núi lửa và động đất là hai kẻ phá hoại tệ hại nhất. Trận gần đây là năm 2010, ngọn núi lửa Merapi trút xuống chùa một lớp tro dày và khi tu sửa khai thông hệ thống cống, người ta phải dọn dẹp 55.000 hòn đá từ núi lửa lăn xuống.

Chuyến hành hương thực sự “hành”

Vào những ngày lễ ngày hội, mỗi ngày chùa Borobudur đón đến 90.000 du khách. Dịp Giáng sinh kết hợp nghỉ cuối tuần, chỉ từ ngày 19-12 đến 23-12-2015, tờ báo địa phương *Yogya Istimewa* ngày 25-12-2015 cho biết tổng cộng có 140.782 người đến thăm chùa.

Xuất phát từ thủ đô Jakarta vào ban đêm, nhóm chúng tôi tự lái xe đi thăm Borobudur. Không ai ngờ chuyến đi ấy mình thành nhân chứng và nạn nhân của một vụ tắc đường khủng khiếp. Quảng đường 500km bình thường chỉ cần 10 tiếng đi xe, thì chúng tôi phải đi mất 24 tiếng. Trước mỗi trạm thu phí xa lộ dồn ứ lại những đoàn xe dài hàng cây số, hàng nghìn chiếc xe. Xe chỉ nhích lên khoảng mười mét là lại dừng, cứ thế suốt đêm, cứ thế suốt ngày hôm sau. Mấy ngày sau về lại thủ đô mới biết vì cái vụ tắc đường ấy mà ông Cục trưởng Cục Giao thông Đường bộ phải xin từ chức. Ông lập tức được coi là người hùng vì khởi đầu cho tinh thần hiệp sĩ dám chủ động nhận trách nhiệm. Người ta đánh giá cao hành động người hùng, mong muốn sẽ có thêm nhiều vị tự giác từ chức, nhưng cũng



khởi lại nạn tắc đường kinh niên ở Indonesia mà một sự từ chức vẫn chưa đủ để đánh động và giải quyết.

Từ những năm trước, nhiều người đã nêu giải pháp: quy định số lượng du khách có thể vào Borobudur mỗi ngày. Đảo rồng Komodo đã thực hiện việc định lượng như thế. Nhưng mỗi ngày hàng vạn chuyến xe đổ vào đây từ khắp đất nước, từ cả nước ngoài trên những chuyến bay thẳng đến cổ đô. Việc hạn chế số lượng du khách phải là vấn đề của cả nước, không phải chỉ riêng chính quyền tỉnh Trung Java mà có thể làm được.

Bài học từ những vụ tắc đường cho tôi một điều tâm niệm: ở xứ vạn đảo, đi đâu từ 200km trở lên thì chỉ nên đi tàu hỏa, xa nữa thì đi máy bay. Còn đi bằng ô tô thì rủi ro tắc đường rất cao, ngay cả khi đã tránh những ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ.

Người Việt hầu như mới chỉ biết đến *tua* du lịch bay từ Sài Gòn sang Bali, quá cảnh ở một nước thứ ba, thăm thú dăm ba ngày, rồi lại bay từ Bali về Sài Gòn, không ghé vào nơi nào khác. Bởi vì nếu muốn kết hợp bay từ Bali về thủ đô Jakarta thì cũng xấp xỉ thời gian bay về Sài Gòn, quá xa và tốn kém. Xin mách cho những du khách tự khám phá: từ Singapore và Kuala Lumpur có chuyến bay thẳng sang cổ đô Yogyakarta, từ đây chỉ còn 50km đường bộ đến chùa Borobudur.

Ta hãy thu xếp để đến thẳng Borobudur, nghỉ tại khách sạn ở đó, sớm hôm sau có mặt đúng lúc chùa

mở cửa vào sáu giờ sáng. Không khí cả quần thể trong lành thanh tịnh. Hàng vạn khách chưa kịp đổ đến chùa. Ta sẽ có ít nhất hai tiếng đồng hồ tận hưởng vẻ đẹp cả quần thể. Có những du khách còn đến sớm hơn, lúc mặt trời mọc 4 giờ 30 phút sáng, để chụp ảnh mặt trời mọc trên nóc chùa. Ngày hôm ấy, nên đi lại thăm thú các bảo tàng trong khuôn viên chùa, đi lang thang trong khu rừng chùa trên ngọn đồi nhỏ. Cách chùa khoảng 3,5 km còn có ngôi chùa Mendut, trong ấy pho tượng Phật cao ba mét được coi là kiệt tác điêu khắc, càng hiếm có bởi vì Phật ngồi theo kiểu trên ngai, không phải ngồi trong tư thế thiền trên tòa sen như thường thấy. Bên cạnh chùa có một thiền viện với cây sala và những sảnh nhỏ để ngồi thiền.

Sáng sớm hôm sau, ta có thể từ giả chùa Phật để đến với quần thể đền thờ Hindu Prambanan, chỉ cách đây ba chục cây số. Lại một quần thể kiến trúc đồ sộ và cao chót vót, con người bỗng thấy mình quá bé nhỏ trước cái vĩ đại linh thiêng.

Sau quãng đường hành hương bị xe cộ tắc nghẽn hành cho đến nơi đến chốn, chắc chắn một ngày và một đêm trọn vẹn ở Borobudur là sự đền bù xứng đáng. Tôi tự nhủ sẽ còn trở lại, sẽ dẫn theo bạn bè, lần này đã có kinh nghiệm tránh được những vẩn nạn, để chỉ còn tập trung giới thiệu cho bạn bè một xứ sở tuyệt vời. ■

** Ảnh của tác giả*

Miền đất tôi qua

Nơi địa đầu đất nước

TRẦN VỌNG ĐỨC

Tên mảnh đất hình chữ S của Tổ quốc, đã từng đến căn nhà cuối cùng nơi Đất Mũi - Cà Mau thì hà cớ gì không cố một lần tìm đến căn nhà chót vót nơi địa đầu đất nước ở Lũng Cú - Hà Giang. Vậy là lại ba-lô lên đường. Từ thành phố Hà Giang, theo Quốc lộ 4C khoảng 145km, là đến thị trấn Đồng Văn. Đây là con đường độc đạo vắt vẻo trong mây, xuyên cao nguyên đá. Vượt qua những cung đường cực kỳ hiểm trở với một bên là vách núi, một bên là vực thẳm, quanh co, cách trở, “thấy nhau trong tầm mắt, gặp nhau mất nửa ngày”, mới thở phào bởi đã “thượng lộ bình an” và nhủ thầm “Chớ dại thêm một lần trở lại”.

Cao nguyên đá Đồng Văn trải dài trên diện tích hơn 2.350km vuông của bốn huyện phía Bắc tỉnh Hà Giang là: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc. Vùng đất 90% diện tích là núi đá vôi được ví von một cách hình tượng rằng “Đất không ba bước bằng, trời không ba ngày nắng”. Từ thị trấn Đồng Văn, xuôi theo con đường trải nhựa khoảng 40km là đến xã Lũng Cú, mảnh đất cực Bắc của Việt Nam. Xã Lũng Cú có diện tích tự nhiên 3.460 ha, gồm chín thôn, trong đó bảy thôn có đường biên giới dài tổng cộng 16km với Trung Quốc. Dân số toàn xã gần 3.500 người, chủ yếu là người H'Mông, Lô Lô, Tày, Pu Páo.

Biểu tượng thiêng liêng của Tổ quốc ở biên cương xa xăm, cách Hà Nội gần 500km, chính là cột cờ Lũng Cú, nằm trên đỉnh núi Rồng có độ cao khoảng 1.470 mét. Cột cờ Lũng Cú phảng phất bóng dáng của cột cờ Hà Nội. Lá cờ sáu mét chiều dọc, chín mét ngang, diện tích 54 mét vuông, tượng trưng cho 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên đất mẹ Việt Nam. Tuy nhiên, cột cờ Lũng Cú không phải là điểm vĩ độ xa nhất về phía Bắc của Tổ quốc. Điểm cực Bắc nằm gần cột mốc biên giới số 422, thuộc

thôn Sáo Lũng, cách 3km về hướng Bắc so với cột cờ Lũng Cú. Điểm địa đầu, chóp nón của mái nhà đất nước có biên giới tự nhiên là dòng sông Nho Quế sâu thẳm, xanh biếc, uốn lượn như một dải lụa. Đứng ở nơi này có thể cảm nhận rất rõ một điều, ấy là Tổ quốc ngay sau lưng ta. Đất mẹ là điểm tựa bao la, vững chãi cho con cháu ngàn đời gìn giữ, nâng niu.

Con đường đến điểm dân cư gần nhất nơi địa đầu đất nước thuộc thôn Sáo Lũng đầy đá lởm chởm, đèo dốc cực kỳ hiểm nguy nhưng chiếc xe hơi găm cao của bộ đội biên phòng cũng có thể bò tới nơi. Toàn thôn có gần ba chục nóc nhà của người H'Mông. Gia đình anh Lý Chúng Già gồm năm người là những cư dân sống ở đỉnh đầu đất nước. Năm nay vừa qua tuổi 50, dòng họ Lý Chúng Già đã năm đời trụ lại trên vùng đất này. Căn nhà của anh là loại nhà trình tường, rất phổ biến của bà con các dân tộc phía Bắc, với tường đất dày chừng bốn tấc, dịu mát về mùa hè và ấm áp vào mùa đông. Nét khác biệt của căn nhà Lý Chúng Già là bờ tường bao quanh sân cũng bằng đất, lợp rạ phía trên để tránh xói lở, trông rất ngộ nghĩnh, trong khi các nhà khác tường rào là những mảnh đá được xếp chồng lên nhau. Ngay trong khuôn viên, đối diện gian nhà ở đồ đạc rất đơn sơ, là chuồng nuôi hai con bò, có thêm hai lồng chim cu cườm treo trên xà ngang.

Cùng với hai anh bạn hàng xóm, Lý Chúng Già đang đóng thùng nấu rượu. Chiếc thùng có đường kính và chiều cao đều chừng một mét, được ghép bằng những thanh gỗ sa mộc, loại cây thuộc họ hoàng đàn, cao vút, rất phổ biến trong vùng. Trong khi Lý Chúng Già dùng dao quăm sắc lềm bào mép thùng thì hai anh bạn tranh thủ hút thuốc. Đàn ông vùng cao, đa phần đều hút thuốc lâu, môi thâm sì và răng vàng sạm khiến nụ cười thêm

hồn nhiên, thuần phác. Thùng gỗ làm xong sẽ được ốp đất sét bên trong, chụp lên nồi nấu, phía trên thùng là chảo nước lạnh để ngưng tụ rượu. Rượu ngô là thức uống phổ biến trong các gia đình ở vùng cao, đàn ông và đàn bà đều giỏi uống, ngất ngưỡng say mới sướng. Với người dân nơi này, làm lụng và vui chơi đều hết mình.

Tôi có thói quen, chẳng biết tốt hay xấu, là thích sục sạo khi đến một miền đất lạ. Thú nhất là xộc vào nhà ai đó, lên xuống bếp, mở nắp các loại nồi niêu xoong chảo ra xem. Có đồ ăn dân dã thì tuyệt vời, bốc ngay một miếng mà không cần xin phép. Ngon dở khoan bàn, cứ lạ là sướng rồi! Lần này cũng vậy, nhân lúc chủ nhà mãi việc, tôi mò xuống bếp. Trong không gian ám khói tối om, tôi lơ mơ phát hiện ra một cái nồi to đặt gần bếp. Mở nắp nồi, một mùi thơm dậy lên, thanh tao, cuốn hút. Dí mắt nhìn kỹ, thì ra đây là nồi bột ngô hấp. Và việc gì đến sẽ phải đến, liếc quanh một vòng không thấy bóng người, trong tiếng dao bào xoăn xoẹt ngoài sân vọng vào như đồng lõa, tôi liền bốc một vốc bột ngô, ụp ngay vào miệng. Chưa kịp sướng thì bị nghẹn, bột ngô lấp đầy họng, nuốt không vào mà nhả cũng không ra. Tôi lao ra ngoài sân, ngộp thở, ứ ớ không thành tiếng, mặt mày chắc xám ngoét.

Món tôi vừa ăn vụng chính là mèn mén, món ăn rất phổ biến của người H'Mông. Lũng Cú theo tiếng H'Mông mà Lý Chúng Già giải thích, có nghĩa là "Lũng ngô", nơi trồng ngô là chủ yếu. Ngô được dùng làm lương thực và nấu rượu. Tuy nhiên, cho tới đầu thế kỷ XX, cây trồng chủ lực trên cao nguyên đá này vẫn là cây anh túc. Ngày ấy, hút thuốc phiện là chuyện phổ biến. Không chỉ đàn ông, mà ở nhiều gia đình, đàn bà và trẻ con cũng nghiện hút. Có nhà, gia chủ chết, chó cũng chảy dớt dãi, đổ gục xuống cạnh chủ vì nhớ khói thuốc phiện. Bằng cuộc vận động kiên trì và quyết liệt, kết hợp với việc bảo đảm cung cấp lương thực và hướng dẫn người dân chuyển đổi cây trồng, cây anh túc và người nghiện hút đã gần như biến mất. Ngày nay, trên đất Lũng Cú đã có thêm cây lúa, cải dầu, khoai tây, đậu tương nhưng ngô vẫn là cây chủ lực. Cây ngô sống được trên những rẻo đất hiểm hoi trong thung lũng và từ những hốc đất nhỏ nhoi trong triền đá. Trên cao nguyên đá khắc nghiệt, sức sống của cây cỏ và trên hết là con người, vô cùng mạnh mẽ. Để chế biến thành mèn mén, hạt ngô khô được xay nhuyễn bằng cối đá nặng trĩu, cần tới ba người đẩy càng quay, thêm một người đứng thả ngô hạt vào cối. Bột ngô phải qua hai lần hấp cách thủy trong chõ, xen giữa một lần ủ cho tới mềm. Mèn mén được ăn cùng với canh, thông thường là canh rau cải, đậu trắng. Ăn mèn mén, phải hết sức từ tốn, nhặt khoan. Người chưa quen cách ăn, tham ăn hoặc ăn vụng, rất dễ bị ngộp sặc.

Lý Chúng Già bảo tôi: *"Cuộc sống của người H'Mông chúng tôi đâu còn nhiều khó khăn nhưng đã được cải thiện, tốt hơn trước rất nhiều. Năm nay tôi sẽ nấu nhiều rượu, mời anh em bạn bè. Tết này mời anh lên Lũng Cú uống rượu với chúng tôi. Mời thật lòng đấy!"*



Người H'Mông ở Sáo Lũng, dù già hay trẻ đều rất cởi mở và chân thành. Họ sống hồn nhiên, gắn bó với cộng đồng và không quá bận tâm tới vị thế của vùng đất. Bởi đơn giản một điều, đây là quê hương, là miền đất sống của gia đình, dòng tộc. Với thiên nhiên hùng vĩ, bản sắc văn hóa độc đáo, tính cách con người mạnh mẽ, đôn hậu, tôi đã bốn lần nhủ thầm *"Chớ dại thêm một lần trở lại"* với Lũng Cú - Hà Giang, miền đất biên cương địa đầu Tổ quốc. ■

* Ảnh của tác giả



Những mảng trời xanh

HẢI TRINH

“**H**àng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc...”.

Ngày xưa, hầu như năm nào cũng thế, cứ vào buổi khai giảng tiết học đầu tiên là chúng tôi lại được viết bài chính tả kinh điển đó. Tôi cũng nhớ đến lần đầu tiên được viết bài chính tả đó trong đời. Hôm ấy, tôi được nghe giọng đọc của thầy tôi sang sảng, âm vang sang cả khu vườn bên cạnh. Hình như từng câu, từng chữ cũng theo nhịp thước, bước đi, và có cả tấm lòng trong từng ánh mắt của thầy.

Ngày ấy, một buổi sáng vào tiết trọng thu. Bầu trời quang đãng. Nắng vàng đã thêm sắc cho những tàu lá chuối non vốn đã nõn nà sau những đêm mưa ngâu rả rích. Nơi chốn bình yên ấy, thấp thoáng những chú chim non chiêm chiếp chuyển cành, hòa lẫn với những tràng âm thanh líu ríu liên hồi của những chàng chim sẻ đang xòe đôi cánh mỏng tang múa khúc gọi tình. Và chúng tôi thì cứ mãi mê cúi đầu, nắn nót từng nét chữ theo giọng đọc thanh thoát của thầy mà quên đi những tia nắng mai đã ghé vào trang vở hồi nào mà chẳng hay chẳng biết.

Khi mặt nước sông quê đã rập rình phủ kín chân tre, từng đàn cò trắng rủ nhau về nhón nhơ bên những đồng rạ đầu mùa còn ngát hương mùi lúa mới, là lúc đường quê rộn rã tiếng học trò. Nắng tháng Tám rằm trái buổi. Khi bầu trời trong vắt và cao thăm thẳm là lúc tơ trời xuất hiện. Không biết ở đâu, chắc là từ thượng tầng không khí. Tơ trời lơ lửng, buông tỏa trắng ngập không gian. Từ trên cao đã thấp thoáng bóng tơ trời; không gấp gáp như những đám mây chiều của Xuân Diệu mà thanh thoi lượn lờ giữa khoảng trời xanh lộng gió. Chúng tôi tung tăng tranh nhau đuổi theo những đoạn tơ trời đang sà dần xuống đất. Hình như có đứa nào đó tóm được vài sợi, thế là cả đám xúm lại tranh nhau cười vui, hò reo vang dội

cả sân trường. Mãi mê nô đùa, có lúc vấp ngã té nhào mà chẳng hề một chút xuýt xoa, lại lồm cồm đứng dậy tiếp tục cuộc vui. Rồi lại ngẩng đầu lên bầu trời xanh cao mà dõi theo, mà chờ đợi. Cũng có lúc ngần ngơ đứng nhìn những sợi tơ trời vương phải ngọn cây trong ánh mắt đầy tiếc nuối. Trên những cành cây cao, không biết từ lúc nào, tơ trời óng ả đã chằng chịt như những chuỗi tơ hồng giăng mắc, đan xen giữa màu xanh của lá. Chúng tôi lại nhặt vài cành cây khô nối lại để cố khoèo cho bằng được; nhưng khi chạm phải thì cái da thịt mịn màng kia đã tan ra, quện vào ánh nắng hanh vàng, rồi chơi vơi theo chiều gió mà bay xa. Thật uống công!

Bỗng một hồi trống vang lên. Chúng tôi vào lớp. Bỏ dở cuộc chơi. Như còn nuối tiếc; tôi len lén nhìn ra sân trường. Xa xa là những ngọn núi già bàng bạc khói sương, là nơi hò hẹn của những đám mây trắng và những sợi tơ trời đông đưa trước gió. Đang mãi mê thả hồn theo mây khói. Bỗng nghe tiếng thước nhịp trên bàn thầy khiến tôi giật mình. Hình như thầy đã phát hiện ra phút giây chảnh mải của tôi. Sửa lại tư thế, lại làm dáng như đang chăm chú lắng nghe lời thầy giảng... Một năm học mới lại bắt đầu.

Thuở ấy chúng tôi nghèo lắm. Tuổi học trò không phải là một thời áo trắng theo đúng thực nghĩa và cả ngữ nghĩa của thơ văn. Là học trò lại phải kiêm luôn nghề mục tử, như nhà thơ Nguyễn Duy đã diễn tả:

Áo vá vai, ruộng vá lưng đôi.

Cuộc sống chật vật, thiếu thốn trăm bề. Nhưng tâm hồn chúng tôi luôn được tưới tắm bằng hương đồng gió nội. Lại được thương yêu, đùm bọc và dạy dỗ tận tình của những người thầy phẩm hạnh cao minh. Vẫn biết mọi việc trên đời rồi sẽ qua đi, chỉ còn là kỷ niệm. Kỷ niệm thì có vui, có buồn. Lúc nhớ, lúc quên. Nhưng những ký ức êm đềm về tuổi thơ thì vẫn mãi mãi an trú trong lòng ta như những mảng trời xanh lộng gió. ■



HƯƠNG SẠCH MARIN

HÀNH TRÌNH *Thơm Sạch Từ Tâm*

Hương sạch MARIN là sản phẩm hương thấp được làm từ rễ cây Hương Bài, mùn của gỗ cây Nhân và vỏ cây Bời Lời. Sản phẩm do Trung tâm Tư vấn Pháp luật và Trợ giúp Pháp lý cho gia đình liệt sĩ (một tổ chức hoạt động tự nguyện từ năm 2004, gọi tắt là MARIN) hợp tác với Công ty TNHH – MTV Tân Nguyên, xã Thủy Phù, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế sản xuất. Hương Sạch MARIN ra đời từ mong muốn có một sản phẩm tạo nguồn thu cho hoạt động thiện nguyện của MARIN.

Với tiêu chí THƠM SẠCH TỪ TÂM, MARIN đã xây dựng hệ thống trồng cây Hương Bài, sản xuất và phân phối khép kín nên từng nén hương, nụ hương MARIN được đảm bảo độ SẠCH tuyệt đối.

Sứ mệnh của Hương Sạch MARIN là đem đến mọi gia đình Việt nén hương thuần khiết để dâng lên ông bà, tổ tiên, đấng linh thiêng... với trọn lòng thành kính. Đồng thời, sản phẩm giúp người tiếp xúc khói hương tránh được các nguy hại cho sức khỏe như nhức đầu, khó thở, tổn hại mắt, bệnh đường hô hấp... Nguy hiểm hơn, việc hít khói hương độc hại lâu dài có thể gây biến đổi gen, hình thành các tế bào ung thư.



↑Người nông dân thu hoạch rễ cây Hương Bài - nguyên liệu chính tạo nên mùi thơm thanh tịnh và nhẹ nhàng của Hương Sạch MARIN



↑Hương nụ thấp MARIN là sản phẩm đặc biệt dùng xông nhà/công ty, thiền, thư giãn.



↑Nén hương sạch MARIN khi chưa thấp chỉ thơm một mùi gỗ



↑Hương thê:
MQ35 (35cm) giá 14.000đ/thê/35 nén
MQ45 (38cm) giá 18.000đ/thê/45 nén
MQ61 (50cm) giá 32.000đ/thê/61 nén

Hương Sạch MARIN cam kết:

4 KHÔNG

- Chất tạo mùi (hương liệu)
- Chất tạo cháy (Kali Nitrat)
- Chất chống mốc (Butyl Cellosolve)
- Chất cuốn tàn (Axit Photphoric)



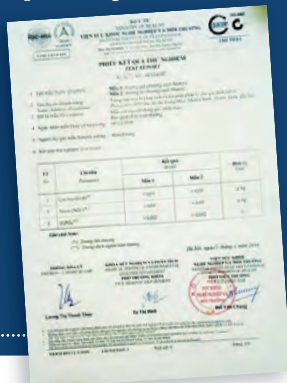
↗Ba sản phẩm "best seller" của Hương Sạch MARIN là hương 35cm, giá 60.000 đồng/ống 170 nén; hương 23cm, giá 52.000 đồng/ống 220 nén và hương nụ thấp, giá 50.000 đồng/hộp 45 viên.



↗Sản phẩm kỳ công mới ra mắt của Hương Sạch MARIN. Vòng 20h giá 85.000 đồng/hộp 8 vòng; Vòng 24h giá 95.000 đồng/hộp 7 vòng.

↗Hương nụ búp sen là dòng sản phẩm đặc biệt dùng kết hợp với thác khói phong thủy để thư giãn. Giá: 58.000 đồng/hộp 31 viên

◆Kết quả thử nghiệm của BỘ Y TẾ



ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA HƯƠNG SẠCH MARIN

1. Địa chỉ của nhà sản xuất rõ ràng trên sản phẩm.
2. Nén hương cháy đều và đượm lửa.
3. Khói hương mỏng, màu trắng và tan nhanh trong không khí.
4. Mùi thơm tự nhiên lan tỏa trong không gian.
5. Tàn hương cong, rơi tự nhiên, bột có màu nâu đất, mịn.
6. Thương hiệu được bảo hộ trên toàn quốc.
7. Sản phẩm đã được BỘ Y TẾ kiểm định về mức độ an toàn cho người sử dụng.
8. Sản phẩm đã đăng ký quản lý mã vạch toàn cầu.
9. Toàn bộ lợi nhuận thu được từ sản phẩm sau khi trừ chi phí sẽ dành cho các hoạt động thiện nguyện của Trung tâm MARIN.

Hương sạch Marin miền Nam

Cửa hàng : 265 Tunnel Thiện Vương, P. 11, Q. 8, TP. HCM. Hotline : 090 246 0007 - Website : www.huongsachmarin.vn

CÓ GÌ BÊN TRONG MỘT SIÊU THỊ PHẬT GIÁO QUỐC TẾ?

Việt Nam được biết đến là một trong những quốc gia có nền Phật giáo phát triển nhất hiện nay. Theo đó, mong muốn được thờ cúng, chiêm bái, dâng lễ hình tượng chư Phật, Bồ-tát, các vị La-hán... ngày càng trở thành nhu cầu tất yếu và cấp thiết của cộng đồng. Nắm bắt được điều đó, ISALA đã mở ra một hệ thống Siêu thị Phật giáo Quốc tế, nơi không chỉ đáp ứng các nhu cầu mua sắm văn hóa phẩm Phật giáo nói chung, mà còn là cầu nối, góp phần lan tỏa tinh thần Phật giáo một cách trực tiếp và gần gũi nhất, đến với công chúng.



Có thể nói, đây cũng chính là một trong những điểm tạo nên sự khác biệt của hệ thống Siêu thị Phật giáo Quốc tế ISALA, giữa các mô hình siêu thị Phật giáo nói chung, từ lâu, đã không còn là khái niệm xa lạ đối với người Việt.

Theo đó, đến Siêu thị Phật giáo Quốc tế ISALA, bên cạnh nhu cầu mua sắm, mỗi khách hàng sẽ như đang bước vào một ngôi chùa, với “chánh điện”, nơi tôn tượng chư Phật và các vị Bồ-tát được thiết trí một cách trang nghiêm theo đúng chuẩn mực. Giám đốc ISALA, bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết chia sẻ:

“Mỗi chúng ta khi đến đây, điều đầu tiên có thể làm là chiêm bái ngay tôn tượng của đức Thế Tôn và cung kính dâng lễ Ngài, một cách rất tự nhiên. Hay, chúng ta cũng có thể hòa mình vào sự tĩnh lặng, an yên của không gian thiền trà, nơi bài trí những bàn trà với đầy đủ các vật dụng thiên nhiên như gỗ, tre, nứa... phục vụ cho việc thưởng trà. Bên cạnh đó, tại ISALA, với các mô hình thực tế được khéo léo dựng lên, có nước chảy nhẹ nhàng, có cây cỏ bao quanh... mỗi chúng ta sẽ như được trải nghiệm một buổi thưởng trà, mang đậm chất thiền thanh tịnh của Phật giáo, tạm gác lại những ồn ào, tất bật của nhịp sống bên ngoài.”

Ngoài ra, với diện tích hơn 600m², Siêu thị Phật giáo Quốc tế ISALA còn là nơi quy tụ của các văn hóa phẩm Phật giáo như tượng Phật, đồ thờ cúng, pháp khí thờ, nhang nền sạch, trang sức thiên nhiên và tràng hạt... đến từ khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là các nước có nền văn hóa Phật giáo phát triển như Ấn Độ, Nepal, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...

Bên cạnh đó, toàn bộ các sản phẩm tại đây đều được đội ngũ chuyên nghiệp của ISALA chọn lọc kỹ càng, với các chính sách bảo hành kèm theo từng sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng và giá thành tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

Một trong những nét đặc sắc nữa khiến ISALA nổi bật giữa các Siêu thị Phật giáo khác chính ở dịch vụ tư vấn, chăm sóc khách hàng. Đến với ISALA, khách hàng không chỉ được mua sắm với sự tư vấn chu đáo, rõ ràng về “lai lịch” và các chính sách hậu mãi của từng sản phẩm, mà còn được tìm hiểu thêm về cung cách bài trí bàn thờ Phật, bàn thờ tổ tiên theo đúng truyền thống văn hóa Việt Nam. Với nhiều mô hình bàn thờ tự được ISALA khéo léo dàn dựng, khách hàng sẽ dễ dàng tiếp cận được các cách thiết trí cũng như những vật dụng cần thiết, gần gũi với người Việt, để sắp lên bàn thờ, sao cho hợp lý nhất.

Hiện nay, Siêu thị Phật giáo quốc tế ISALA gồm có hai chi nhánh, một tại 332-334 Nguyễn Chí Thanh, P.5, Q.10, TP.HCM và một cửa hàng tại Hà Nội, số 54 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm.

Nhân dịp khai trương, mỗi khách hàng khi đến với ISALA sẽ nhận được nhiều ưu đãi chiết khấu, cùng nhiều quà tặng hấp dẫn phục vụ cho mùa Vu lan PL.2562. Có thể kể đến như chương trình giảm 30% dành cho các tôn tượng, vật phẩm trưng bày không gian thiền trà. Từ 21/08 - 19/08/2018 (Nhằm 11/07-10/08 ÂL)

- Áp dụng tại hệ thống cửa hàng ISALA:

+ Đ/c: 332-334 Nguyễn Chí Thanh, P.5, Q.10, HCM

+ Đ/c: 54 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chi tiết vui lòng liên hệ: **19006601**



DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Fuji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn điệp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com

ISALA
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

MỪNG KHAI TRƯỞNG
SIÊU THỊ PHẬT GIÁO ISALA

**ƯU ĐÃI LÊN ĐẾN
30%**
Áp dụng đến hết tháng 07 Âm Lịch

**TƯỢNG PHẬT - PHÁP KHÍ - THIÊN TRÀ
HƯƠNG ĐẠO - ĐÁ PHONG THỦY**

332 - 334 Nguyễn Chí Thanh, P. 5, Q. 10, TP. HCM | 54 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, HN
1900 6601 | 0905 966 903 - 0903 288 112 | www.isala.vn | f www.fb.com/sieuthiphatgiaoisala

DIÊU TƯỢNG FM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

**KINH MỪNG
ĐẠI LỄ
VU LAN
2018**

TƯ VẤN THIẾT KẾ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIÊN TRÀ NGHỆ THUẬT

382B-D-E-F-G, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3, TP. HCM | 0902 848 363

Phong Thủy Khâm Thiên

- Tư vấn phong thủy Nhà cửa, Công ty, Phân xưởng,...
- Xem và luận đoán con người qua Tử Vi, Bát Tự, Quẻ Dịch...
- Xem ngày Cưới, ngày Khai trương, Động thổ, Nhập trạch,...
- Tư vấn số Điện thoại, Đặt tên, sử dụng Vật phẩm phong thủy theo khoa học.

Đặc biệt

Thường xuyên khai giảng các lớp Phong Thủy, Tử Vi, Nhân tướng;
Lớp luyện Thư Pháp Hán Ngữ, lớp Hán ngữ cổ.

Chi tiết liên hệ **Chiêm Tinh Gia Dương Đạt.**
0911.000.222 - 0911.166.186

www.tuvikhamthien.com

SGPK
A Brand Of Excellence

**CÔNG TY TNHH
SÀI GÒN PHÚ KIM**

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028) 3880 9766
Email: saigonphukim@gmail.com
Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

TẠP CHÍ TƯ TƯỜNG

ẤN BẢN MỚI NĂM 2018
Trọn bộ 17 quyển

TƯ TƯỜNG được xem như bộ tạp chí biểu tượng hội tụ tinh hoa của thời đại.

- Ngoài số thường, còn có 32 chuyên đề gồm nhiều lĩnh vực về tư tưởng, giáo dục, danh nhân... rất đặc sắc.

- Vượt khỏi ranh giới tôn giáo, bộ tạp chí cần cho tất cả những ai quan tâm đến lĩnh vực học thuật, đặc biệt là những vấn đề mang tính tư tưởng, định hướng.

- Thư viện Huệ Quang tái bản lần thứ nhất 06-2018 với 17 TẬP, ĐỦ BỘ 50 SỐ TRONG 15 TẬP VÀ 2 TẬP PHỤ LỤC là Tổng mục lục và Diễn đàn Vạn Hạnh.

- Với ấn bản bìa cứng mới này: gáy tròn, ép kim, ruột có tờ gát, giấy và mực in chất lượng, file được xử lý thêm, Thư viện Huệ Quang xin thông báo đến bạn đọc chấm dứt việc lưu hành ấn bản cũ.



THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hoà Bình, Hoà Thạnh, Tân Phú, HCM

SĐT: 0283 9 760 663 - 0166 7 105 330 (SC. Trung Tiến)

Email: info@thuvienhuequang.vn - Website: thuvienhuequang.vn



Đang phát hành

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ, tập 1 & 2 năm 2017



Mọi chi tiết xin liên hệ

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Phòng Phát hành: (84-28) 3 8484 335

ĐD: 0906 934 252 (Ngô Văn Thông)

Màu sắc
đa dạng,
phong phú

Tuổi thọ bền
gấp nhiều lần
so với
tôn kẽm màu
thông thường

Khả năng
chống ăn mòn
vượt trội

TÔN HOA SEN

THỊ PHẦN TÔN

SỐ 1
VIỆT NAM



TÔN HOA SEN

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



www.hoasengroup.vn



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515

THEO THỐNG KÊ CỦA HIỆP HỘI THÉP VIỆT NAM